

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

HOÀNG THỊ HẢI AN

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Hải Phòng - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀNG THỊ HẢI AN

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI
DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT TRONG KHU CÔNG NGHIỆP
NOMURA TẠI CHI CỤC HẢI QUAN KHU CHẾ XUẤT VÀ
KHU CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ SỐ: 60 34 01 02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS NGUYỄN THỊ DƯƠNG NGA

LỜI CAM ĐOAN

Tôi là Hoàng Thị Hải An, học viên lớp MB03 chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, trường Đại học dân lập Hải Phòng. Tôi xin cam đoan rằng: Các số liệu trong luận văn có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn nguồn cung cấp. Các kết quả nghiên cứu trong luận văn là xác thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào trước đây.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 11 năm 2018

Tác giả luận văn

Hoàng Thị Hải An

LỜI CẢM ƠN

Luận văn được thực hiện dưới sự hướng dẫn của PGS. TS. Nguyễn Thị Dương Nga. Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Cô, đã hướng dẫn và có những ý kiến chỉ dẫn quý báu trong quá trình em làm luận văn. Em xin chân thành cảm ơn các thầy giáo, cô giáo, các cán bộ thuộc Khoa Đào tạo sau đại học - Trường Đại học dân lập Hải Phòng đã tạo điều kiện cho em trong quá trình học tập và nghiên cứu tại trường. Em cũng xin cảm ơn bạn bè, đồng nghiệp và gia đình đã động viên, giúp đỡ em hoàn thành bài luận văn này.

Cuối cùng, em xin trân trọng cảm ơn ban lãnh đạo Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng đã tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình em theo học thạc sĩ cũng như đã cung cấp những số liệu cần thiết giúp đỡ em trong thời gian nghiên cứu và hoàn thiện đề tài.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 11 năm 2018

Tác giả luận văn

Hoàng Thị Hải An

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ	7
DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN	7
1.1. Các khái niệm cơ bản	7
1.1.1. Quản lý nhà nước về hải quan.....	7
1.1.2. Doanh nghiệp chế xuất.....	10
1.1.2.1. Khái niệm và đặc điểm pháp lý của khu chế xuất (KCX).....	10
1.1.2.2. Khái niệm và đặc điểm pháp lý của khu công nghiệp (KCN)	11
1.1.2.3. Khái niệm, đặc điểm pháp lý và vai trò của doanh nghiệp chế xuất.....	12
1.2. Nhiệm vụ và địa bàn hoạt động của Hải quan Việt Nam:.....	18
1.2.1. Nhiệm vụ	18
1.2.2. Địa bàn hoạt động.....	20
1.3. Quản lý nhà nước về hải quan đối với các doanh nghiệp chế xuất	20
1.3.1. Chủ thể, đối tượng quản lý	20
1.3.2. Nội dung quản lý nhà nước về hải quan đối với các DNCX	22
1.3.2.1. Tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp	22
1.3.2.2. Quản lý hoạt động thông quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để gia công....	22
1.3.2.3. Quản lý hoạt động thông quan đối với nhập nguyên liệu để SX hàng XK ...	23
1.3.2.4. Quản lý quyết toán tình hình sử dụng nguyên phụ liệu	27
1.3.2.5. Xử lý vi phạm pháp luật hải quan, kiểm tra, giám sát và vấn đề rủi ro đối với hàng gia công, sản xuất để xuất khẩu của DNCX.	27
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về hải quan đối với DNCX.....	29
1.4.1. Các yếu tố bên trong thuộc phía cơ quan hải quan.....	29
1.4.2. Các yếu tố bên ngoài	30
1.5. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về hải quan đối với DNCX tại một số đơn vị Hải quan.....	32
1.5.1. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về hải quan đối với DNCX tại Cục Hải quan tỉnh Bình Dương.....	32
1.5.2. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về hải quan đối với DNCX tại Chi cục Hải quan KCX Tân Thuận - Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh	34
1.5.3. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về hải quan đối với DNCX tại Cục Hải quan Đồng Nai.....	36

1.5.4. Bài học kinh nghiệm cho Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng – Cục Hải quan TP Hải Phòng.....	36
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT TRONG KCN NOMURA TẠI CHI CỤC HẢI QUAN KHU CHẾ XUẤT VÀ KHU CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG.....	39
2.1. Tổng quan về Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng và DNCX trong KCN Nomura do Chi cục quản lý.....	39
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng	39
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Chi cục Hải quan Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng.....	40
2.1.3. Bộ máy tổ chức của Chi cục Hải quan khu chế xuất và khu công nghiệp Hải Phòng	41
2.1.4. Tổng quan về DNCX trong KCN Nomura do Chi cục quản lý	46
2.1.4.1. Vài nét về KCN Nomura Hải Phòng	46
2.1.4.2. Giới thiệu khái quát về các DNCX trong KCN Nomura do Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng quản lý giai đoạn 2015-2017	47
3 năm từ 2015 - 2017	49
2.1.4.3. Hoạt động xuất nhập khẩu của các DNCX trong KCN Nomura do Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng quản lý giai đoạn 2015 - 2017.....	51
2.2. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về hải quan đối với các DNCX trong KCN Nomura tại Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng	57
2.2.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật, hỗ trợ DN.....	57
2.2.2. Công tác quản lý hoạt động thông quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để gia công của DNCX trong KCN Nomura.....	60
2.2.3. Công tác quản lý hoạt động nhập nguyên liệu vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu.....	64
2.2.4. Công tác quản lý báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu vật tư	67
2.2.5. Công tác xử lý vi phạm, kiểm tra và vấn đề rủi ro đối với hàng gia công, sản xuất để xuất khẩu.....	70
2.3. Đánh giá công tác quản lý nhà nước về hải quan đối với DNCX tại KCN Nomura của Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng.....	75
2.3.1. Những kết quả đạt được	75
2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế	76
2.3.2.1. Hạn chế.....	76
2.3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế	77

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT TRONG KCN NOMURA TẠI CHI CỤC HẢI QUAN KHU CHẾ XUẤT VÀ KHU CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG	79
3.1. Mục tiêu, kế hoạch hoạt động của Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng trong thời gian tới	79
3.1.1. Mục tiêu	79
3.1.2. Kế hoạch hoạt động	80
3.2. Định hướng công tác quản lý DNCX trong KCN Nomura của Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng	82
3.3. Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý doanh nghiệp chế xuất trong KCN Nomura tại Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng	83
3.3.1. Hoàn thiện nguồn nhân lực	83
3.3.2. Hoàn thiện công tác tổ chức cán bộ	86
3.3.3. Hoàn thiện công tác đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất - kỹ thuật cũng như ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý	90
3.3.4. Hoàn thiện trong công tác quản lý DNCX	91
3.3.5. Một số giải pháp khác	93
KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ	96
1. Kết luận	96
2. Kiến nghị	98
2.1. Kiến nghị Bộ Tài chính hoàn thiện các văn bản, quy trình nghiệp vụ liên quan	98
2.2. Kiến nghị Tổng cục Hải quan	98
2.3. Kiến nghị với các doanh nghiệp nhằm phát huy tính tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp	99
TÀI LIỆU THAM KHẢO	101
PHỤ LỤC 01	104
VI. Công tác xử lý vi phạm, kiểm tra và vấn đề rủi ro đối với hàng gia công, sản xuất để xuất khẩu	106
PHỤ LỤC II: PHIẾU KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ CỦA CBCC HẢI QUAN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI DNCX TRONG KCN NOMURA TẠI CHI CỤC HẢI QUAN KCX&KCN HẢI PHÒNG	108
VI. Đánh giá của CBCC về công tác xử lý vi phạm, kiểm tra và vấn đề rủi ro đối với hàng gia công, sản xuất để xuất khẩu	110

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Biểu đồ 2.1. Số lượng DNCX trong KCN Nomuragiai đoạn 2015 - 2017	49
Bảng 2.2. Các doanh nghiệp hoạt động trong KCN Nomura giai đoạn.....	49
3 năm từ 2015 - 2017	49
Bảng 2.3. Số lượng DNCX trên địa bàn TP Hải Phòng do Chi cục quản lý giai đoạn 2015 - 2017.....	50
Bảng 2.4. DNCX có vốn đầu tư cao nhất và vốn đầu tư thấp nhất	51
trong KCN Nomura	51
Bảng 2.5. Lượng tờ khai và tỉ lệ phân luồng tờ khai của các DNCX trong KCN Nomura giai đoạn 2015 - 2017	51
Biểu đồ 2.3. Tình hình phân luồng tờ khai của các DNCX tại KCN Nomura ..	52
giai đoạn 2015 - 2017	52
Bảng 2.6. Số tờ khai của DNCX trong Nomura so với số tờ khai của DNCX trên địa bàn giai đoạn 2015 - 2017	53
Biểu đồ 2.4. Số tờ khai của DNCX trong Nomura và của DNCX trên địa bàn giai đoạn 2015 - 2017	53
Bảng 2.7. Tình hình kim ngạch của các DNCX tại KCN Nomura	54
giai đoạn 2015 - 2017	54
Bảng 2.8. Tình hình kim ngạch của các DNCX giai đoạn 2015 - 2017 năm.....	55
Biểu đồ 2.5. Kim ngạch của DNCX trong KCN Nomura so với DNCX.....	55
trên địa bàn giai đoạn 2015 - 2017	55
Bảng 2.9. Công ty TNHH Yazaki Hải Phòng Việt Nam có kim ngạch trong nhóm cao nhất KCN Nomura giai đoạn 2015 - 2017	56
Bảng 2.10. Kết quả đạt được thông qua công tác tuyên truyền, phối kết hợp với các cơ quan hữu quan	58
Bảng 2.11 (A,B). Ý kiến đánh giá của doanh nghiệp và cán bộ công chức hải quan về công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật, hỗ trợ DN	58
Bảng 2.12. Các DNCX trên địa bàn có hoạt động gia công.....	62
giai đoạn 2015 - 2017	62
Bảng 2.13 (A,B). Ý kiến đánh giá của doanh nghiệp và cán bộ công chức hải quan về công tác quản lý hoạt động thông quan đối với NK nguyên liệu để GC	63
Bảng 2.14. Các DNCX trên địa bàn có hoạt động SXK.....	65

giai đoạn 2015 - 2017	65
Bảng 2.15 (A,B). Ý kiến đánh giá của doanh nghiệp và CBCC hải quan.....	66
về công tác quản lý hoạt động thông quan đối với NK nguyên liệu để SX XK.	66
Bảng 2.16. Bảng thống kê DNCX KCN Nomura chậm quyết toán, đã thực hiện kiểm tra sau thông quan	68
Bảng 2.17 (A,B). Ý kiến của DN và CBCC hải quan về công tác quản lý báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu vật tư	69
Bảng 2.18. Số vụ vi phạm hành chính tại Chi cục trong giai đoạn 2015-2017.	70
Biểu đồ 2.6. Số vụ vi phạm hành chính tại Chi cục trong giai đoạn 2015 - 2017	71
Biểu đồ 2.7. Tình hình tờ khai hủy, tờ khai sửa của DNCX trong KCN Nomura giai đoạn 2015 - 2017	72
Bảng 2.19 (A,B). Ý kiến của DN và CBCC hải quan về công tác xử lý vi phạm, kiểm tra và vấn đề rủi ro đối với hàng gia công, sản xuất để xuất khẩu .	74

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Giải thích
KCX&KCN	Khu chế xuất và khu công nghiệp
KCX	Khu chế xuất
KCN	Khu công nghiệp
XNK	Xuất nhập khẩu
XK	Xuất khẩu
NK	Nhập khẩu
HQ	Hải quan
NVL	Nguyên vật liệu
SL	Số lượng
BCQT	Báo cáo quyết toán
KTSTQ	Kiểm tra sau thông quan
DN	Doanh nghiệp
DNCX	Doanh nghiệp chế xuất
TCHQ	Tổng cục Hải quan
CNTT	Công nghệ thông tin
CBCC	Cán bộ công chức
FDI	Foreign Direct Investment (Vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài)
VNACCS	Vietnam Automated Cargo Clearance System (Hệ thống thông quan hàng hóa tự động)
VCIS	Vietnam Customs Intelligence Information System (Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ)
WTO	World Trade Organization (Tổ chức Thương mại Thế giới)

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Đối tượng thu thập số liệu.....	13
Bảng 2.1. Tình hình biên chế của Chi cục từ năm 2015 đến năm 2017.....	41
Bảng 2.2. Các doanh nghiệp hoạt động trong KCN Nomura giai đoạn 3 năm từ 2015 - 2017	49
Bảng 2.3. Số lượng DNCX trên địa bàn TP Hải Phòng do Chi cục quản lý giai đoạn 2015 - 2017.....	50
Bảng 2.4. DNCX có vốn đầu tư cao nhất và vốn đầu tư thấp nhất trong KCN Nomura	51
Bảng 2.5. Lượng tờ khai và tỉ lệ phân luồng tờ khai của các DNCX trong KCN Nomura giai đoạn 2015 - 2017.....	51
Bảng 2.6. Số tờ khai của DNCX trong Nomura so với số tờ khai của DNCX trên địa bàn giai đoạn 2015 - 2017	53
Bảng 2.7. Tình hình kim ngạch của các DNCX tại KCN Nomura.....	54
giai đoạn 2015 - 2017	Error! Bookmark not defined.
Bảng 2.8. Tình hình kim ngạch của các DNCX giai đoạn 2015 - 2017.....	55
Bảng 2.9. Công ty TNHH Yazaki Hải Phòng Việt Nam có kim ngạch trong nhóm cao nhất KCN Nomura giai đoạn 2015 - 2017.....	56
Bảng 2.10. Kết quả đạt được thông qua công tác tuyên truyền, phối kết hợp với các cơ quan hữu quan	58
Bảng 2.11 (A,B). Ý kiến đánh giá của doanh nghiệp và cán bộ công chức hải quan về công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật, hỗ trợ DN.....	58
Bảng 2.12. Các DNCX trên địa bàn có hoạt động gia công	62
giai đoạn 2015 - 2017	62
Bảng 2.13 (A,B). Ý kiến đánh giá của doanh nghiệp và cán bộ công chức hải quan về công tác quản lý hoạt động thông quan đối với NK nguyên liệu để GC.....	63
Bảng 2.14. Các DNCX trên địa bàn có hoạt động SXKK.....	65
giai đoạn 2015 - 2017	65
Bảng 2.15 (A,B). Ý kiến đánh giá của doanh nghiệp và CBCC hải quan.....	66
về công tác quản lý hoạt động thông quan đối với NK nguyên liệu để SXKK	66
Bảng 2.16. Bảng thống kê DNCX KCN Nomura chậm quyết toán,.....	68
đã thực hiện kiểm tra sau thông quan	Error! Bookmark not defined.

Bảng 2.17 (A,B). Ý kiến của DN và CBCC hải quan về công tác quản lý báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu vật tư	69
Bảng 2.18. Số vụ vi phạm hành chính tại Chi cục trong giai đoạn 2015-2017	70
Bảng 2.19(A,B). Ý kiến của DN và CBCC hải quan về công tác xử lý vi phạm, kiểm tra và vấn đề rủi ro đối với hàng gia công, sản xuất để xuất khẩu	74

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1. Mô hình bộ máy tổ chức của Chi cục hải quan KCX&KCN HP	41
Sơ đồ 2.2. Mô hình tổng quan về tổ chức, nhiệm vụ của Đội Nghiệp vụ	43
Sơ đồ 2.3. Mô hình tổ chức của Đội Tổng hợp.....	44

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Số lượng cán bộ công chức tại chi cục hải quan khu chế xuất và khu công nghiệp Hải Phòng qua các năm.....	Error! Bookmark not defined.
Biểu đồ 2.2. Số lượng DNCX trong KCN Nomura giai đoạn 2015 - 2017	49
Biểu đồ 2.3. Tỷ lệ DNCX trong KCN Nomura so với tổng DNCX trên địa bàn	58
Biểu đồ 2.4. Tình hình phân luồng tờ khai của các DNCX tại KCN Nomura.....	52
giai đoạn 2015 - 2017	52
Biểu đồ 2.5. Số tờ khai của DNCX trong Nomura và của DNCX trên địa bàn giai đoạn 2015 - 2017.....	53
Biểu đồ 2.6. Kim ngạch của DNCX trong KCN Nomura so với DNCX.....	55
trên địa bàn giai đoạn 2015 - 2017	55
Biểu đồ 2.7. Số vụ vi phạm hành chính tại Chi cục trong giai đoạn 2015 - 2017	71
Biểu đồ 2.8. Tình hình tờ khai hủy, tờ khai sửa của DNCX.....	72
trong KCN Nomura giai đoạn 2015 - 2017	72

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cùng với xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra ngày càng mạnh mẽ và trở nên tất yếu, Việt Nam đã và đang tiếp cận và hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Tuy nhiên, việc Việt Nam tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa với xuất phát điểm thấp, các nguồn lực còn hạn chế là một trong những nguyên nhân lớn cản trở quá trình phát triển kinh tế của nước ta. Do đó, việc huy động và sử dụng nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (gọi tắt là FDI) đóng vai trò vô cùng quan trọng. Thu hút FDI không chỉ nhằm bổ sung nguồn vốn cho đầu tư phát triển, mà còn nhằm mục đích tiếp cận, tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, kỹ năng kinh doanh quốc tế, mở rộng thị trường, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Vì thế có thể nói, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là hoạt động kinh tế đối ngoại rất quan trọng tại Việt Nam. Theo Tổng cục Hải quan, trị giá xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong 9 tháng năm 2017 là 109,1 tỷ USD, tăng mạnh 21,4% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 70,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Các số liệu thống kê cho thấy, khu vực các doanh nghiệp FDI giữ vai trò ngày càng quan trọng trong xuất khẩu hàng hóa ở nước ta.

Để khuyến khích xuất khẩu, Chính phủ đã có những chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nói chung và các doanh nghiệp chế xuất nói riêng nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư, thu hút đầu tư. Nổi bật là việc Luật Hải quan đưa ra các quy định tạo điều kiện thông thoáng về mặt thủ tục hải quan đối với loại hình chế xuất, gia công, sản xuất xuất khẩu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhưng cũng yêu cầu doanh nghiệp phải nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật hải quan, đồng thời cơ quan Hải quan cũng cần có sự quản lý để vừa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp vừa đảm bảo quản lý nhà nước về hải quan.

Hải Phòng là một trong số các thành phố đứng đầu cả nước về số lượng doanh nghiệp FDI cũng như kim ngạch xuất khẩu cao. Theo số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính hết quý I/2017, TP. Hải Phòng có 564 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 14,52 tỷ

USD, đứng thứ 6/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Nói đến các khu công nghiệp tại Hải Phòng, phải kể đến KCN Nomura. Đây là KCN được thành lập đầu tiên tại TP Hải Phòng với các doanh nghiệp FDI hoạt động chủ yếu theo loại hình doanh nghiệp chế xuất (DNCX), sản xuất các sản phẩm xuất khẩu, tập trung vào các lĩnh vực phát triển công nghiệp điện tử, phụ tùng, linh kiện ô tô, công nghệ cao như robot..., góp phần rất lớn vào phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế của thành phố Hải Phòng.

Bên cạnh công tác quản lý nhà nước về hải quan có nhiều thay đổi như sự ra đời của hệ thống văn bản pháp luật: Luật Hải quan số 54/2014/QH13, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, Hệ thống thông quan hàng hóa tự động VNACCS/VCIS của Tổng cục Hải quan trong khai báo hải quan... đã góp phần tạo thuận lợi trong thông quan hàng hóa của doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan của cơ quan hải quan. Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế cũng như trong quá trình làm công tác quản lý các DNCX tại Chi cục, tác giả nhận thấy từ năm 2015 đến năm 2017, hiệu quả quản lý đối với hoạt động XNK của những doanh nghiệp này chưa đạt được nhiều kết quả như mong muốn, vẫn còn nhiều hạn chế như: Các quy trình, quy định còn một số bất cập; công tác quản lý nhà nước về hải quan đối với các DNCX vẫn còn một số hạn chế, tồn tại và có kẽ hở dễ dẫn đến nguy cơ gian lận, buôn lậu; Việc hiểu, chấp hành các văn bản, quy định về quản lý nhà nước về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc danh mục quản lý chuyên ngành của các DNCX chưa đúng, chưa có sự đồng bộ, thống nhất; Trong khai báo làm thủ tục hải quan, các doanh nghiệp thường mắc các lỗi điển hình như khai báo sai tên hàng, số lượng, trọng lượng, xuất xứ..., dẫn đến việc DN bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc phải truyền sửa tờ khai nhiều lần làm mất nhiều thời gian của cả DN lẫn cơ quan hải quan; Nhiều DN quên không khai báo hoặc do hạn chế về năng lực, nghiệp vụ nên không biết để khai báo, xin giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu đối với các mặt hàng trong danh mục phải có giấy phép, chứng nhận hợp quy hợp chuẩn, giấy phép nhập xuất khẩu tiền chất... gây chậm trễ công tác thông quan hàng hóa của DN cũng như việc theo dõi, quản lý hồ sơ DN của cán bộ công chức hải quan; Hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu của hầu hết các DNCX đều phát sinh chênh lệch số liệu giữa hàng hóa tồn theo sổ sách và tồn thực tế theo sổ sách kế toán của DNCX với số liệu quản lý, theo dõi của cơ quan hải quan...

Xuất phát từ những hạn chế kể trên, để quản lý tốt hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của các DNCX sao cho phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo việc thực thi các văn bản pháp luật hải quan đúng quy định, là bài toán khó không chỉ của các cơ quan quản lý. Bài toán đặt ra cho cơ quan quản lý, ở đây là cơ quan hải quan, là làm sao để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo quản lý nhà nước về hải quan?

Từ những lý do trên, tôi mạnh dạn chọn đề tài: ***“Giải pháp quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghiệp Nomura tại Chi cục Hải quan Khu chế xuất và khu công nghiệp Hải Phòng”*** làm luận văn tốt nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý nhà nước về hải quan đối với các doanh nghiệp chế xuất.

Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về hải quan đối với các doanh nghiệp chế xuất tại KCN Nomura Hải Phòng.

Đánh giá những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong quản lý nhà nước về hải quan đối với các doanh nghiệp chế xuất tại KCN Nomura Hải Phòng

Đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về hải quan đối với các doanh nghiệp chế xuất trong KCN Nomura Hải Phòng trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

Công tác quản lý hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của DNCX trong KCN Nomura tại Chi cục Hải quan Khu chế xuất khu công nghiệp Hải Phòng, cụ thể là theo dõi, quản lý việc nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa, thanh khoản hàng hoá là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, công cụ dụng cụ, vật tư của các DNCX.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

Về nội dung:

Nghiên cứu công tác quản lý các DNCX trong KCN Nomura tại Chi cục Hải quan Khu chế xuất và khu công nghiệp Hải Phòng. Bao gồm các nội dung sau:

- Tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu.

- Quản lý hoạt động thông quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để gia công của DNCX.
- Quản lý hoạt động thông quan đối với nhập nguyên liệu để SX hàng XK của DNCX.
- Quản lý quyết toán tình hình sử dụng nguyên phụ liệu của DNCX.
- Xử lý vi phạm pháp luật hải quan, kiểm tra, giám sát và vấn đề rủi ro trong hoạt động XNK hàng hóa đối với hàng gia công, sản xuất xuất khẩu của DNCX.

Về không gian:

Doanh nghiệp chế xuất trong KCN Nomura do Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng quản lý.

Về thời gian:

Số liệu sử dụng trong luận văn được thu thập, xử lý và phân tích trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp: Được thu thập thông qua mạng internet, cổng thông tin điện tử thành phố Hải Phòng (haiphong.gov.vn), trang Web Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng, các số liệu được tổng hợp từ các báo cáo, thống kê của các Đội công tác thuộc Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng.

Số liệu sơ cấp: Thu thập các dữ liệu về công tác quản lý nhà nước về hải quan đối với các DNCX trong KCN Nomura tại Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng thông qua phiếu khảo sát cán bộ doanh nghiệp, người khai hải quan và cán bộ công chức hải quan tại Chi cục. Cụ thể, học viên tiến hành phát 50 phiếu điều tra cho 50 đối tượng, gồm: 30 người khai hải quan, 10 cán bộ doanh nghiệp và 10 CBCC hải quan tại Chi cục với 17 câu hỏi chi tiết liên quan đến công tác quản lý nhà nước về hải quan đối với các DNCX trong KCN Nomura của Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng.

Trong việc thu thập thông tin từ doanh nghiệp và CBCC hải quan, học viên dùng thang đo Likert (1932) giới thiệu, gồm 5 mức độ để doanh nghiệp và CBCC hải quan được điều tra lựa chọn. Nội dung thông tin trên phiếu điều tra tập trung về các mặt tác động đến công tác quản lý nhà nước về hải quan đối với các DNCX trong KCN Nomura của Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng như: Công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật, hỗ trợ DN; Công tác quản lý hoạt động thông quan

đối với nhập khẩu nguyên liệu để gia công; Công tác quản lý hoạt động thông quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để SX hàng XK; Công tác quản lý báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu vật tư; Công tác xử lý vi phạm, kiểm tra và vấn đề rủi ro đối với hàng gia công, sản xuất để xuất khẩu.

Nội dung thông tin phiếu điều tra được chi tiết tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 đính kèm.

Bảng 1. Đối tượng thu thập số liệu

Đối tượng	Số lượng	Phương pháp thu thập
Người khai hải quan	30	Trả lời câu hỏi theo phiếu khảo sát
Cán bộ doanh nghiệp	10	Trả lời câu hỏi theo phiếu khảo sát
Cán bộ công chức hải quan	10	Trả lời câu hỏi theo phiếu khảo sát

4.2. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Số liệu sau khi được thu thập, được mã hóa, nhập và làm sạch trên Excel, xử lý với phần mềm Excel thông thường.

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận văn sử dụng đồng bộ hệ thống các phương pháp nghiên cứu như:

- Phương pháp thống kê, mô tả liên quan đến quá trình hoạt động xuất nhập khẩu của các DNCX trong KCN Nomura thông qua số liệu tờ khai, kim ngạch xuất nhập khẩu, tình trạng hủy, sửa tờ khai, tình hình vi phạm hành chính của DN tại Chi cục.

- Phương pháp thống kê so sánh dùng số liệu thu thập được so sánh mức độ qua từng năm và giữa các đơn vị. Trên cơ sở so sánh đó đánh giá biến động của từng mức độ. Thông qua phân tích, so sánh số liệu cho ta biết kết quả đạt được và các hạn chế còn tồn tại trong công tác quản lý nhà nước về hải quan tại Chi cục đối với các DNCX trong KCN Nomura.

Ngoài ra còn sử dụng các bảng, biểu và sơ đồ minh họa nhằm làm tăng thêm tính trực quan và thuyết phục trong quá trình nhận xét, đánh giá.

5. Ý nghĩa của đề tài

Luận văn đi sâu nghiên cứu và đánh giá đúng thực tế, từ đó đưa ra giải pháp tăng cường, nâng cao công tác quản lý nhà nước về hải quan của Chi cục Hải quan KCX-KCN Hải Phòng đối với các doanh nghiệp chế xuất trong KCN Nomura Hải Phòng.

6. Nội dung của Luận văn

Ngoài Phần mở đầu và Kết luận - Kiến nghị, nội dung chính của luận văn được kết cấu thành 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác quản lý doanh nghiệp chế xuất trong lĩnh vực hải quan

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghiệp Nomura tại Chi cục Hải quan Khu chế xuất và khu công nghiệp Hải Phòng

Chương 3: Giải pháp quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghiệp Nomura tại Chi cục Hải quan Khu chế xuất và khu công nghiệp Hải Phòng

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

1.1. Các khái niệm cơ bản

1.1.1. Quản lý nhà nước về hải quan

- Quản lý:

Có nhiều cách định nghĩa khái niệm quản lý khác nhau tùy theo cách tiếp cận khác nhau. Nhìn chung, quản lý là một khái niệm gắn với quyền lực ở một mức độ nhất định. Trong Từ điển tiếng Việt có nêu: Quản lý là “tổ chức và điều khiển các hoạt động theo những yêu cầu nhất định”. Khái niệm này tương đồng với các khái niệm chỉ đạo, điều hành, điều khiển. Khái niệm quản lý ở đây là muốn nói đến quản lý con người, quản lý xã hội và biểu hiện cụ thể nhất là ở quản lý nhà nước. Khái niệm chung nhất về quản lý nhà nước được hiểu cô đọng ở việc “tổ chức, điều hành các hoạt động kinh tế - xã hội theo pháp luật” [92, tr.800-801]

Trong tác phẩm “Những vấn đề cốt yếu của quản lý” Harold Koontz cho rằng: “Quản lý là một dạng thiết yếu, nó đảm bảo phối hợp nỗ lực cá nhân nhằm đạt được mục tiêu của nhóm” và “Mục tiêu của nhà quản lý là nhằm hình thành một môi trường mà trong đó con người có thể đạt được các mục đích của nhóm với thời gian, tiền bạc và sự bất mãn cá nhân ít nhất. Với tư cách thực hành thì quản lý là một nghệ thuật, còn kiến thức có tổ chức về quản lý là một khoa học” [22.Tr33] (luanvanaz.com)

Bản chất của hoạt động quản lý là cách thức tác động (tổ chức, điều khiển, kiểm tra) hợp quy luật của chủ thể quản lý đến khách thể quản lý trong một tổ chức nhằm làm cho tổ chức vận hành đạt hiệu quả mong muốn và đạt mục tiêu đã đề ra.

- Quản lý nhà nước:

Khái niệm quản lý nhà nước chỉ xuất hiện và tồn tại cùng với sự ra đời và tồn tại của nhà nước.

Theo nghĩa rộng, quản lý nhà nước là hoạt động tổ chức, điều hành của cả bộ máy nhà nước, là sự tác động, tổ chức của quyền lực nhà nước trên các phương diện lập pháp, hành pháp và tư pháp. Theo cách hiểu này, quản lý nhà nước là hoạt động của cả ba hệ thống cơ quan nhà nước: cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp. Quản lý nhà nước có các đặc điểm sau đây:

Chủ thể quản lý nhà nước là các cơ quan, công chức trong bộ máy nhà nước được trao quyền lực công gồm: quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp.

Đối tượng quản lý của nhà nước là tất cả các cá nhân, tổ chức sinh sống và hoạt động trong phạm vi lãnh thổ quốc gia.

Quản lý nhà nước có tính toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao... (luanvanthacsy.net)

Quản lý nhà nước là hoạt động thực thi quyền lực nhà nước do các cơ quan nhà nước thực hiện nhằm xác lập một trật tự ổn định, phát triển xã hội theo những mục tiêu mà tầng lớp cầm quyền theo đuổi... Chấp hành, điều hành, quản lý hành chính do cơ quan hành pháp thực hiện đảm bảo bằng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước.

Quản lý nhà nước là điều hành của bộ máy nhà nước, hoạt động của các tổ chức nhà nước trên các phương diện luật pháp, hành pháp và tư pháp. Hay có thể hiểu là cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân lao động làm chủ”

Quản lý nhà nước còn được biết là quá trình tổ chức, quá trình điều hành của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước đối với xã hội và hành vi hoạt động của con người theo pháp luật. Để đạt được những mục tiêu, yêu cầu và nhiệm vụ quản lý nhà nước đã đề ra.

Quản lý nhà nước là hoạt động thực thi quyền lực nhà nước do các cơ quan nhà nước thực hiện nhằm xác lập một trật tự ổn định, phát triển xã hội theo những mục tiêu mà tầng lớp cầm quyền theo đuổi; Bao gồm toàn bộ hoạt động của cả bộ máy nhà nước từ lập pháp, hành pháp đến tư pháp vận hành như một thực thể thống nhất; Chấp hành, điều hành, quản lý hành chính do cơ quan hành pháp thực hiện đảm bảo bằng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước.

Quản lý nhà nước là dạng quản lý xã hội mang tính quyền lực nhà nước, được sử dụng quyền lực nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội và hành vi hoạt động của con người để duy trì, phát triển các mối quan hệ xã hội, trật tự pháp luật nhằm thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước.

- Quản lý nhà nước về hải quan:

Quản lý nhà nước về hải quan bao gồm nhiều lĩnh vực, phạm vi rộng, luận văn chủ yếu tập trung nghiên cứu về công tác quản lý hải quan đối với DNCX tại Chi cục

Hải quan KCX&KCN Hải Phòng. Mục đích chính trong công tác quản lý hải quan đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) hoạt động theo loại hình DNCX là:

- Tuyên truyền chính sách, văn bản pháp luật, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp... , từ đó tạo môi trường thương mại và đầu tư lành mạnh, bình đẳng nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài;

- Quản lý hoạt động thông quan đối với nguyên liệu nhập khẩu để gia công của DNCX;

- Quản lý hoạt động thông quan đối với nguyên liệu nhập khẩu để SX hàng XK của DNCX;

- Quản lý quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư của DNCX;

- Xử lý vi phạm pháp luật hải quan, kiểm tra, giám sát và các vấn đề rủi ro trong hoạt động thông quan hàng hóa đối với hàng gia công, sản xuất xuất khẩu của DNCX.

Phạm vi quản lý Nhà nước về Hải quan được quy định trong Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014: “Quản lý nhà nước về hải quan đối với hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong lãnh thổ hải quan; về tổ chức và hoạt động của Hải quan”.

- Các đối tượng áp dụng quản lý Nhà nước về Hải quan gồm: Tổ chức, cá nhân thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải; Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải; Cơ quan hải quan, công chức hải quan; Cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước về hải quan.

- Các chính sách về Hải quan: Nhà nước Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; Xây dựng Hải quan Việt Nam trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động minh bạch, hiệu lực, hiệu quả.

- Địa bàn hoạt động của hải quan bao gồm:

- + Khu vực cửa khẩu đường bộ, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng hàng không dân dụng quốc tế; cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập

khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; khu vực đang lưu giữ hàng hóa chịu sự giám sát hải quan, khu chế xuất, khu vực ưu đãi hải quan; các địa điểm làm thủ tục hải quan, kho ngoại quan, kho bảo thuế, bưu điện quốc tế, trụ sở người khai hải quan khi kiểm tra sau thông quan; các địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong lãnh thổ hải quan;

+ Khu vực, địa điểm khác đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, được phép xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

+ Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, kiểm soát đối với hàng hóa, phương tiện vận tải và xử lý vi phạm pháp luật về hải quan phù hợp với pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

1.1.2. Doanh nghiệp chế xuất

1.1.2.1. Khái niệm và đặc điểm pháp lý của khu chế xuất (KCX)

Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính Phủ quy định rất rõ về việc quản lý khu công nghiệp, trong đó có khu chế xuất:

“Khu chế xuất là khu công nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục áp dụng đối với khu công nghiệp quy định tại Nghị định này.

Khu chế xuất được ngăn cách với khu vực bên ngoài theo các quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan quy định tại pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;”[1, tr.1-2]

Cũng tại khoản 11 Điều 3 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (hiệu lực từ ngày 01/07/2015): Khu chế xuất là khu công nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu.

Như vậy, KCX là khu công nghiệp đặc biệt chỉ dành cho việc sản xuất, chế biến những sản phẩm để xuất khẩu ra nước ngoài hoặc dành cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu. Tại các khu vực đó có các ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu, ưu đãi về giá thuê mượn mặt bằng sản xuất, thuế thu nhập và các thủ tục hành chính được cắt giảm tối thiểu. Khu chế xuất có vị trí, ranh giới được xác định từ trước, có các cơ sở hạ tầng như điện, nước, đường giao

thông nội khu sẵn có và không có dân cư sinh sống. Điều hành, quản lý hoạt động chung của khu chế xuất thường do một Ban quản lý khu chế xuất điều hành. Khu chế xuất được coi là Khu phi thuế quan theo quy định tại Khoản 20 Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính, là đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

1.1.2.2. Khái niệm và đặc điểm pháp lý của khu công nghiệp (KCN)

“1. Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định này.

Khu công nghiệp gồm nhiều loại hình khác nhau, bao gồm: Khu chế xuất, khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp sinh thái (sau đây gọi chung là Khu công nghiệp, trừ trường hợp có quy định riêng đối với từng loại hình).

a) Khu chế xuất là khu công nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục áp dụng đối với khu công nghiệp quy định tại Nghị định này.

Khu chế xuất được ngăn cách với khu vực bên ngoài theo các quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan quy định tại pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

b) Khu công nghiệp hỗ trợ là khu công nghiệp chuyên sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, thực hiện dịch vụ cho sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Tỷ lệ diện tích đất cho các dự án đầu tư vào ngành nghề công nghiệp hỗ trợ thuê, thuê lại tối thiểu đạt 60% diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê của khu công nghiệp;

c) Khu công nghiệp sinh thái là khu công nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tham gia vào hoạt động sản xuất sạch hơn và sử dụng hiệu quả tài nguyên, có sự liên kết, hợp tác trong sản xuất để thực hiện hoạt động cộng sinh công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội của các doanh nghiệp”[1, tr.1-2]

Quy định cụ thể tại Khoản 11 Điều 3 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (hiệu lực từ ngày 01/07/2015): Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp.

Khu công nghiệp thường được Chính phủ cấp phép đầu tư với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và pháp lý riêng. Những khu công nghiệp có quy mô nhỏ thường được gọi là cụm công nghiệp;

1.1.2.3. Khái niệm, đặc điểm pháp lý và vai trò của doanh nghiệp chế xuất

- Khái niệm, đặc điểm pháp lý

Tại Nghị định quy định về quản lý KCN và khu kinh tế số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính Phủ thì:

“ Doanh nghiệp chế xuất là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động trong khu chế xuất hoặc doanh nghiệp chuyên sản xuất sản phẩm để xuất khẩu hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

Doanh nghiệp chế xuất không nằm trong khu chế xuất được ngăn cách với khu vực bên ngoài theo các quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan tại pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu”[10, tr.4]

Việt Nam là quốc gia đang trên đà phát triển, do vậy chiến lược hướng vào xuất khẩu, đẩy mạnh xuất khẩu, coi xuất khẩu là hướng ưu tiên có vai trò vô cùng quan trọng trên con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Xuất phát từ quan điểm và mục tiêu phát triển trong Chiến lược phát triển kinh tế của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI là “Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau” [1, tr.101-102]; “Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút mạnh các nguồn vốn quốc tế; thu hút các nhà đầu tư lớn, có công nghệ cao, công nghệ nguồn; mở rộng thị trường xuất khẩu” [1, tr.143-144].

Do vậy, để thực hiện quan điểm và mục tiêu này, Chính phủ đã có nhiều giải pháp cụ thể để thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, tăng trưởng công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong đó, phương thức nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu của DNCX phổ biến và phát triển mạnh mẽ. Theo đó, Chính phủ Việt Nam đã có những quy định cụ thể và thiết thực để khuyến khích xuất khẩu, tạo công ăn việc làm cho nguồn lao

động dồi dào trong nước. Nhà nước đã có chính sách ưu đãi đối với hoạt động XNK của các doanh nghiệp FDI nói chung, DNCX nói riêng, coi những hàng hóa của loại hình DNCX là đối tượng không chịu thuế XNK là một trong những chính sách khuyến khích xuất khẩu.

Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2015/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Quốc Hội quy định:

“ 4. Đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không áp dụng đối với các trường hợp sau:

c) Hàng hóa xuất khẩu từ khu phi thuế quan ra nước ngoài; hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan; hàng hóa chuyển từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác;”, mà “Khu phi thuế quan bao gồm: khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, kho bảo thuế, khu bảo thuế, kho ngoại quan, khu kinh tế thương mại đặc biệt, khu thương mại - công nghiệp và các khu vực kinh tế khác được thành lập và được hưởng các ưu đãi về thuế như khu phi thuế quan theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Quan hệ mua bán trao đổi hàng hóa giữa các khu này với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu”.

Ngoài ra, Nghị định số 28/2018/NĐ-CP của Chính Phủ đã quy định riêng áp dụng đối với khu chế xuất và doanh nghiệp chế xuất tại Điều 30 như sau:

“Điều 30. Quy định riêng áp dụng đối với khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất

1. Khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất được áp dụng quy định đối với khu vực hải quan riêng, khu phi thuế quan trừ các quy định riêng áp dụng đối với khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu. Doanh nghiệp chế xuất được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc trong văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan hải quan có thẩm quyền về khả năng đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc xác nhận bằng văn bản cho nhà đầu tư.

2. Trong khu công nghiệp có thể có các phân khu công nghiệp dành cho các doanh nghiệp chế xuất. Khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất hoặc phân khu công nghiệp dành cho doanh nghiệp chế xuất được ngăn cách với lãnh thổ bên ngoài bằng hệ thống tường rào, có cổng và cửa ra, vào, bảo đảm điều kiện cho sự kiểm tra, giám

sát, kiểm soát của cơ quan hải quan và các cơ quan chức năng có liên quan theo quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan, quy định tại pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Doanh nghiệp chế xuất được mua vật liệu xây dựng, văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng từ nội địa Việt Nam để xây dựng công trình, phục vụ cho điều hành bộ máy văn phòng và sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại doanh nghiệp.

Doanh nghiệp chế xuất, người bán hàng cho doanh nghiệp chế xuất được lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu đối với vật liệu xây dựng, văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng từ nội địa Việt Nam.

4. Thủ tục hải quan, kiểm tra và giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất thực hiện theo pháp luật về hải quan.

5. Quan hệ trao đổi hàng hóa giữa các khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất với các khu vực khác trên lãnh thổ Việt Nam, không phải khu phi thuế quan, là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và các trường hợp không làm thủ tục hải quan do Bộ Tài chính quy định.

Doanh nghiệp chế xuất được bán vào thị trường nội địa tài sản thanh lý của doanh nghiệp và các hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư và thương mại. Tại thời điểm bán, thanh lý vào thị trường nội địa không áp dụng chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trừ trường hợp hàng hóa thuộc diện quản lý theo điều kiện, tiêu chuẩn, kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện khi nhập khẩu; hàng hóa quản lý bằng giấy phép thì phải được cơ quan cấp phép nhập khẩu đồng ý bằng văn bản.

6. Cán bộ, công nhân viên làm việc trong khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất khi mang ngoại hối từ nội địa Việt Nam vào khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất và ngược lại không phải khai báo hải quan.

7. Doanh nghiệp chế xuất khi được phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tại Việt Nam phải mở sổ kế toán hạch toán riêng doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa tại Việt Nam và bố trí khu vực lưu giữ hàng hóa ngăn cách với khu vực lưu giữ hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp chế xuất hoặc thành lập chi nhánh riêng nằm ngoài doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất để thực hiện hoạt động này.

8. Chi nhánh của doanh nghiệp chế xuất được áp dụng cơ chế đối với doanh nghiệp chế xuất quy định tại Điều này nếu đáp ứng được các điều kiện tại khoản 2 Điều này, được thành lập trong khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế và hạch toán phụ thuộc vào doanh nghiệp chế xuất.”

Như vậy, có thể nói việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, tăng trưởng công nghiệp, đẩy mạnh các hoạt động XNK đối với loại hình DNCX ở nước ta đã và đang rất được Chính Phủ quan tâm, ưu đãi. Các doanh nghiệp chế xuất hiện đang phát triển theo xu hướng tăng cả về số lượng, kim ngạch xuất nhập khẩu và đa dạng về chủng loại hàng hóa.

** Phương thức hoạt động chủ yếu của DNCX*

DNCX ở Việt Nam nói chung và trên địa bàn thành phố Hải Phòng nói riêng hiện nay hoạt động chủ yếu dưới hai phương thức sau:

+ Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư từ nước ngoài để sản xuất hàng hóa chỉ để xuất khẩu.

+ Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư từ nước ngoài để gia công cho thương nhân nước ngoài.

Phương thức 1: Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hóa xuất khẩu:

Là phương thức kinh doanh XNK trong đó các DNCX nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất chế biến ra sản phẩm xuất khẩu. Đây là hình thức mua đứt bán đoạn, DNCX nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu đó.

Phương thức 2: Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để gia công cho thương nhân nước ngoài:

Là phương thức kinh doanh mà trong đó bên đặt gia công cung cấp nguyên liệu hoặc bán thành phẩm có khi cả máy móc thiết bị và chuyên gia cho bên nhận gia công để sản xuất, chế biến ra một sản phẩm theo yêu cầu của bên đặt hàng. Toàn bộ sản phẩm làm ra người nhận giao công sẽ giao cho người đặt gia công để nhận một khoản thù lao gọi là phí gia công.

** Điểm giống và khác nhau giữa 2 phương thức trên:*

Giữa nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu và nhập gia công xuất khẩu đối với DNCX giống nhau ở bản chất và quy trình hoạt động:

+ Về bản chất cả hai đều là xuất khẩu lao động tại chỗ;

+ Về quy trình hoạt động đều trải qua các công đoạn như nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất, chế biến sản phẩm xuất khẩu.

Nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu và nhập gia công xuất khẩu đối với DNCX khác nhau ở tính độc lập, tự chủ của chủ thể kinh doanh, nghĩa là:

+ Phương thức nhập để sản xuất hàng xuất khẩu giữa người mua và người bán hoàn toàn độc lập, nhà nhập khẩu có quyền nhập khẩu những nguyên liệu của những doanh nghiệp ở các nước khác nhau trên thế giới và xuất khẩu bán sản phẩm của mình cho một hoặc nhiều doanh nghiệp khác ở những nước khác nhau.

+ Còn trong phương thức gia công bên nhận gia công phụ thuộc vào bên đặt gia công về mẫu mã, chủng loại hàng hóa, số lượng, thị trường xuất khẩu....

- Vai trò của doanh nghiệp chế xuất

Không thể phủ nhận được vai trò to lớn, quan trọng của các DNCX đối với việc phát triển kinh tế của nước ta. Hoạt động chế xuất tại Việt Nam hiện đang phát triển mạnh mẽ cả về quy mô lẫn tốc độ, đem lại những lợi ích nhiều mặt về kinh tế, xã hội như nâng cao thu nhập, đời sống và trình độ của người lao động, nâng cao giá trị xuất khẩu và sức cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các địa phương và cả nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa... Cụ thể, trong điều kiện nền kinh tế nước ta hiện nay, vai trò của hoạt động chế xuất thể hiện ở nhiều khía cạnh:

- Khai thác được lợi thế về nguồn nhân lực, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, góp phần nâng cao, cải thiện đời sống của người lao động, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội.

Việc các doanh nghiệp chế xuất phát triển, mở rộng quy mô sản xuất sẽ gắn với công tác đào tạo, tuyển dụng nhân công vào làm việc trong các công ty, nhà máy, đã góp phần giải quyết công ăn việc làm, tạo cho người lao động có thu nhập ổn định, với mức thu nhập bằng hoặc cao hơn so với mức thu nhập tại các công ty tư nhân nội địa. Việc này góp phần nâng cao chất lượng sống của người lao động nói riêng, của xã hội nói chung.

- Việc các doanh nghiệp chế xuất thành lập và hoạt động tại Việt Nam đã góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tranh thủ được vốn, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao học hỏi khoa học công nghệ tiên tiến của

nước ngoài để đẩy mạnh công nghệ trong nước hiện đại và chiến lược hướng về xuất khẩu.

Chính sách ưu đãi thuế đã khuyến khích DNCX đẩy mạnh đầu tư vào xây dựng nhà máy, dây chuyền sản xuất hiện đại. Hàng hóa xuất khẩu phải đáp ứng yêu cầu khắt khe về chất lượng, mẫu mã, quy cách của các đối tác nước ngoài buộc các DNCX phải đầu tư máy móc, thiết bị với công nghệ tiên tiến hàng đầu, do vậy mà nguồn nhân sự Việt Nam cũng được tiếp cận, nghiên cứu và vận hành công nghệ hiện đại hóa cao, trình độ của người lao động vì thế được cải thiện rõ rệt. Ngoài ra, việc các DNCX nhập khẩu máy móc thiết bị trong nước nếu phù hợp với dây chuyền, quy mô sản xuất cũng như đáp ứng chất lượng sản xuất, cũng góp phần thúc đẩy tư duy sáng tạo cũng như gia tăng lợi nhuận cho các doanh nghiệp trong nước. Muốn thế, các doanh nghiệp nội địa phải nghiêm túc nghiên cứu, học hỏi cách vận hành máy móc công nghệ nước ngoài, nâng cao nhận thức, tư duy đón đầu nhu cầu của họ, không ngừng cải tiến, đầu tư thiết bị công nghệ..., góp phần đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chiến lược hướng về xuất khẩu.

- Hoạt động chế xuất có thể kết hợp xuất khẩu được nguồn tài nguyên, vật tư nguyên liệu sẵn có trong nước, tạo điều kiện thúc đẩy cho ngành sản xuất trong nước...

Nguyên liệu, thiết bị nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu thường là nguyên liệu, thiết bị chính có tiêu chuẩn kỹ thuật cao, nhưng chưa phải là toàn bộ đầu vào cho sản xuất, phần còn lại thị trường trong nước có thể cung cấp. Đây là cơ hội khai thác, phát huy nguồn tài nguyên, nguyên liệu có sẵn trong nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước tiếp cận, bán hàng cho DNCX dễ dàng hơn so với việc tìm thị trường tại nước ngoài.

- Góp phần tăng thu ngoại tệ cho đất nước, giảm bớt sự mất cân đối cán cân thanh toán quốc tế.

Qua hoạt động thương mại giữa DNCX và doanh nghiệp trong nước đối với mua bán nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất hoặc tiêu dùng làm tăng nguồn thu ngoại tệ, góp phần giảm bớt thâm hụt cán cân thanh toán quốc tế.

1.2. Nhiệm vụ và địa bàn hoạt động của Hải quan Việt Nam:

1.2.1. Nhiệm vụ

Điều 12 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 quy định: Hải quan Việt Nam có nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hóa, phương tiện vận tải; phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; thông kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; kiến nghị chủ trương, biện pháp quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu”. Nhà nước Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

Hải quan là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu. Như vậy, ở đâu có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, ở đó có hoạt động của hải quan;

Quản lý toàn bộ hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của các DNXC theo đúng các quy định của pháp luật (quản lý nguyên vật liệu từ khi nhập khẩu cho đến khi sản phẩm sản xuất thực xuất khẩu; giám sát việc thực hiện chính sách ưu đãi thuế đối với nguyên liệu nhập khẩu). Việc quản lý hải quan đối với hàng hóa XNK của DNCX đảm bảo các yếu tố sau:

- Tạo môi trường thương mại và đầu tư lành mạnh, bình đẳng nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài. Tạo ra nguồn thu cho ngân sách thông qua các khoản thuế nội địa và các nguồn thu phát sinh.

Thực hiện cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hải quan, giảm thiểu sự can thiệp không cần thiết vào các hoạt động thương mại hợp pháp, cơ quan hải quan đã tác động đến việc giảm chi phí cho các doanh nghiệp, qua đó thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế, tạo môi trường đầu tư thuận lợi thu hút vốn đầu tư nước ngoài về lâu dài sẽ tạo ra nguồn thu cho ngân sách thông qua các khoản thuế nội địa và các nguồn thu phát sinh (thuế Bảo vệ môi trường, vận tải, dịch vụ).

- Bảo đảm thu thập số liệu thống kê thương mại chính xác và kịp thời.

Việc thu thập thông kê thương mại chính xác và kịp thời sẽ góp phần tích cực cho Nhà nước và Chính phủ hoạch định chính sách, chiến lược và các giải pháp phát triển kinh tế, xã hội của đất nước qua từng thời kỳ.

- Góp phần bảo vệ trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia, đây là một trong những nhiệm vụ của cơ quan hải quan.

Trong môi trường thế giới có nhiều biến động với sự phát triển của chủ nghĩa khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, âm mưu diễn biến hòa bình, hoạt động rửa tiền, buôn bán vũ khí và các chất ma túy... thì một trong những nhiệm vụ hàng đầu của cơ quan hải quan là đảm bảo an toàn xã hội và an ninh quốc gia, kiểm soát một cách có hiệu quả việc vận chuyển trái phép qua biên giới các loại hàng hoá nguy hiểm và không an toàn đối với xã hội: các chất gây nghiện, heroin, cô vật, văn hóa phẩm đồi trụy ...

Công tác quản lý về Hải quan nói chung trong đó có công tác quản lý các doanh nghiệp chế xuất được quy định bởi nhiều văn bản, trong đó có các văn bản như Luật Hải quan số 29/2001/QH10, Luật số 42/2005/QH11 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan và hiện nay là Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014 (hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015) và được quy định chi tiết theo các văn bản cụ thể như: Thông tư 79/2009/TT-BTC ngày 20/04/2009 có hiệu lực từ ngày 04/06/2009, hết hiệu lực ngày 20/01/2011; Thông tư 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 có hiệu lực từ ngày 20/01/2011, hết hiệu lực từ ngày 01/01/2013 ; Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/09/2013 có hiệu lực từ ngày 01/11/2013, hết hiệu lực từ ngày 01/04/2015; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

Như vậy, nhiệm vụ của Hải quan Việt Nam được chi tiết hóa như sau:

Thứ nhất, thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hóa, phương tiện vận tải;

Thứ hai, phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

Thứ ba, tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Thứ tư, thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

Thứ năm, kiến nghị chủ trương, biện pháp quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu”.

Thứ sáu, tạo điều kiện thuận lợi về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

1.2.2. Địa bàn hoạt động

Địa bàn hoạt động của Hải quan Việt Nam theo quy định tại Điều 7 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014:

+ Khu vực cửa khẩu đường bộ, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng hàng không dân dụng quốc tế; cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; khu vực đang lưu giữ hàng hóa chịu sự giám sát hải quan, khu chế xuất, khu vực ưu đãi hải quan; các địa điểm làm thủ tục hải quan, kho ngoại quan, kho bảo thuế, bưu điện quốc tế, trụ sở người khai hải quan khi kiểm tra sau thông quan; các địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong lãnh thổ hải quan;

+ Khu vực, địa điểm khác đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, được phép xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan quản lý nhà nước về Hải quan và các cơ quan phối hợp:

+ Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hải quan được quy định cụ thể tại Khoản 2 Điều 14 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014;

+ Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về hải quan;

+ Các Bộ và các cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan Hải quan;

+ Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện pháp luật hải quan tại địa phương;

1.3. Quản lý nhà nước về hải quan đối với các doanh nghiệp chế xuất

1.3.1. Chủ thể, đối tượng quản lý

- *Chủ thể quản lý*: Tổng Cục Hải quan mà trực tiếp quản lý là các đơn vị Hải quan địa phương gồm Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Chi cục hải quan trực thuộc.

- *Đối tượng quản lý*: Tất cả hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của DNCX.

- *Công cụ quản lý*: Sử dụng các công cụ thuế thông qua hàng hóa XNK của DNCX.

+ Do hàng hóa của DNCX bao gồm máy móc, nguyên vật liệu nhập khẩu, xuất khẩu của các DNCX theo quy định của Pháp luật Việt Nam đều là đối tượng không phải chịu thuế XNK.

+ Đối với loại hình nhập sản xuất Chế xuất của DNCX, cơ quan quản lý cần quản lý những thông tin sau: Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu trực tiếp cấu thành sản phẩm; Sản phẩm, nguyên vật liệu mẫu; Sản phẩm xuất khẩu sau khi sản xuất; thông tin nhập xuất tồn kho doanh nghiệp.

+ Đối với loại hình nhập Gia công cho thương nhân nước ngoài sử dụng công cụ thuế thông qua hợp đồng GC. Hợp đồng GC phải được lập theo đúng quy định của Pháp luật và thể hiện đầy đủ những thông tin cơ bản sau: thông tin các bên; thông tin về sản phẩm gia công; giá trị hợp đồng; Biện pháp phân thừa sau khi kết thúc hợp đồng;

Xuất phát từ yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu do vậy ở đâu có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ở đó có hoạt động của hải quan:

- Quản lý được toàn bộ hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của các DNCX theo đúng các quy định của pháp luật (quản lý nguyên vật liệu từ khi nhập khẩu cho đến khi sản phẩm sản xuất thực xuất khẩu; giám sát việc thực hiện chính sách ưu đãi thuế đối với nguyên liệu nhập khẩu);

- Tạo môi trường thương mại và đầu tư lành mạnh, bình đẳng nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài. Tạo ra nguồn thu cho ngân sách thông qua các khoản thuế nội địa và các nguồn thu phát sinh.

- Đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại, góp phần bảo vệ trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia, đây là một trong những nhiệm vụ của cơ quan hải quan.

Về thủ tục hải quan được thể hiện cụ thể tại các Điều 75, 76, 77, 78, 79, 80 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

1.3.2. Nội dung quản lý nhà nước về hải quan đối với các DNCX

1.3.2.1. Tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp

Việc tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu giúp cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa kịp thời nắm bắt các quy định của pháp luật hải quan về hoạt động thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu, tạo điều kiện tối đa cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật trước, trong và sau khi thực hiện hoạt động thông quan hàng hóa của mình.

1.3.2.2. Quản lý hoạt động thông quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để gia công

Nhà nước đã có nhiều cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhận gia công, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, bên cạnh những cải cách, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu, thực tiễn cũng đã đặt ra không ít thách thức mới trong quản lý nhà nước về hải quan.

Trong hoạt động gia công quốc tế, hàng hóa gia công được hiểu là toàn bộ hàng hóa được đưa vào, đưa ra lãnh thổ hải quan nhằm thực hiện hoạt động gia công hàng hóa và được thể hiện cụ thể trên hợp đồng gia công.

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công cho thương nhân nước ngoài là tất cả các hoạt động tác nghiệp mà người khai hải quan và công chức hải quan phải thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa gia công cho thương nhân nước ngoài.

Để tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động nhận gia công hàng hóa cho thương nhân nước ngoài, thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công được quy định bởi: Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu số 107/2016/QH13 năm 2016; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ ngày 10/7/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan; Luật hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội...

Cùng với đó là các văn bản hướng dẫn như: Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt

động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài; Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

Bên cạnh đó, thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhận gia công cho thương nhân nước ngoài cũng được hướng dẫn cụ thể như: Thông báo cơ sở gia công; Nhập khẩu, nguyên liệu, phụ liệu gia công; Xuất khẩu sản phẩm gia công; Báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và hàng hóa xuất khẩu.

Những quy định mới trong thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhận gia công cho thương nhân nước ngoài đã tạo nhiều thuận lợi cho các DN nhận gia công và tạo ra nhiều cơ hội trong kinh doanh của doanh nghiệp như:

- + Tăng uy tín tốt của DN và tăng lợi thế cạnh tranh đối với các DN gia công của các nước khác;

- + Tạo cơ hội giảm tải dư thừa lao động hay thất nghiệp để phát triển nguồn nhân lực;

- + Tăng nguồn thu ngoại tệ và tạo điều kiện tốt để phát triển sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập;

- + Thu hút sự đầu tư, kỹ thuật quản lý hiện đại và kinh nghiệm quản lý phương thức tổ chức sản xuất tiên tiến;

- + Nâng cao vị thế của hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế...

1.3.2.3. Quản lý hoạt động thông quan đối với nhập nguyên liệu để SX hàng XK

Quy trình quản lý hoạt động thông quan đối với nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Thu thập thông tin của tổ chức, cá nhân hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu, doanh nghiệp chế xuất

- Các nguồn thông tin để thu thập, phân tích và đánh giá:

- + Công chức/nhóm công chức được phân công chủ động khai thác, thu thập thông tin về các tổ chức, cá nhân hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu, doanh nghiệp thuộc quản lý của Chi cục từ các nguồn cụ thể sau:

+ Từ thông tin thông báo cơ sở gia công, sản xuất xuất khẩu; Từ Hệ thống cơ sở dữ liệu hải quan;

+ Từ hoạt động nghiệp vụ hải quan (đăng ký, giám sát, kiểm tra thực tế hàng hóa, kiểm tra hồ sơ, tham vấn giá, kết quả giám định hàng hóa, xác định trước mã số, trị giá;...);

+ Từ bộ phận quản lý rủi ro, chống buôn lậu thu thập, phát hiện trong quá trình thực hiện nghiệp vụ;

+ Từ văn bản chỉ đạo của cơ quan cấp trên;

+ Từ các cơ quan khác ngoài cơ quan hải quan (Bộ, cơ quan ngang bộ, Thuế, Công an, Kho bạc, Ngân hàng, các hiệp hội ngành nghề,...) cung cấp;

+ Từ những người khai hải quan tham gia hoạt động xuất nhập khẩu cung cấp;

+ Từ các nguồn thông tin khác.

- Từ thông tin thu thập có được, công chức được giao nhiệm vụ tổng hợp, báo cáo tình hình định kỳ cho người đứng đầu đơn vị và báo cáo ngay nếu phát hiện những trường hợp có dấu hiệu nghi vấn:

+ Để kiểm tra cơ sở sản xuất khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân không có cơ sở sản xuất hoặc nguyên liệu nguyên liệu, vật tư tăng, giảm bất thường so với năng lực sản xuất;

+ Để kiểm tra tình hình sử dụng, báo cáo quyết toán trong các trường hợp: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư mà quá chu kỳ sản xuất không có sản phẩm xuất khẩu; Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc xuất khẩu sản phẩm tăng giảm bất thường so với năng lực sản xuất; Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân bán nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm vào nội địa nhưng không khai hải quan; Khi phát hiện tổ chức, cá nhân kê khai không đúng số lượng, chủng loại; Khi số liệu báo cáo quyết toán có sự chênh lệch bất thường so với số liệu xuất nhập khẩu trên Hệ thống của cơ quan hải quan.

Bước 2: Thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, năng lực gia công, sản xuất và việc kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, năng lực gia công, sản xuất

Công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, năng lực gia công, sản xuất được thực hiện thông qua Hệ thống. Kiểm tra tính đầy đủ của thông tin khai trong thông báo cơ sở gia công, sản xuất xuất khẩu của tổ chức, cá nhân và yêu cầu bổ sung thông tin chưa đầy đủ ngay sau khi tiếp nhận văn bản thông báo;

Chậm nhất là 08 giờ làm việc kể từ khi tiếp nhận đầy đủ thông tin Thông báo cơ sở sản xuất, công chức có đề xuất Chi cục trưởng xem xét, quyết định việc kiểm tra cơ sở sản xuất đối với tổ chức, cá nhân thực hiện hợp đồng gia công lần đầu, tổ chức cá nhân lần đầu áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu; Thẩm quyền quyết định kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu: Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi quản lý tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

Bước 3: Xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị thuê mượn

Công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận văn bản thông báo xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị thuê, mượn của tổ chức. Trường hợp tổ chức, cá nhân có văn bản tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị thuê mượn trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công; tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, phế liệu, phế phẩm của doanh nghiệp chế xuất, tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, phế liệu, phế phẩm của hoạt động nhập nguyên liệu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu, công chức hướng dẫn tổ chức, cá nhân có văn bản gửi Chi cục Hải quan quản lý về phương án sơ hủy, tiêu hủy

Bước 4: Kiểm tra tình hình sử dụng nguyên liệu

+ Chi cục hải quan sẽ tiến hành kiểm tra sử dụng nguyên liệu trong các trường hợp sau:

- Khi xác định tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng có dấu hiệu rủi ro đã nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu nhưng quá chu kỳ sản xuất không có sản phẩm xuất khẩu;

- Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc xuất khẩu sản phẩm tăng, giảm bất thường so với năng lực sản xuất;

- Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân bán nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm vào nội địa nhưng không khai hải quan;

- Khi phát hiện tổ chức, cá nhân kê khai sản phẩm xuất khẩu không đúng quy định và không đúng thực tế.

+ Nội dung kiểm tra

- Kiểm tra hồ sơ hải quan, hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế (đối với trường hợp kết hợp kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế), báo cáo quyết toán, chứng từ kế toán, sổ kế toán, chứng từ theo dõi nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập kho, xuất kho và các chứng từ khác người khai hải quan phải lưu theo quy định

- Kiểm tra định mức thực tế sản phẩm xuất khẩu và các chứng từ liên quan đến việc xây dựng định mức;

- Kiểm tra tính phù hợp của sản phẩm xuất khẩu với nguyên liệu, vật tư đã nhập khẩu;

- Trường hợp qua kiểm tra các nội dung quy định tại điểm a, b, c khoản này mà cơ quan hải quan phát hiện có dấu hiệu vi phạm nhưng chưa đủ cơ sở kết luận thì thực hiện: Kiểm tra nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị trên dây chuyền sản xuất; Kiểm tra số lượng hàng hóa còn tồn trong kho; Kiểm tra số lượng thành phẩm chưa xuất khẩu.

+ Thẩm quyền quyết định kiểm tra

Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định kiểm tra. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý tổ chức thực hiện việc kiểm tra.

+ Thời gian kiểm tra

Việc kiểm tra được thực hiện không quá 05 ngày làm việc tại cơ sở sản xuất, trụ sở của tổ chức, cá nhân. Đối với trường hợp phức tạp, Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc.

Bước 5: Tiếp nhận, kiểm tra xử lý báo cáo quyết toán

Công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận báo cáo quyết toán của tổ chức, cá nhân nộp thông qua Hệ thống. Sau khi tiếp nhận công chức được giao nhiệm vụ thực hiện các công việc sau: Kiểm tra xác định thời hạn nộp báo cáo quyết toán của tổ chức, cá nhân; Kiểm tra đối chiếu thông tin trên báo cáo quyết toán với thông tin số liệu trên Hệ thống của cơ quan hải quan theo nguyên tắc tổng trị giá khai báo trên tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư và sản phẩm xuất khẩu với trị giá trên báo cáo quyết toán.

Trường hợp tổ chức, cá nhân theo dõi chi tiết lượng hàng hóa, không theo trị giá thì kiểm tra đối chiếu thông tin trên báo cáo quyết toán với thông tin chi tiết lượng hàng hóa trên Hệ thống của cơ quan hải quan.

1.3.2.4. Quản lý quyết toán tình hình sử dụng nguyên phụ liệu

Cơ quan hải quan không quản lý số lượng nguyên liệu vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công và số lượng sản phẩm xuất khẩu cho hợp đồng gia công thông qua định mức mà DN thông báo cho cơ quan hải quan như trước đây.

Cơ quan hải quan chỉ quản lý thông qua báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu thông quan mẫu biểu số 15/BCQT/GSQQL được ban hành theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

Tuy nhiên, qua mẫu biểu này, cơ quan hải quan sẽ không biết được thông tin loại nguyên liệu được sử dụng để sản xuất cho thành phẩm nào và của hợp đồng gia công nào.

Khi gặp trường hợp, nhiều thành phẩm sử dụng chung một hoặc nhiều loại nguyên liệu với định mức sử dụng khác nhau, qua bảng biểu này, cơ quan hải quan không nắm bắt được thông tin chính xác về lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu được sử dụng cho từng hợp đồng gia công.

Trong một số trường hợp cần kiểm tra, cơ quan hải quan sẽ không có căn cứ cơ sở pháp lý chính thức về hạch toán kế toán để thẩm định báo cáo của DN. Đây chính là một thách thức lớn cho cơ quan hải quan.

1.3.2.5. Xử lý vi phạm pháp luật hải quan, kiểm tra, giám sát và vấn đề rủi ro đối với hàng gia công, sản xuất để xuất khẩu của DNCX.

Các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động nhập khẩu nguyên liệu vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu là các lỗi doanh nghiệp cố ý hoặc vô ý vi phạm quy định quản lý Nhà nước về hải quan, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, theo quy định chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan, cụ thể ở đây là bị phạt tiền.

Để công tác quản lý nhà nước về hải quan của cơ quan hải quan thực sự hiệu quả, đồng thời nâng cao ý thức chấp hành pháp luật hải quan của doanh nghiệp cũng như góp phần ngăn ngừa các hành vi vi phạm, pháp luật đã quy định về hành vi, hình thức xử phạt đối với các doanh nghiệp có vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan liên quan đến hoạt động này, có các chế tài, mức phạt áp dụng cho từng vụ việc cụ

thể. Việc xử phạt sẽ căn cứ vào từng trường hợp, từng vụ việc, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để ra quyết định xử phạt hợp lý.

Rất nhiều chủ thể tham gia vào hoạt động nhập khẩu nguyên liệu vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu. Từ các doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, hộ kinh doanh cá thể đến các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các DNCX... nên trình độ hiểu biết về pháp luật hải quan cũng như ý thức tuân thủ pháp luật luôn được xem trọng. Dưới góc độ quản lý thấy rằng, một số hộ kinh doanh cá thể vi phạm do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nhiều khi hiểu chưa đúng nội dung văn bản trong khi việc tuyên truyền văn pháp luật của các cơ quan nhà nước chưa phổ biến, chưa thực sự hiệu quả, dẫn đến việc đối tượng này vi phạm trong khi tham gia hoạt động này. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp có lực lượng tư vấn pháp luật đông đảo, có hiểu biết sâu về lĩnh vực mình hoạt động song vẫn tái vi phạm. Trong bối cảnh hệ thống pháp luật của Nhà nước nói chung còn nhiều kẽ hở, vẫn trong quá trình hoàn thiện, các doanh nghiệp vì thế cũng “lách luật” để lợi dụng, làm trái pháp luật.

Phương pháp quản lý rủi ro được thực hiện trên cơ sở đánh giá quá trình chấp hành pháp luật của người khai hải quan, có ưu tiên và tạo thuận lợi đối với chủ hàng chấp hành tốt pháp luật về hải quan. Qua đó thay vì phải kiểm tra 100% các lô hàng XK, NK theo quy định tại Luật Hải quan năm 2005 thì nay Luật Hải quan số 54 năm 2014 đã đưa nội dung quản lý rủi ro vào quản lý, Hệ thống phân luồng theo phương thức quản lý rủi ro. Cụ thể là nếu hồ sơ thuộc “luồng xanh” thì thực hiện miễn kiểm tra chi tiết hồ sơ, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa; “luồng vàng” kiểm tra chi tiết hồ sơ, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa; “luồng đỏ” kiểm tra chi tiết hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa.

Khoản 2, Điều 16, Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 quy định " Kiểm tra, giám sát hải quan được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro nhằm bảo đảm hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về hải quan và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh". Quản lý rủi ro được áp dụng một cách có hệ thống và phổ biến trong toàn bộ quy trình thủ tục Hải quan đối với hàng hóa XNK nói chung và hoạt động nhập khẩu nguyên liệu vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu nói riêng. Mục tiêu của việc áp dụng quản lý rủi ro nhằm đánh giá,

phân loại đối tượng rủi ro; theo dõi, đánh giá việc chấp hành pháp luật của chủ hàng; điều phối việc kiểm tra, kiểm soát một cách phù hợp, có hiệu quả nhằm tạo thuận lợi thương mại, giảm chi phí trong quá trình làm thủ tục hải quan.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về hải quan đối với DNCX

1.4.1. Các yếu tố bên trong thuộc phía cơ quan hải quan

- Đội ngũ cán bộ công chức hải quan

Do đặc thù công việc, cán bộ công chức hải quan sẽ bị luân chuyển, điều động trong khoảng thời gian làm việc nhất định. Do đó, khi công chức đang quen với môi trường làm việc của mình, đến hạn, sẽ bị luân chuyển, điều động đến đơn vị mới, phải học hỏi, đào tạo lại từ đầu bởi tại mỗi bộ phận công tác trong mỗi đơn vị, đều có các chức năng, nhiệm vụ và đặc thù riêng. Vì thế, phải mất một thời gian để cán bộ công chức hải quan tiếp cận được với công việc và môi trường mới.

Còn tồn tại tình trạng một số cán bộ hải quan có quan niệm về cơ chế “xin-cho”, có thái độ không đúng mực trong giải quyết hồ sơ doanh nghiệp; một số công chức làm việc thiếu tinh thần trách nhiệm, còn chây ì, làm việc theo lối mòn, cứng nhắc.

Ngoài ra, một bộ phận công chức trình độ, chuyên môn nghiệp vụ còn non kém hoặc do lớn tuổi, bị hạn chế về khả năng ngoại ngữ, tin học nên khi kiểm tra, đối chiếu các chứng từ như hoá đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn hàng... chưa chính xác, mất nhiều thời gian trong xử lý hồ sơ doanh nghiệp.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật

Mặc dù đã được trang bị trang thiết bị mới, đồng bộ song với việc thay đổi quá nhanh các quy định về nghiệp vụ hải quan hay phải nâng cấp phần mềm liên tục dẫn đến Hệ thống công nghệ thông tin của ngành đôi khi không đáp ứng được các yêu cầu nghiệp vụ. Thêm đó, việc phải xử lý quá nhiều thông tin liên quan đến nghiệp vụ khiến Hệ thống lỗi, chạy chậm, ảnh hưởng tới thời gian thông quan hàng hóa, xử lý công việc của công chức hải quan cũng như việc truyền nhận thông tin giữa cơ quan hải quan với các doanh nghiệp FDI nói chung, DNCX nói riêng.

1.4.2. Các yếu tố bên ngoài

- Ý thức chấp hành pháp luật hải quan của doanh nghiệp

Việc tuân thủ tốt pháp luật hải quan đòi hỏi nhân viên kinh doanh thực hiện trực tiếp phải là người có kinh nghiệm, có trình độ, nghiệp vụ trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, trên thực tế, nguồn nhân sự chuyên trách làm việc XNK trong doanh nghiệp không được quan tâm, đãi ngộ đúng mức trong khi công việc vất vả, áp lực, phải kiêm nhiệm nhiều mảng việc, dẫn đến tình trạng bỏ việc hoặc làm việc thiếu trách nhiệm, không đạt hiệu quả. Doanh nghiệp phải tuyển dụng cán bộ mới và đào tạo từ đầu, do đó việc theo dõi, quản lý chứng từ hải quan bị đứt mạch, thất lạc. Bên cạnh đó, cán bộ mới thường thiếu kinh nghiệm, cập nhật các văn bản, các quy định về thủ tục hải quan còn hạn chế. Do đó, doanh nghiệp thường xuyên mắc các lỗi điển hình như khai báo sai tên hàng, số lượng, trọng lượng, chậm nộp hồ sơ hải quan, kết quả kiểm tra chuyên ngành...

Một số doanh nghiệp chỉ tập trung vào lợi ích trước mắt là nhập khẩu và xuất khẩu được hàng hoá, nên không quan tâm và tìm hiểu đến các quy định khác đối với loại hình mà mình kinh doanh, dẫn đến khai báo không chính xác, không mang tính hệ thống. Kết quả dẫn đến tình trạng tồn đọng hồ sơ hoặc không giải quyết được và gây khó khăn cho việc nhập khẩu và xuất khẩu các lô hàng tiếp theo.

Ý thức chấp hành pháp luật hải quan của nhiều DNCX chưa cao, đôi khi do nhân viên doanh nghiệp chưa nắm vững văn bản, chính sách pháp luật, nhiều trường hợp do một bộ phận nhân viên doanh nghiệp cố ý làm sai nhằm gian lận về thuế, thâm lậu hàng tiêu thụ thị trường nội địa, gây thất thu thuế của nhà nước.

- Các văn bản, chính sách quản lý thông thoáng, tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp:

Việc các văn bản, chính sách quản lý hàng hóa xuất, nhập khẩu của DNCX được xây dựng theo hướng thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp là một trong số các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về hải quan đối với DNCX. Trong một thời gian dài, các văn bản, chính sách không có quy định quản lý cụ thể, thống nhất về năng lực sản xuất của các doanh nghiệp.

Đối với trường hợp DNCX vừa gia công sản phẩm xuất khẩu, vừa nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu xong lại nhập khẩu sản phẩm về kinh doanh, cơ quan

hải quan rất khó quản lý.

Loại hình DNCX luôn tiềm ẩn gian lận thuế, nguyên nhân chủ yếu là do DNCX là đối tượng không chịu thuế nhập khẩu khi nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài vào, do vậy cơ quan hải quan chưa tính thuế đối với hàng hóa kinh doanh thương mại thực hiện quyền kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu. Nếu lượng hàng hóa này thẩm lậu vào thị trường nội địa sẽ gây thất thu lớn cho ngân sách nhà nước. Trong khi đó, hiện nay lực lượng kiểm soát hải quan còn mỏng, do vậy không đủ khả năng để tuần tra, kiểm soát tất cả các DNCX thực hiện hoạt động XNK theo loại hình này.

Chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực hải quan không đủ mạnh. Chẳng hạn, Nghị định số 45/2016/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 127/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan chỉ phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với các hành vi: không nộp hồ sơ thanh khoản, quyết toán không đúng thời hạn quy định; không làm thủ tục xử lý đúng thời hạn quy định đối với nguyên liệu, vật liệu dư thừa; phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị thuê mượn thuộc hợp đồng gia công theo phương án đã đăng ký trong hồ sơ thanh khoản. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi khai điều chỉnh định mức tiêu hao nguyên liệu gia công hàng hoá để xuất khẩu, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu không đúng thời hạn quy định. Đây là một trong những nguyên nhân doanh nghiệp không tuân thủ pháp luật hải quan, sẵn sàng nộp phạt nếu vi phạm pháp luật hải quan do số tiền xử phạt thấp.

Theo quy định tại Luật doanh nghiệp thì việc lập và giải thể các doanh nghiệp rất đơn giản nên các doanh nghiệp đã lợi dụng lập ra các doanh nghiệp ma, thuê giám đốc điều hành nhập một số lô hàng về gia công hàng xuất khẩu nhưng thực tế tiêu thụ nội địa rồi giải thể, bỏ trốn hoặc mất tích.

Quản lý máy móc, thiết bị, phế liệu, sản phẩm hỏng tiêu huỷ tại thị trường trong nước. Đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu để phục vụ hợp đồng GC xuất khẩu và để sản xuất hàng hóa xuất khẩu của DNCX đều thuộc đối tượng không chịu thuế khi nhập khẩu. Vì vậy với những máy móc, thiết bị này phải xuất trả lại cho bên nước ngoài hoặc đang trong quá trình thực hiện việc sản xuất mà không còn nhu cầu sử dụng số máy móc thiết bị này nữa hoặc sử dụng hết khấu hao đề nghị thanh lý máy móc thiết bị. Thực tế có nhiều trường hợp vì những lý do khác nhau doanh nghiệp

không tái xuất máy móc thiết bị này hoặc máy móc chưa hết thời gian khấu hao mà xử lý bằng biện pháp tiêu hủy tại thị trường Việt Nam thì vẫn được xem xét không chịu thuế với điều kiện phải có sự giám sát của cơ quan Hải quan.

Nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng chính sách ưu đãi không chịu thuế trên đã làm thủ tục tiêu hủy số máy móc, thiết bị tạm nhập hoặc máy móc chưa hết khấu hao nhưng thực tế không thực hiện việc tiêu hủy hoặc tiêu hủy nhưng vẫn có thể sử dụng vào mục đích khác nhằm trốn thuế.

Bên cạnh đó, vẫn còn sự lặp lại, chồng chéo giữa Luật hải quan và các văn bản pháp luật của các cơ quan quản lý liên quan.

- Việc phối hợp với các cơ quan hữu quan

Do hoạt động sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp hoạt động trong Khu chế xuất, Khu công nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm nên đã có những hình thức chuyển đổi chủ đầu tư, đổi tên doanh nghiệp, thay đổi phạm vi hoạt động, một số doanh nghiệp đã ngừng hoạt động, không có người làm... Tuy nhiên việc Ban quản lý các KCN&KCX chấp thuận chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, giải thể, chấm dứt hoạt động, di chuyển địa điểm cho các doanh nghiệp nhưng không thông báo kịp thời cho cơ quan hải quan đã dẫn đến khó khăn trong công tác theo dõi, quản lý doanh nghiệp của cơ quan hải quan.

1.5. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về hải quan đối với DNCX tại một số đơn vị Hải quan

Một số Cục Hải quan địa phương có số lượng doanh nghiệp hoạt động theo loại hình DNCX, gia công, SXKK lớn phải kể đến như Cục Hải quan tỉnh Bình Dương, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh (Chi cục Hải quan KCX Tân Thuận), Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai, Cục Hải quan TP. Hải Phòng...

1.5.1. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về hải quan đối với DNCX tại Cục Hải quan tỉnh Bình Dương

Cục Hải quan tỉnh Bình Dương được thành lập theo Quyết định số 102/QĐ-TCHQ ngày 05/9/1991 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan với tên gọi ban đầu là Hải quan tỉnh Sông Bé. Những ngày đầu mới thành lập, Hải quan tỉnh Sông Bé chỉ có 26 cán bộ, công chức và 6 đơn vị thuộc và trực thuộc là: Phòng Tổng hợp Nghiệp vụ, Phòng Tổ chức hành chính, Tổ kế toán, Đội Kiểm soát Hải quan, Chi cục Hải

quan cửa khẩu Hoa Lư, Chi cục Hải quan cửa khẩu Hoàng Diệu. Chức năng, nhiệm vụ chính của Hải quan tỉnh Sông Bé là làm thủ tục xuất khẩu cho các mặt hàng có thể mạnh của tỉnh lúc bấy giờ như: cao su, tiêu, điều, gốm sứ, sơn mài, mỹ nghệ, điêu khắc...

Hiện nay, Bình Dương đang quản lý hơn 1.350 doanh nghiệp có hoạt động gia công, SXKK và chế xuất, tập trung phần lớn tại KCN Sóng Thần, KCN Việt nam – Singapore, KCN Mỹ Phước 1, 2, 3, và được quản lý bởi các Chi cục Hải quan KCN Sóng Thần, Chi cục Hải quan KCN Việt Nam - Singapore, Chi cục Hải quan KCN Mỹ Phước. Trong đó đa số là các DNCX đến từ Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc... với ngành nghề sản xuất kinh doanh đa dạng như dệt, sợi, may mặc, cơ khí, điện - điện tử...

Những năm gần đây, bên cạnh việc Bình Dương là điểm sáng trong việc thu hút các doanh nghiệp FDI nhờ lợi thế về nguồn nhân lực, các chính sách thông thoáng tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động XNK, việc quản lý nhà nước về hải quan đối với các DNCX trên địa bàn còn tồn tại nhiều khó khăn, hạn chế. Nhiều DNCX chưa chấp hành tốt quy định về pháp luật hải quan. Các vướng mắc DN chủ yếu về chính sách mặt hàng, quy định về tỷ lệ hao hụt nguyên phụ liệu trong quá trình sản xuất, khai báo hải quan đối với nguyên liệu vật tư nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất, phương thức nộp hồ sơ hải quan, nhu cầu thuê kho để lưu giữ nguyên liệu, vật tư phục vụ cho hoạt động sản xuất nhưng trong KCN, KCX không còn diện tích phù hợp, dẫn đến khó khăn cho DN, theo đó DN đề nghị được thuê kho ngoài KCX, KCN...

Với mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, Cục Hải quan tỉnh Bình Dương nói chung và các Chi cục nói riêng đã chủ động gỡ gỡ tìm hiểu khó khăn và kịp thời giải quyết, tháo gỡ vướng mắc phát sinh liên quan đến thủ tục, chính sách hải quan cho các doanh nghiệp FDI, DNCX.

Để hỗ trợ DN thực hiện đúng và kịp thời công tác báo cáo quyết toán thuế đối với hàng sản xuất xuất khẩu và gia công, Cục Hải quan Bình Dương đã tổ chức các buổi tập huấn, “bắt tay chỉ việc” về cách thức kê khai, lập báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, phổ biến các văn bản mới về thuê kho ngoài của DNCX... Đơn vị cũng thực hiện ký kết quy chế phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các ban quản lý khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh về trao đổi, cung cấp

thông tin DN trên địa bàn làm cơ sở đánh giá nguồn thu, mời gọi DN để tăng nguồn thu, đồng thời kịp thời hỗ trợ DN khi gặp khó khăn. Đơn vị đã cập nhật danh sách DN FDI được cấp mới mã số thuế trên địa bàn, kịp thời phân bổ cho các Chi cục tiến hành tiếp xúc, tuyên truyền và phổ biến pháp luật về thủ tục hải quan tại Bình Dương...

Bên cạnh đó, Cục Hải quan Bình Dương cũng tăng cường, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hải quan đối với các DN thông qua các buổi tập huấn nội bộ, hội nghị toàn ngành. Cũng trong hội nghị chuyên đề về quản lý hải quan đối với loại hình gia công, SXKK, chế xuất do Tổng cục Hải quan tổ chức tại Bình Dương ngày 07/4/2016, các đại biểu đã cùng nhau thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý đối với loại hình GC, SXKK, chế xuất, chia sẻ kinh nghiệm thông qua những hành vi gian lận, vi phạm của doanh nghiệp nhằm nâng cao công tác kiểm tra, ngăn chặn các hành vi vi phạm, trốn thuế đối với loại hình này.

Bằng những việc làm thiết thực, Hải quan Bình Dương đã tạo được nhiều niềm tin của DN, đạt được những kết quả khả quan, tình hình xuất nhập khẩu có sự gia tăng rõ rệt. Tính đến 31/12/2017, tổng số DN đến đăng ký làm thủ tục tại đơn vị là 5.695 DN tăng 9,25% so với cùng kỳ năm 2016. Số tờ khai đã làm thủ tục hải quan đạt trên 1,3 triệu tờ khai, tăng 15,23% so với cùng kỳ năm 2016. Kim ngạch XNK đạt trên 41,7 tỷ USD, tăng 14,74% so cùng kỳ năm trước (Báo Hải quan Online).

1.5.2. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về hải quan đối với DNCX tại Chi cục Hải quan KCX Tân Thuận - Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh

Tháng 3/1993, công ty đầu tiên trong KCX Tân Thuận được cấp giấy phép đầu tư, chỉ 3 tháng sau, Chi cục Hải quan KCX Tân Thuận thuộc Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 223/TCHQ-TCCB ngày 9/6/1993 của Tổng cục Hải quan. Khu chế xuất Tân Thuận là KCX đầu tiên và thành công nhất ở Việt Nam. Từ khi thành lập đến nay, KCX Tân Thuận luôn là sự lựa chọn hàng đầu của nhiều nhà đầu tư nước ngoài. KCX này được xem là mô hình kiểu mẫu, giải quyết việc làm cho phần đông lao động miền trung và nam bộ, tiếp thu kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý tiên tiến hiện đại, tăng năng lực xuất khẩu, tạo nguồn thu ngoại tệ và góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội của đất nước.

Hiện tại, Chi cục Hải quan KCX Tân Thuận làm thủ tục XNK cho hơn 150 DNCX đang hoạt động tại KCX Tân Thuận và hơn 1.500 doanh nghiệp nội địa có quan hệ mua bán hàng hóa XNK với DNCX... Có trên 1/3 số nhà đầu tư về công nghệ cao và phần mềm, điện, điện tử, cơ khí, máy móc chính xác, đáp ứng xu hướng phát triển kinh tế - xã hội mới và thỏa thuận với WTO của Việt Nam, đáp ứng xu hướng KCX 4.0 cùng hàng chục loại hình XNK hàng hóa đặc thù.

Tuy nhiên, bên cạnh việc được thành lập từ rất lâu cũng như có một quá trình dài trong hoạt động XNK, nhiều DNCX trong KCX Tân Thuận vẫn còn mắc sai phạm trong thực thi pháp luật hải quan như vi phạm về sử dụng định mức, tiêu hao nguyên phụ liệu, vi phạm về chuyển nguyên phụ liệu từ hợp đồng này sang hợp đồng khác, vi phạm về chất thải nguy hại, vi phạm về hợp đồng gia công quá hạn, tự ý tiêu hủy nguyên phụ liệu dư thừa, phế liệu, phế phẩm khi chưa thông báo với cơ quan hải quan hay xử lý phế liệu, phế phẩm tiêu thụ nội địa nhưng không kê khai nộp thuế với cơ quan thuế nội địa theo quy định của pháp luật về thuế...

Để làm tốt công tác quản lý nhà nước về hải quan đối với các DNCX trên địa bàn, Chi cục Hải quan khu chế xuất Tân Thuận đã có nhiều biện pháp quản lý hiệu quả như:

- Chi cục thường xuyên quán triệt, phổ biến yêu cầu DNCX cập nhật văn bản pháp luật hiện hành, văn bản mới. Gặp vướng mắc, các DN cần hỏi ngay cơ quan Hải quan để được hướng dẫn kịp thời, tránh để ra xảy ra tình trạng vi phạm theo chuỗi do không nắm rõ quy định hoặc hiểu văn bản chưa đúng.

- Chi cục tổ chức các buổi đối thoại, lắng nghe ý kiến, khó khăn của DNCX nhất là các vướng mắc liên quan đến thủ tục hải quan. Tất cả các vướng mắc đều được Chi cục hướng dẫn cụ thể.

- Chi cục tạo mối quan hệ tốt với Kho bạc nhà nước trên địa bàn và các Ngân hàng trong việc phối hợp thu ngân sách, rút ngắn thời gian thông quan của doanh nghiệp.

- Chi cục cũng kiến nghị Cục Hải quan TP.Hồ Chí Minh, Tổng cục Hải quan về công tác giám sát trực tiếp tại cổng ra vào KCX. Chi cục Hải quan KCX Tân Thuận đã xây dựng quy chế phối hợp với doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng KCX trong việc quản lý hàng hóa ra vào cổng, lắp đặt hệ thống camera giám sát kết

nối với cơ quan hải quan vừa đảm bảo tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp vừa đảm bảo việc quản lý hải quan đúng quy định.

1.5.3. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về hải quan đối với DNCX tại Cục Hải quan Đồng Nai

Cục Hải quan Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 137/TTg ngày 1/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 03/01/1995.

Năm 2017, với 3.918 DN đăng ký làm thủ tục hải quan (tăng 10% so với năm 2016), Cục Hải quan Đồng Nai đã làm thủ tục cho 1,17 triệu tờ khai, tăng 11% so với năm 2016; Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 34 tỷ USD, tăng 3,5 tỷ USD, tương ứng 12% so với năm 2016, chiếm 8% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu toàn quốc (Thời báo tài chính online).

Trong quá trình giải quyết thủ tục hải quan cho DNCX, Cục Hải quan Đồng Nai đã gặp một số vướng mắc như trường hợp DNCX thanh lý máy móc, thiết bị đã qua sử dụng thuộc diện cấm nhập khẩu vào thị trường nội địa, ví dụ như máy vi tính đã qua sử dụng hay việc giấy phép tiền chất của DN nội địa nhập khẩu hóa chất là tiền chất, sau đó xuất khẩu cho DNCX... Trong những trường hợp này, Cục Hải quan Đồng Nai đã chủ động đề xuất hướng giải quyết lên Tổng cục Hải quan để tìm cách tháo gỡ, tạo thuận lợi cho DN.

Bên cạnh đó, Cục cũng tăng cường công tác quản lý các DNCX trên địa bàn bằng cách triển khai các biện pháp như:

- Song song với việc tạo thông thoáng cho hoạt động XNK, Hải quan Đồng Nai đã đẩy mạnh công tác kiểm tra sau thông quan, công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại, gian lận về thuế luôn tiềm ẩn trong môi trường hoạt động XNK của các DNCX.

- Tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết những vấn đề vướng mắc, giải tỏa những lo lắng khi có sự thay đổi phương thức quản lý của cơ quan Hải quan.

1.5.4. Bài học kinh nghiệm cho Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng – Cục Hải quan TP Hải Phòng

Từ những hạn chế, thách thức trong việc quản lý nhà nước về hải quan đối với các DNCX tại một số đơn vị Hải quan, bài học kinh nghiệm rút ra cho Cục Hải quan

TP Hải Phòng nói chung, Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng nói riêng như sau:

Một là: Đẩy mạnh công tác phổ biến giáo dục pháp luật hải quan để DN nhận thức được những “được”-“mất” khi chấp hành hoặc cố tình vi phạm pháp luật hải quan. Trong quản lý giám sát đối với hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu của DNCX, cần phải thực hiện công khai, minh bạch về quy trình, thủ tục hải quan cũng như chế độ chính sách đối với hoạt động này nhằm hạn chế tối đa việc doanh nghiệp vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết; Tháo gỡ hoặc trợ giúp kịp thời cho doanh nghiệp xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình làm thủ tục hải quan. Bên cạnh đó, tích cực chủ động tuyên truyền DNCX sử dụng phần mềm dịch vụ công trực tuyến của Tổng cục Hải quan nhằm cắt giảm thời gian và chi phí đi lại của DN, làm cho hoạt động của cơ quan hải quan trở nên minh bạch theo đúng chủ trương của ngành là chuyên nghiệp, hiệu quả, minh bạch, chống sách nhiễu, phiền hà DN.

Hai là: Quán triệt tới từng cán bộ công chức về tầm quan trọng của công tác quản lý, giám sát đối với hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu của DNCX. Từng cán bộ công chức phải kiểm tra, rà soát thường xuyên công tác quyết toán các hợp đồng gia công, sản xuất xuất khẩu để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục những khâu, những việc còn thiếu sót, không để tồn đọng việc.

Ba là: Tăng cường công tác kiểm tra sau thông quan nhằm phát hiện kịp thời các sai sót và các hành vi gian lận, trốn thuế; Tăng cường công tác cập nhật, quản lý và nắm bắt các thông tin của DNCX theo những tiêu chí như giai đoạn hình thành và phát triển, địa điểm đăng ký trụ sở, bộ máy tổ chức, quá trình hoạt động XNK, tình hình biến động tài chính, nhân sự, những bất thường trong hoạt động SXKK, đặc biệt là các sai phạm đã bị cơ quan hải quan phát hiện và xử lý, đặc điểm của những hành vi vi phạm pháp luật... để khoanh vùng doanh nghiệp trọng điểm, rủi ro, qua đó có biện pháp quản lý phù hợp; Chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan hữu quan trong nắm bắt thông tin, tình hình hoạt động của doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý doanh nghiệp.

Bốn là: Tích cực triển khai hiệu quả các phần mềm hỗ trợ, máy móc, thiết bị được vận hành ổn định giúp hoạt động XNK của doanh nghiệp diễn ra nhanh chóng, thuận tiện, giảm thiểu thời gian thông quan hàng hóa; Thực hiện hiệu quả các quy

định của Luật Hải quan 2014, Luật Thuế XK, thuế NK số 107; Niêm yết công khai, minh bạch bộ quy trình thủ tục, số điện thoại đường dây nóng khi DN muốn phản ánh tiêu cực; Thành lập các tổ hỗ trợ triển khai, giải đáp vướng mắc xung quanh việc thực hiện các văn bản mới, văn bản hiện hành; Bố trí cán bộ công chức làm việc ngày thứ 7, ngày lễ, Tết để giải quyết thủ tục hải quan, không để xảy ra tình trạng chậm trễ, ách tắc trong quá trình hoạt động XNK của DN;

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT TRONG KCN NOMURA TẠI CHI CỤC HẢI QUAN KHU CHẾ XUẤT VÀ KHU CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG

2.1. Tổng quan về Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng và DNCX trong KCN Nomura do Chi cục quản lý

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng

Trước xu thế phát triển tất yếu của nền kinh tế đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, trong làn sóng đầu tư nước ngoài vào thành phố Hải Phòng nói riêng và cả nước nói chung đòi hỏi phải có tổ chức Hải quan tại các khu công nghiệp, khu chế xuất để làm thủ tục hải quan cho các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Trên tinh thần đó, ngày 04/05/1997 Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-TCHQ của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan với chức năng thực hiện các quy định quản lý nhà nước về hải quan đối với hàng hóa XNK của các doanh nghiệp FDI trong các Khu công nghiệp, Khu kinh tế trên địa bàn TP Hải Phòng và các doanh nghiệp kinh doanh XNK khác.

Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng là cơ quan hải quan cấp Chi cục, trực thuộc Cục Hải quan TP. Hải Phòng, có trụ sở đóng tại Khu công nghiệp NOMURA, Km 13+500 QL5, xã Tân Tiến, huyện An Dương, TP. Hải Phòng.

Từ chỗ chỉ làm thủ tục hải quan và quản lý 7 doanh nghiệp Nhật Bản tại Khu công nghiệp Nomura, đến năm 2017 Chi cục quản lý 06 Khu công nghiệp lớn trên địa bàn thành phố gồm 280 doanh nghiệp, trong đó có 108 DNCX:

- Khu công nghiệp Nomura, huyện An Dương, TP Hải Phòng
- Khu công nghiệp Tràng Duệ huyện An Dương, TP Hải Phòng
- Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng
- Khu công nghiệp VSIP, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng
- Khu công nghiệp Đồ Sơn, quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng
- Khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, TP Hải Phòng

Từ 07 CBCC khi thành lập năm 1997, cuối năm 2017 Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng có biên chế là 37 người chiếm 4% biên chế của Cục Hải

quan TP Hải Phòng. Bộ máy của Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng có 02 Đội công tác: Đội Nghiệp vụ và Đội Tổng hợp. Cán bộ, công chức Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng 100% đã tốt nghiệp cao đẳng, đại học các chuyên ngành phù hợp với công việc như kinh tế, tài chính kế toán, hải quan, luật, ngoại ngữ...

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Chi cục Hải quan Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng

Căn cứ Quyết định số 5417/QĐ-HQHP ngày 30/12/2016 của Cục Hải quan TP Hải Phòng về việc quy định nhiệm vụ cụ thể, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng và các đội công tác thì Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Hải quan, các quy định khác của pháp luật có liên quan và những nhiệm vụ cụ thể sau đây :

- Thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp trong Khu chế xuất, Khu công nghiệp, Khu kinh tế trên địa bàn Hải Phòng và các doanh nghiệp kinh doanh XNK khác trừ hàng hóa nhập khẩu theo quy định chỉ được thực hiện tại Chi cục cửa khẩu.

- Thực hiện thu thuế và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa XNK, thực hiện việc ấn định thuế, theo dõi, thu thuế nợ đọng, cưỡng chế thuế và phúc tập hồ sơ hải quan; đảm bảo thu đúng, thu đủ, nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước.

- Thực hiện các biện pháp phòng, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại trong phạm vi địa bàn của Chi cục. Phối hợp với các cơ quan hữu quan, Sở, Ban, Ngành khác trong việc phòng, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại ngoài phạm vi địa bàn của Chi cục.

- Tổ chức triển khai thực hiện ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và phương pháp quản lý hải quan hiện đại.

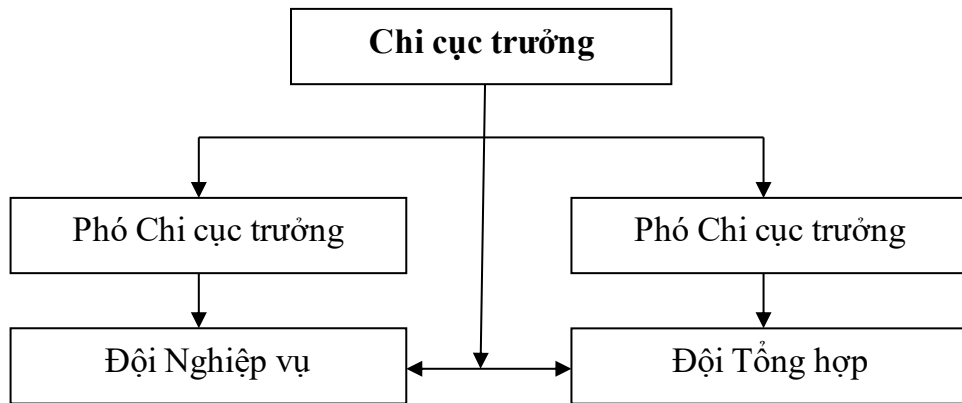
- Thực hiện cập nhật, thu thập, phân tích thông tin nghiệp vụ hải quan theo quy định của Cục Hải quan TP Hải Phòng và của Tổng cục Hải quan.

- Thực hiện thống kê nhà nước về hải quan đối với hàng hóa XNK thuộc phạm vi quản lý của Chi cục.

2.1.3. Bộ máy tổ chức của Chi cục Hải quan khu chế xuất và khu công nghiệp Hải Phòng

Chi cục Hải quan KCN&KCN Hải Phòng có 37 cán bộ công chức và 04 lao động hợp đồng, gồm 02 Đội công tác: Đội Nghiệp vụ và Đội Tổng hợp. Ban lãnh đạo Chi cục gồm: 01 Chi cục trưởng phụ trách chung toàn Chi cục và 02 Phó Chi cục trưởng phụ trách 02 Đội công tác.

Sơ đồ 2.1. Mô hình bộ máy tổ chức của Chi cục hải quan KCX&KCN HP



(Nguồn: Dữ liệu thuộc Chi cục HQ KCX&KCN Hải Phòng)

Chi cục Hải quan khu chế xuất và khu công nghiệp Hải Phòng được biên chế 37 cán bộ công chức (cùng với 02 lao động hợp đồng 68 và 02 lao động thời vụ làm công tác bảo vệ, tạp vụ). Trong những năm gần đây, biên chế của Chi cục hầu như không thay đổi.

Bảng 2.1. Tình hình biên chế của Chi cục từ năm 2015 đến năm 2017

Năm	Số lượng biên chế			Giới tính		Độ tuổi			Trình độ chuyên môn		
	Tổng số	Công chức	Hợp đồng LĐ	Nam	Nữ	Dưới 40	Từ 40-50	Trên 50	Trên đại học	Đại học	Cao đẳng
2015	40	36	4	34	6	13	13	14	5	34	1
2016	40	36	4	34	6	13	13	14	5	34	1
2017	41	37	4	34	7	12	12	17	4	36	1

(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX&KCN Hải Phòng)

*** Cơ cấu, nhiệm vụ cụ thể của Đội Nghiệp vụ:**

Đội nghiệp vụ gồm 01 đội trưởng, 02 phó đội trưởng và 14 công chức thừa

hành. Đội được chia thành 02 bộ phận thực hiện các bước: 1, 2, 3, 4 và bước 5 theo quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ ngày 10.07.2015 của Tổng cục Hải quan.

* Trong đó:

- Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, phân luồng tờ khai;
- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ hải quan;
- Bước 3: Kiểm tra thực tế hàng hóa;
- Bước 4: Kiểm tra hoàn thành nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí;
- Bước 5: Quản lý, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Đội trưởng phụ trách chung và chịu trách nhiệm về công tác của toàn Đội trước Chi cục trưởng;

- 01 Phó đội trưởng phụ trách bước 3;

- 01 Phó đội trưởng phụ trách các bước còn lại.

* *Nhiệm vụ cụ thể:*

Giải quyết thủ tục hải quan, thông quan hàng hóa XNK theo các quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài Chính.

- Thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp trong các KCX, KCN, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ và phối hợp với các lượng lượng chức năng khác để phòng, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại trên phạm vi địa bàn hoạt động của Chi cục;

- Giám sát kho ngoại quan trong khu công nghiệp Nomura Hải Phòng;

- Tổ chức triển khai thực hiện ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và phương pháp quản lý hải quan hiện đại để kịp thời phát hiện, đề xuất Chi cục trưởng các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định; Thực hiện việc cập nhật, phân tích thông tin nghiệp vụ hải quan theo quy định của Cục Hải quan TP Hải Phòng và của TCHQ;

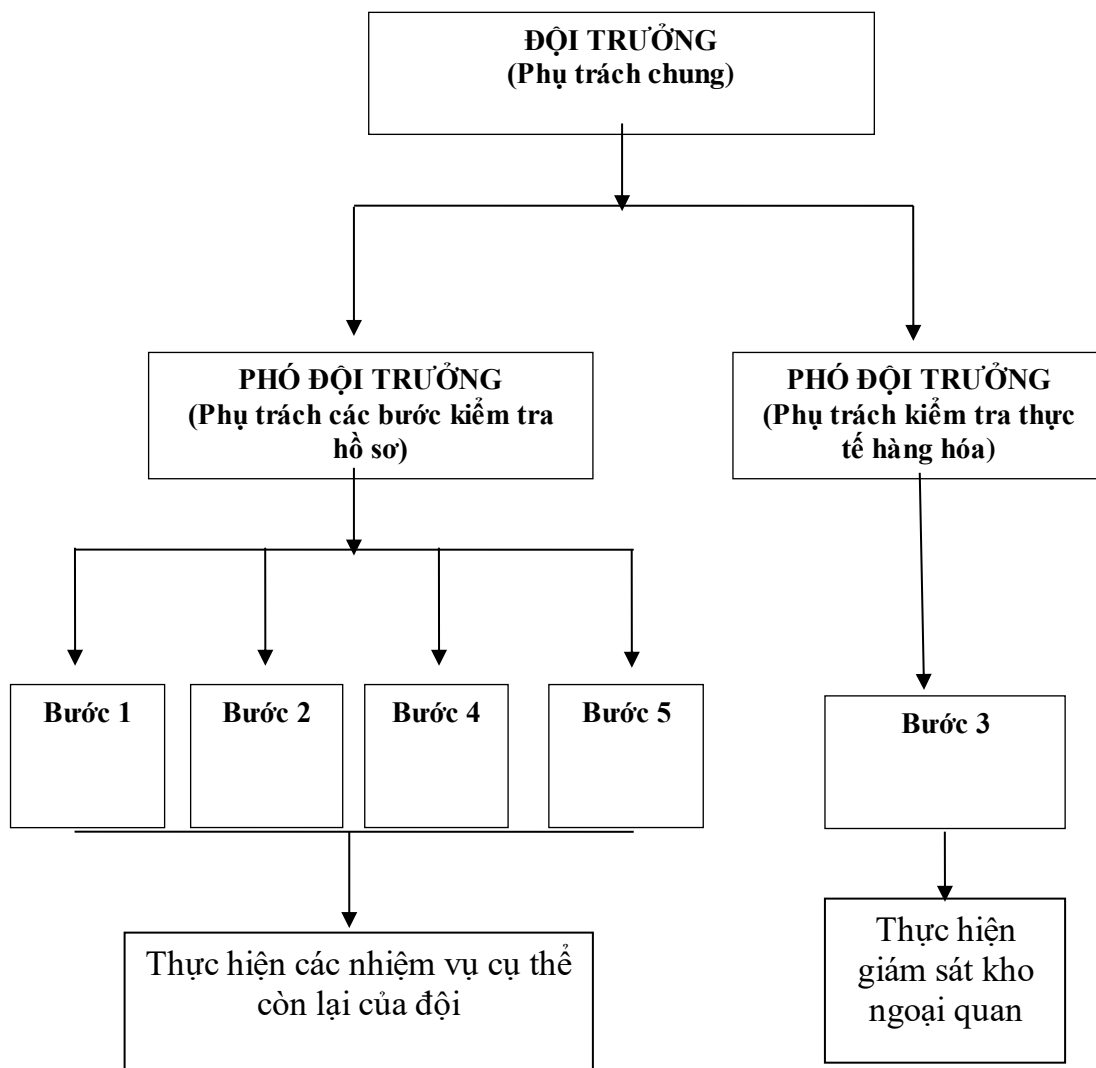
- Thực hiện xử lý vi phạm hành chính về hải quan theo thẩm quyền được pháp

luật quy định. Thực hiện các công việc liên quan đến giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền của Đội; Thực hiện quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về hải quan cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn;

- Quản lý cán bộ, công chức, quản lý tài sản, các trang thiết bị được giao theo quy định; Thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ, đột xuất; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chi cục trưởng giao.

Sơ đồ 2.2. Mô hình tổng quan về tổ chức, nhiệm vụ của Đội Nghiệp vụ



(Nguồn: Dữ liệu thuộc Chi cục HQ KCX&KCN Hải Phòng)

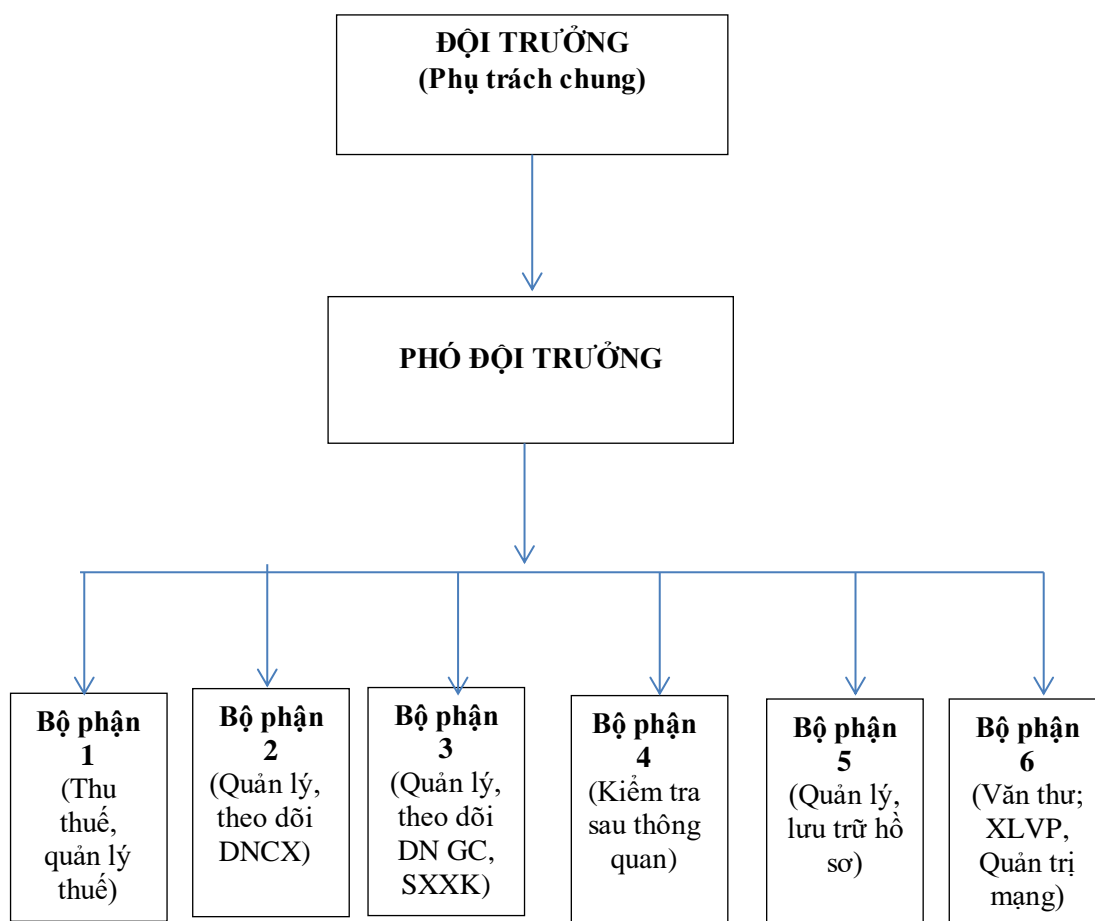
* Cơ cấu, nhiệm vụ cụ thể của Đội Tổng hợp:

Đội Tổng hợp gồm 01 Đội trưởng, 01 Phó đội trưởng và 14 công chức thừa hành. Nhiệm vụ được giao gồm:

- + Tiếp nhận hợp đồng, phụ lục hợp đồng gia công; Kiểm tra báo cáo quyết toán đối với loại hình gia công, SX XK và chế xuất;
- + Thực hiện công tác thu thuế, quản lý thuế;
- + Thực hiện công tác kiểm tra sau thông quan;
- + Thực hiện công tác XL vi phạm; công tác văn thư, lưu trữ của Chi cục....

Công tác quản lý doanh nghiệp thực hiện gia công, SX XK và CX thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài Chính.

Sơ đồ 2.3. Mô hình tổ chức của Đội Tổng hợp



(Nguồn: Dữ liệu thuộc Chi cục HQ KCX&KCN Hải Phòng)

* *Nhiệm vụ cụ thể:*

- Thực hiện công tác quản lý thuế thuộc thẩm quyền của Chi cục. Thực hiện hoàn thuế, không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Điều chỉnh thuế

cho doanh nghiệp theo quy định.

- Tiến hành thu thuế và các khoản thu khác theo quy định của Pháp luật đối với hàng hóa XNK, thực hiện việc ấn định thuế, theo dõi, thu thuế nợ đọng, cưỡng chế thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước.

- Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để phòng, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại, chống thất thu thuế trên phạm vi địa bàn hoạt động của Chi cục; Phối hợp với các lượng lượng chức năng khác để thực hiện công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại ngoài phạm vi địa bàn hoạt động của Chi cục;

- Thực hiện việc kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đối với hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế, không thu thuế sau;

- Thực hiện việc kiểm tra cơ sở sản xuất đối với loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu;

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp làm thủ tục hải quan theo loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu và chế xuất trong các Khu chế xuất, Khu công nghiệp, Khu kinh tế tại địa bàn Thành phố Hải Phòng theo quy định;

- Thực hiện kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện xử lý vi phạm hành chính về hải quan theo thẩm quyền được pháp luật quy định. Tham mưu cho Chi cục trưởng về xử phạt vi phạm hành chính; giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính và giải quyết tố cáo theo thẩm quyền Chi cục được pháp luật quy định

- Tham mưu cho Lãnh đạo Chi cục về công tác tổ chức cán bộ, thi đua, khen thưởng; Quản lý cán bộ, công chức, hợp đồng lao động; quản lý hồ sơ, tài sản, trang thiết bị được giao theo quy định;

- Thực hiện công tác văn thư lưu trữ, chế độ thống kê, báo cáo, lưu trữ hồ sơ hải quan theo quy định

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chi cục trưởng giao.

2.1.4. Tổng quan về DNCX trong KCN Nomura do Chi cục quản lý

2.1.4.1. Vài nét về KCN Nomura Hải Phòng

KCN Nomura (Nomura Industrial Zone) được thành lập ngày 23 tháng 12 năm 1994, là dự án Khu Công nghiệp do công ty liên doanh giữa Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Tập đoàn Tài chính Nomura (Đây là một tập đoàn chứng khoán hàng đầu Nhật Bản. Người đứng đầu là ông Tabuchi, Chủ tịch tập đoàn).

KCN Nomura có diện tích 153 ha, trong đó diện tích đất công nghiệp 123 ha, 30 ha cho cơ sở hạ tầng và các tiện ích. Hạ tầng kỹ thuật trong KCN được xây dựng đồng bộ và tương đối hiện đại. Đến cuối năm 2017, diện tích đất cho thuê và hoạt động tại KCN đạt tỷ lệ “lấp đầy” 100%.

KCN Nomura là một trong những KCN được thành lập đầu tiên với kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại tại Việt Nam cũng như trong khu vực và là KCN thành công nhất của cả nước, đóng góp lớn cho sự tăng trưởng chung của nền kinh tế cả nước và thành phố Hải Phòng, tạo việc làm ổn định cho nhiều lao động dư thừa, tăng tỷ trọng sản xuất công nghiệp, tăng tỷ trọng hàng xuất khẩu về công nghiệp, đem lại lợi ích về thu ngân sách cho nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng đời sống cho người lao động. Đến tháng 3/2017, KCN Nomura Hải Phòng đã thu hút được gần 60 nhà đầu tư, nâng tổng số vốn đầu tư vượt 1 tỷ USD, tạo việc làm cho hơn 20.000 lao động, giá trị sản xuất của các doanh nghiệp trong KCN đã lên tới 500 triệu USD/năm, đạt 10% GDP, 30% kim ngạch mậu dịch của thành phố Hải Phòng (Nguồn: Tạp chí Công thương). Trong KCN Nomura không có dự án công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường. Có một dự án là Công ty TNHH Rorze Robotech được hưởng ưu đãi đối với doanh nghiệp công nghệ cao là sản xuất robot. Ngoài ra, các dự án của các tập đoàn lớn như Yazaki, Tohoku Pioneer, Toyota Gosei, GE, Fujikura... sử dụng thiết bị công nghệ hiện đại, tiên tiến trong sản xuất, tỷ lệ cơ khí hóa, tự động hóa cao, cung cấp sản phẩm chất lượng cao xuất khẩu ra thị trường quốc tế, tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp và hàng hóa được sản xuất ở Việt Nam trên thị trường quốc tế.

2.1.4.2. Giới thiệu khái quát về các DNCX trong KCN Nomura do Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng quản lý giai đoạn 2015-2017

*** Tình hình chung của các DNCX do Chi cục quản lý giai đoạn 2015-2017**

Là địa phương duy nhất miền Bắc hội tụ đủ 5 loại hình giao thông: Đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy nội địa và đường hàng không, thành phố cảng Hải Phòng không chỉ đóng vai trò trung tâm kinh tế của khu vực đồng bằng sông Hồng, vùng Duyên hải Bắc bộ mà còn là nhịp cầu thông thương với các nước trong khu vực. Năm 2017, với hơn 3 tỷ USD vốn FDI thu hút được, Hải Phòng đã vươn lên đứng thứ 2 cả nước về thu hút đầu tư nước ngoài. Kết quả thu hút nguồn vốn FDI trong thời gian qua cho thấy, Hải Phòng trở thành điểm đến của nhiều tập đoàn hàng đầu trên thế giới và các nhà đầu tư nước ngoài. Đặc biệt, phần lớn các DNCX tại Hải Phòng đều tập trung vào các ngành công nghiệp có tỉ lệ sản phẩm xuất khẩu cao như: điện, điện tử, cơ khí, may mặc, giày da...

Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng là đơn vị trực tiếp thực hiện công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan đối với toàn bộ các DNCX, tập trung trong 5 khu công nghiệp trên địa bàn TP. Hải Phòng. Nhiều dự án có vốn đầu tư lớn và công nghệ hiện đại như Dự án 1,5 tỷ USD của Công ty LG Display và Dự án 550 triệu USD của Công ty LG Innotek bên cạnh các dự án lớn khác đã ổn định sản xuất, xuất khẩu như Dự án ngành may mặc 760 triệu USD của Công ty TNHH Regina Miracle International Việt Nam; Dự án sản xuất sản phẩm máy in, photo đa chức năng Công ty TNHH công nghệ máy văn phòng Kyocera Việt Nam 187,5 triệu USD; Dự án sản xuất phụ tùng ô tô 140 triệu USD của Công ty TNHH Toyota Gosei Hải Phòng Việt Nam; Dự án sản xuất máy in, máy photocopy và máy đa năng của Fuji Xerox với số vốn đầu tư 119 triệu USD; Dự án sản xuất lắp ráp robot Công ty TNHH Rorze Robotech 113,25 triệu USD... Đó là các dự án sản xuất công nghiệp có ý nghĩa quan trọng của các tập đoàn lớn, danh tiếng Nhật Bản, Hàn Quốc. Các dự án này đầu tư với mục tiêu sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, lắp ráp sản phẩm điện và điện tử áp dụng công nghệ tiên tiến hiện đại bậc nhất thế giới, đều là DNCX làm thủ tục tại Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng.

Thời gian đầu, nhiều DNCX do Chi cục quản lý vẫn mang tâm lý thăm dò, chưa sử dụng phần lớn máy móc thiết bị hiện đại, vì thế ít nhiều ảnh hưởng đến môi

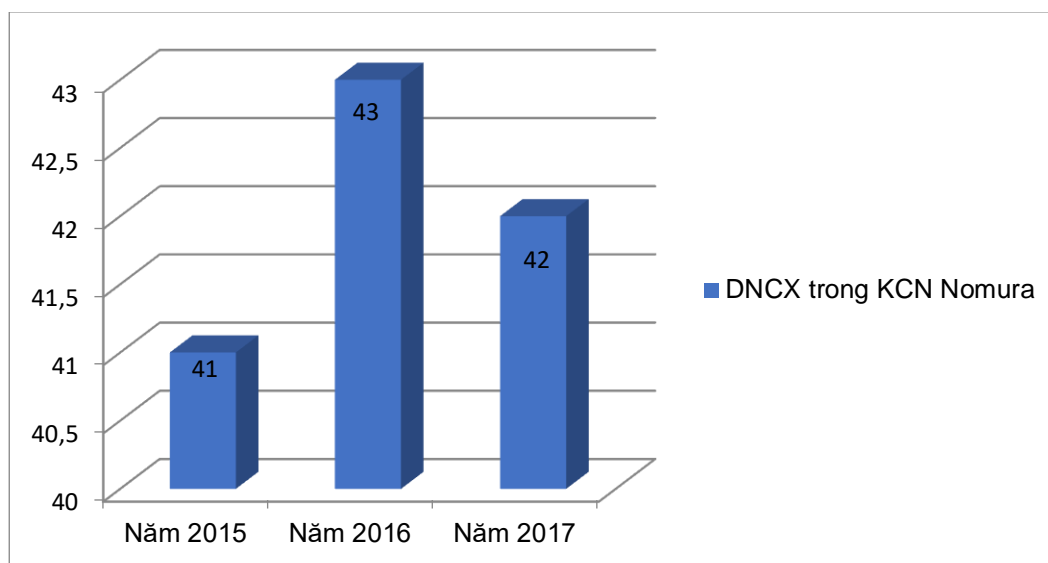
trường trong quá trình hoạt động sản xuất. Tuy nhiên sau đó, các DNCX đã có những bước đầu tư đáng kể trong trang bị dây chuyền máy móc. Trong những năm gần đây, đáp ứng xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa mạnh mẽ toàn cầu, nhiều DNCX bỏ vốn vào các dự án có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, khoáng sản, đất đai, tạo điều kiện và tăng cường liên kết với các doanh nghiệp trong nước nhằm tạo ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, các sản phẩm có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Đây là một bước phát triển đúng đắn nhằm phát huy triệt để các lợi thế của địa phương, đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao, chủ động trong giao dịch mua bán quốc tế của các DNCX. Việc phát triển mạnh mẽ các DNCX trên địa bàn đã góp phần giải quyết việc làm cho hàng trăm ngàn lao động, qua đó giúp đào tạo hàng vạn công nhân lành nghề, làm tăng thu nhập, đời sống của người lao động.

*** Số lượng các DNCX trong KCN Nomura do Chi cục quản lý**

Theo thống kê của Chi cục, trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2017 số lượng DN FDI cũng như DNCX tại KCN Nomura tương đối ổn định. Các DNCX do Chi cục quản lý phần lớn là doanh nghiệp FDI của các nhà đầu tư Nhật Bản, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất lắp ráp máy in, máy phát điện, linh kiện ô tô, trang sức, đồ điện tử, thời trang... Các sản phẩm do các doanh nghiệp sản xuất 99% được xuất khẩu ra nước ngoài qua cửa khẩu cảng Hải Phòng và sân bay quốc tế Nội Bài.

Đến cuối năm 2017, có 42 doanh nghiệp chế xuất trên tổng số 53 doanh nghiệp FDI hoạt động sản xuất trong KCN Nomura Hải Phòng. Các doanh nghiệp này thực hiện thủ tục hải quan theo quy định khi nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa, kể cả hàng hóa mua, bán nội địa.

Biểu đồ 2.1. Số lượng DNCX trong KCN Nomuragiai đoạn 2015 - 2017



(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX&KCN Hải Phòng)

Qua biểu đồ 2.1 ta thấy số lượng các doanh nghiệp chế xuất trong KCN Nomura do Chi cục Hải quan Khu chế xuất và khu công nghiệp Hải Phòng quản lý không biến đổi nhiều qua các năm trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017. Cụ thể, năm 2015 là 41 doanh nghiệp nhưng đến năm 2016 là 43 doanh nghiệp, tăng 02 doanh nghiệp, tức 5% so với năm 2015. Năm 2017 là 42 doanh nghiệp, tăng 01 doanh nghiệp so với năm 2015 và giảm 01 doanh nghiệp so với năm 2016.

Bảng 2.2. Các doanh nghiệp hoạt động trong KCN Nomura giai đoạn 3 năm từ 2015 - 2017

Năm	Tổng số DN	Trong đó	
		DNCX	Tỉ lệ %
2015	53	41	77
2016	54	43	80
2017	53	42	80

(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX&KCN Hải Phòng)

Qua bảng 2.2, trong KCN Nomura các DNCX chiếm đa số. Năm 2015, có 53 doanh nghiệp FDI hoạt động thì có 41 DNCX, chiếm tỉ lệ 77% so với tổng số các doanh nghiệp hoạt động trong KCN Nomura. Năm 2016, trong tổng số 54 doanh nghiệp FDI thì có 43 DN hoạt động theo loại hình DNCX, chiếm tỉ lệ 80%. Đến cuối

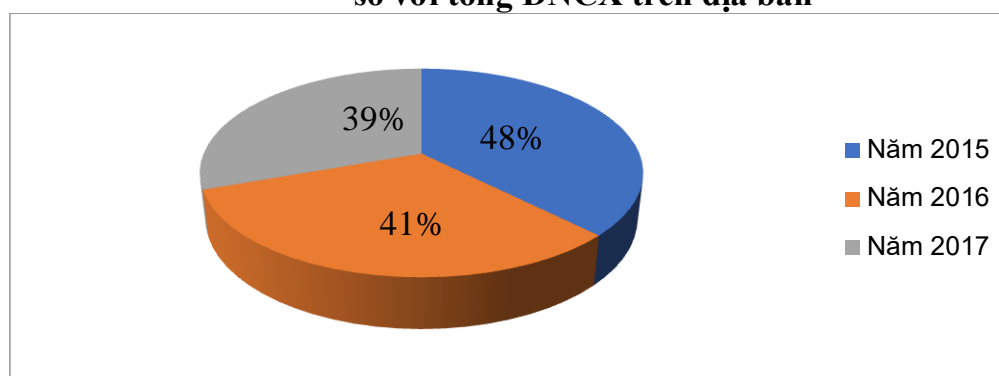
năm 2017, số DNCX giảm đi 01 DN còn 42 DNCX trong tổng số 53 doanh nghiệp FDI do DN này chuyển đổi cơ cấu, mô hình sản xuất và chuyển trụ sở và nhà xưởng ra ngoài KCN.

Bảng 2.3. Số lượng DNCX trên địa bàn TP Hải Phòng do Chi cục quản lý giai đoạn 2015 - 2017

Năm	Số DNCX trên địa bàn Hải Phòng	Trong đó	
		DNCX tại KCN Nomura	Tỉ lệ %
2015	85	41	48
2016	104	43	41
2017	108	42	39

(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX&KCN Hải Phòng)

Biểu đồ 2.2. Tỉ lệ DNCX trong KCN Nomura so với tổng DNCX trên địa bàn



(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX&KCN Hải Phòng)

Có thể thấy, số lượng DNCX tại riêng KCN Nomura trong các năm giai đoạn từ 2015 - 2017 chiếm tỉ lệ cao so với tổng số các DNCX hoạt động trong 06 KCN trên địa bàn TP Hải Phòng do Chi cục quản lý, bao gồm: KCN Tràng Duệ, KCN Nam Cầu Kiền, KCN VSIP Thủy Nguyên, KCN Nomura, KCN Đồ Sơn và KCN Đình Vũ. Cụ thể, năm 2015, số lượng DNCX tại KCN Nomura chiếm 48% so với tổng số các DNCX trên địa bàn, năm 2016 chiếm 41% và đến năm 2017 chiếm 39%. Sở dĩ có con số ấn tượng như vậy do KCN Nomura là một trong số KCN đầu tiên và thành công nhất của cả nước về thu hút đầu tư nước ngoài, về kết cấu hạ tầng cơ sở đồng bộ, quy chuẩn, hiện đại và hoạt động của các DNCX nói chung và DN FDI nói riêng trong KCN là tương đối ổn định. Các DN trong KCN Nomura còn tạo được dấu

ấn bởi được đầu tư từ những thương hiệu nổi tiếng tại Nhật Bản, Mỹ... có vốn đầu tư lớn, hoạt động sản xuất kinh doanh trong những ngành công nghệ điện - điện tử phát triển và có tính ổn định cao.

*** Doanh nghiệp có vốn đầu tư cao nhất, thấp nhất**

Tại KCN Nomura, mỗi doanh nghiệp chế xuất có mức vốn đầu tư khác nhau. Qua thống kê, tính đến cuối năm 2017, DN có mức vốn đầu tư cao nhất và DN có vốn đầu tư thấp nhất được thể hiện tại bảng dưới đây:

Bảng 2.4. DNCX có vốn đầu tư cao nhất và vốn đầu tư thấp nhất trong KCN Nomura

Đơn vị tính: Triệu USD

Giai đoạn	Vốn đầu tư cao nhất (Công ty TNHH Toyota Gosei Hải Phòng Việt Nam)	Vốn đầu tư thấp nhất (Công ty TNHH SOUGOU Việt Nam)
Cuối 2017	140	0,56

(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX&KCN Hải Phòng)

2.1.4.3. Hoạt động xuất nhập khẩu của các DNCX trong KCN Nomura do Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng quản lý giai đoạn 2015 - 2017

***Số lượng tờ khai của DNCX trong KCN Nomura đăng ký tại Chi cục**

Trong giai đoạn 3 năm từ 2015 đến 2017, số lượng tờ khai tại Chi cục tăng đáng kể. Điều này được chứng minh thông qua bảng sau:

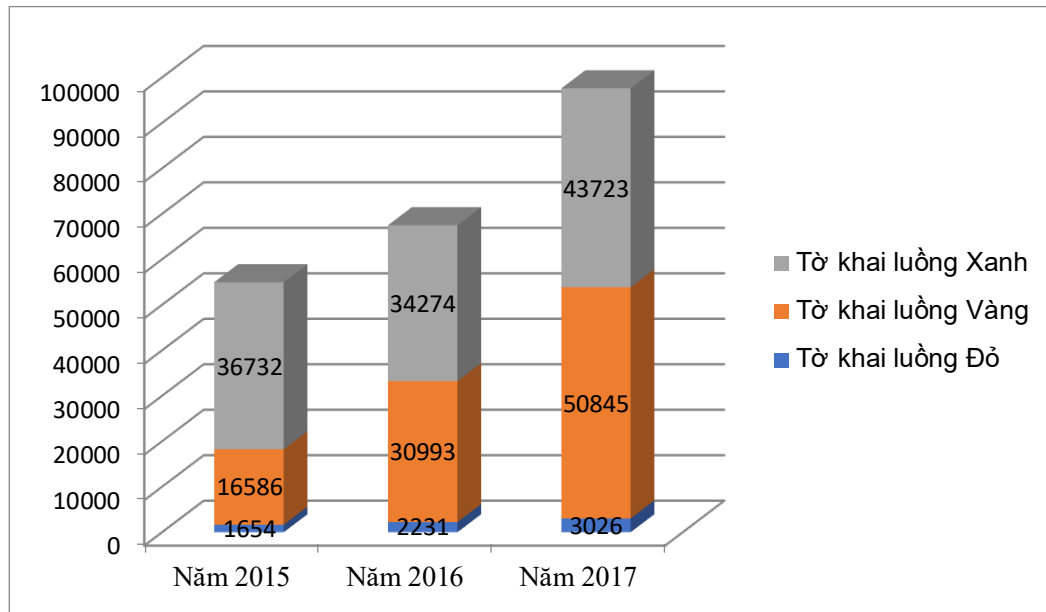
Bảng 2.5. Lượng tờ khai và tỉ lệ phân luồng tờ khai của các DNCX trong KCN Nomura giai đoạn 2015 - 2017

Năm	Tờ khai XNK	Tỉ lệ %		
		Xanh	Vàng	Đỏ
2015	54972 tờ	66,8	30,2	3
2016	67498 tờ	50,8	45,9	3,3
2017	97594 tờ	44,8	52,1	3,1

(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX&KCN Hải Phòng)

(Ghi chú: Luồng xanh: Miễn kiểm tra; Luồng vàng: Kiểm tra chi tiết hồ sơ; Luồng đỏ: Kiểm tra thực tế hàng hóa)

Biểu đồ 2.3. Tình hình phân luồng tờ khai của các DNCX tại KCN Nomura giai đoạn 2015 - 2017



(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX&KCN Hải Phòng)

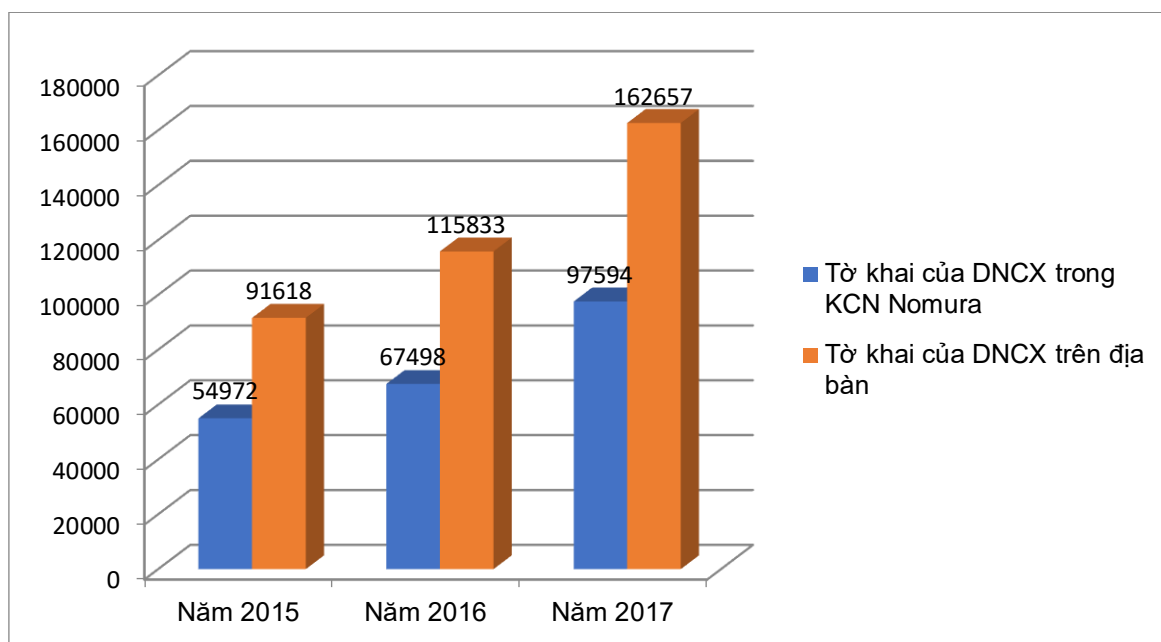
Từ năm 2015 đến năm 2017, số lượng tờ khai của các DNCX tại KCN Nomura tăng đáng kể, đặc biệt là năm 2017. Năm 2015, trung bình mỗi ngày tại Chi cục phát sinh khoảng 150 tờ khai của các DNCX trong KCN Nomura. Năm 2016, phát sinh khoảng 185 tờ khai mỗi ngày thì đến năm 2017 số tờ khai tăng đột biến, trung bình khoảng 267 tờ khai một ngày, gồm tất cả các loại hình. Về phân luồng, các năm 2016, 2017 số tờ khai luồng vàng, luồng đỏ (kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa của các lô hàng xuất nhập khẩu) tăng cao, đồng nghĩa với các tờ khai luồng xanh giảm đi. Điều này chứng tỏ hoạt động xuất nhập khẩu của các DNCX có xu hướng phức tạp và rủi ro hơn, bên cạnh các doanh nghiệp chấp hành tốt quy định còn nhiều doanh nghiệp chấp hành chưa tốt pháp luật về hải quan; hàng hóa nhập khẩu tiềm ẩn nhiều rủi ro, vi phạm trong công tác quản lý, hoạt động XNK.

Bảng 2.6. Số tờ khai của DNCX trong Nomura so với số tờ khai của DNCX trên địa bàn giai đoạn 2015 - 2017

Năm	Tờ khai của DNCX trên địa bàn	DNCX trong Nomura	
		Số lượng tờ khai	Tỉ lệ %
2015	91618 tờ	54972 tờ	60
2016	115833 tờ	67498 tờ	58
2017	162657 tờ	97594 tờ	60

(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX&KCN Hải Phòng)

Biểu đồ 2.4. Số tờ khai của DNCX trong Nomura và của DNCX trên địa bàn giai đoạn 2015 - 2017



Bảng 2.6 và biểu đồ 2.4 cho thấy, chỉ riêng lượng tờ khai của các DNCX trong KCN Nomura đã chiếm quá nửa so với tổng số tờ khai của các DNCX hoạt động trên địa bàn TP Hải Phòng do Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng quản lý. Lượng tờ khai của các DNCX tăng đều hàng năm, tỉ lệ tờ khai của DNCX trong KCN Nomura so với tổng lượng tờ khai của các DNCX qua các năm 2015, 2016 và 2017 không mấy thay đổi. Điều này chứng tỏ hoạt động XNK, tình trạng sản xuất của các DNCX trong KCN Nomura phát triển ổn định và có nhiều dấu hiệu khả quan trong tương lai.

*** Tình hình kim ngạch XNK của các DNCX trong KCN Nomura**

Kim ngạch XNK của các DNCX trên địa bàn do Chi cục quản lý tăng mạnh hàng năm, trong đó kim ngạch nhập khẩu cao hơn kim ngạch xuất khẩu. Trong 3 năm từ 2015 đến 2017, tổng kim ngạch NK của các DNCX trên địa bàn khoảng 12.107 triệu USD, tổng kim ngạch XK khoảng 11.002 triệu USD. Cũng với xu hướng đó, kim ngạch NK của các DNCX trong KCN Nomura cao hơn kim ngạch XK, chi tiết được thể hiện thông qua bảng số liệu dưới đây.

Bảng 2.7. Tình hình kim ngạch của các DNCX tại KCN Nomura giai đoạn 2015 - 2017

Đơn vị tính: Triệu USD

Năm	Kim ngạch XK	Kim ngạch NK	Tổng kim ngạch
2015	726	829	1555
2016	1082	1121	2203
2017	1706	1847	3553
Tổng	3514	3797	7311

(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX&KCN Hải Phòng)

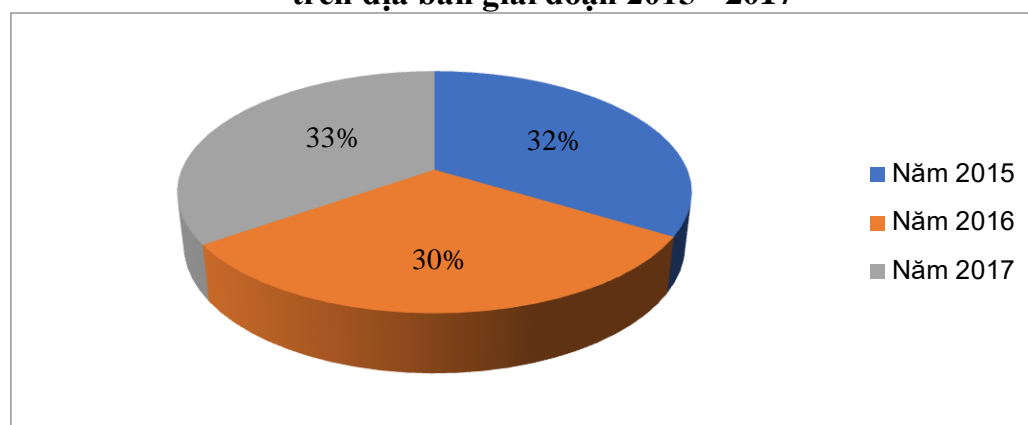
Số liệu trong bảng 2.7 cho thấy, giai đoạn từ 2015 - 2017, kim ngạch xuất khẩu của các DNCX trong KCN Nomura hàng năm thấp hơn kim ngạch nhập khẩu và kim ngạch năm sau cao hơn năm trước. Cụ thể, tổng kim ngạch XNK năm 2015 là 1555 triệu USD thấp hơn 648 triệu USD so với năm 2016 đạt tổng kim ngạch là 2203 triệu USD; năm 2017 tổng kim ngạch XNK đạt 3553 triệu USD cao hơn 1350 triệu USD so với năm 2016 đạt 2203 triệu USD. Tổng kim ngạch NK trong 3 năm từ 2015 đến 2017 đạt 3797 triệu USD, cao hơn 283 triệu USD so với tổng kim ngạch XK trong 3 năm đạt là 3514 triệu USD. Kim ngạch năm 2017 đạt 161% so với năm 2016 và đạt 228% so với năm 2015. Tổng kim ngạch XNK cả 3 năm đạt 7311 triệu USD.

Bảng 2.8. Tình hình kim ngạch của các DNCX giai đoạn 2015 - 2017
Đơn vị tính: Triệu USD

Năm	KN của DNCX trên địa bàn	DNCX trong Nomura	
		KN	Tỉ lệ %
2015	4818	1555	32
2016	7375	2203	30
2017	10916	3553	33
	23109	7311	32

(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX & KCN Hải Phòng)

Biểu đồ 2.5. Kim ngạch của DNCX trong KCN Nomura so với DNCX trên địa bàn giai đoạn 2015 - 2017



(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX & KCN Hải Phòng)

Qua bảng 2.8 và biểu 2.5, tình hình hoạt động XNK của các DNCX tại KCN Nomura nói riêng, tại các KCN trên địa bàn TP Hải Phòng nói chung là rất khả quan. Trong giai đoạn 2015 - 2017, kim ngạch XNK tăng mạnh, tổng kim ngạch của cả 3 năm khoảng 23109 triệu USD. Năm 2017, tổng kim ngạch của các DNCX trên địa bàn do Chi cục quản lý đạt 148% so với năm 2016; đạt 226% so với năm 2015. Tuy là 1 trong 6 KCN trên địa bàn TP Hải Phòng, KCN Nomura với khoảng 80% là DNCX đã đạt những con số ấn tượng qua các năm: Năm 2015, kim ngạch XNK chiếm tỉ trọng 32% so với tổng kim ngạch của các DNCX tại các KCN trên địa bàn; Năm 2016 đạt 30% và năm 2017 đạt 33%. Những con số này chứng tỏ hoạt động sản xuất của các DNCX có nhiều tín hiệu tốt, phát triển ổn định trong bối cảnh nền kinh tế trong và ngoài nước còn nhiều khó khăn và thách thức.

*** DNCX trong KCN Nomura có kim ngạch nổi bật**

Trong KCN Nomura, Công ty TNHH Yazaki Hải Phòng Việt Nam là một trong ba công ty trong nhóm kim ngạch cao nhất và cũng là một trong số những công ty thành lập đầu tiên tại KCN. Đây là doanh nghiệp ưu tiên, chuyên sản xuất các cụm chi tiết ô tô như hệ thống dây dẫn và các cụm thiết bị điện, sản phẩm chủ yếu là hệ thống dây dẫn điện ô tô. Tuy tổng vốn đầu tư ban đầu chỉ có 64 triệu USD (Số liệu theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 022023000042 thay đổi lần thứ 6 ngày 18/6/2015 của Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng) song qua các năm hoạt động, công ty đã đạt được những kết quả vượt bậc với kim ngạch cao và thu hút khoảng gần 6500 công nhân tính đến cuối năm 2017. Tình hình kim ngạch của công ty được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng 2.9. Công ty TNHH Yazaki Hải Phòng Việt Nam có kim ngạch trong nhóm cao nhất KCN Nomura giai đoạn 2015 - 2017

Đơn vị tính: Triệu USD

Năm	Kim ngạch XK	Kim ngạch NK	Tổng kim ngạch
2015	181	147	328
2016	198	143	341
2017	211	158	369
Tổng	590	448	1038

(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX & KCN Hải Phòng)

Như vậy, thông qua các bảng số liệu trên ta có thể thấy hoạt động của các DNCX trong KCN Nomura ngày một phát triển. Bên cạnh đó, việc nhiều doanh nghiệp mở rộng quy mô nhà xưởng sản xuất hay trang bị thêm dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại chứng tỏ các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm, muốn đầu tư bền vững, điều này cho thấy Hải Phòng nói chung, KCN Nomura nói riêng ngày một thành công trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

2.2. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về hải quan đối với các DNCX trong KCN Nomura tại Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng

2.2.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật, hỗ trợ DN

Đối với các văn bản, các chính sách pháp luật mới, Chi cục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thuế, pháp luật hải quan, xem đây là một trong những nội dung quan trọng nhất góp phần nâng cao tính khả thi trong thực hiện các chính sách thuế hiện nay thông qua các buổi tập huấn chuyên đề cho DN. Bằng những hành động cụ thể như tư vấn, hướng dẫn trực tiếp, thông qua điện thoại, niêm yết văn bản tại Chi cục, lập các diễn đàn trao đổi thông tin giữa cơ quan hải quan và DN... , Chi cục đã góp phần nâng cao kiến thức pháp luật hải quan trong cộng đồng doanh nghiệp. Trong quản lý giám sát đối với hoạt động gia công, SXKK của DNCX, Chi cục thực hiện công khai, minh bạch về quy trình, thủ tục hải quan cũng như chế độ chính sách đối với hoạt động này nhằm hạn chế tối đa việc doanh nghiệp vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết hoặc hạn chế về thông tin. Chi cục đã thành lập tổ chuyên trách tuyên truyền, hỗ trợ DN với 03 lãnh đạo Chi cục và 05 công chức hải quan. Đây là đội ngũ CBCC có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tuy nhiên vì công chức phải kiêm nhiệm nhiều mảng công việc trong khi khối lượng văn bản, công văn vướng mắc của doanh nghiệp rất lớn nên còn gặp khó khăn hạn chế trong giải quyết công việc. Ngoài ra, việc một số doanh nghiệp thường xuyên thay đổi nhân viên khai báo, làm thủ tục hải quan cũng như việc nhiều DN còn chưa thực sự chú trọng trong đào tạo nguồn nhân lực tại đơn vị mình cũng như việc hiểu nội dung văn bản, cách tiếp cận văn bản của đội ngũ nhân viên DN mới này còn hạn chế, đã gây không ít khó khăn trong công tác tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn văn bản, chính sách mới của cơ quan hải quan.

Hàng năm, Chi cục đều tổ chức Hội nghị đối thoại DN nhằm lắng nghe khó khăn, tháo gỡ các vướng mắc của cộng đồng DNCX trong quá trình thông quan hàng hóa; vướng mắc trong theo dõi, quản lý nguyên liệu, vật tư; các giải pháp để quản lý việc thanh khoản quyết toán hồ sơ hiệu quả cho cả DN lẫn cơ quan hải quan.

Chi cục thường xuyên phối hợp, trao đổi thông tin với các cơ quan hữu quan như Cục Thuế địa phương, Sở kế hoạch và đầu tư, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng, Công an... để nắm tình hình hoạt động cũng như thông tin, những diễn biến bất

thường của doanh nghiệp, qua đó có biện pháp quản lý phù hợp cũng như xử lý kịp thời những sai phạm của DN đúng quy định.

Bảng 2.10. Kết quả đạt được thông qua công tác tuyên truyền, phối kết hợp với các cơ quan hữu quan

Năm	Các buổi tập huấn chuyên đề	Các hội nghị đối thoại DN	Văn bản phối kết hợp với cơ quan hữu quan
2015	2	1	154
2016	2	2	202
2017	3	2	278

(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX & KCN Hải Phòng)

Bảng 2.11 (A,B). Ý kiến đánh giá của doanh nghiệp và cán bộ công chức hải quan về công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật, hỗ trợ DN

A. Bảng ý kiến đánh giá của doanh nghiệp

Nội dung	Tổng số ý kiến	Nhận xét, đánh giá									
		Rất kém		Kém		Không có ý kiến		Tốt		Rất tốt	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hải quan cho doanh nghiệp	40	0	0	5	12,5	0	0	24	60	11	27,5
2. Tổ chức hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa hải quan với doanh nghiệp	40	0	0	0	0	1	2,5	20	50	19	47,5
3. Cung cấp tài liệu, văn bản pháp luật cho doanh nghiệp	40	0	0	0	0	3	7,5	25	62,5	12	30
4. Thông tin hỗ trợ từ Website của hải quan, diễn đàn	40	0	0	0	0	0	0	26	65	14	35

(Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả)

B. Bảng ý kiến đánh giá của CBCC Hải quan

Nội dung	Tổng số ý kiến	Nhận xét, đánh giá									
		Rất kém		Kém		Không có ý kiến		Tốt		Rất tốt	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	SL	%
1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hải quan cho doanh nghiệp	10	0	0	0	0	0	0	6	60	4	40
2. Tổ chức hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa hải quan với doanh nghiệp	10	0	0	0	0	0	0	8	80	2	20
3. Cung cấp tài liệu, văn bản pháp luật cho doanh nghiệp	10	0	0	0	0	0	0	7	70	3	30
4. Thông tin hỗ trợ từ Website của hải quan, diễn đàn	10	0	0	0	0	0	0	8	80	2	20

(Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả)

Thông qua bảng 2.11(A) ta thấy, có 05 trong tổng số 40 doanh nghiệp (chiếm 12,5%) cho rằng công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hải quan của cơ quan hải quan chưa tốt. Sở dĩ có điều này có thể do lượng văn bản, chính sách pháp luật hải quan nhiều, nhân lực hải quan mỏng nên việc phổ biến, hướng dẫn còn hạn chế. Cũng có thể việc hiểu, tiếp nhận văn bản của các doanh nghiệp là khác nhau hoặc do có sự thay đổi nhân sự thường xuyên của doanh nghiệp cũng là nguyên nhân gây hạn chế trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật của cơ quan hải quan. Bên cạnh đó có một số doanh nghiệp không có ý kiến về công tác tổ chức hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa hải quan với doanh nghiệp cũng như việc cung cấp tài liệu, văn bản pháp luật cho doanh nghiệp của cơ quan hải quan. Bảng 2.11 (B) cho thấy 100% CBCC Hải quan được khảo sát cho rằng công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hải quan của cơ quan Hải quan đã thực hiện tốt và rất tốt.

2.2.2. Công tác quản lý hoạt động thông quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để gia công của DNCX trong KCN Nomura

Việc kiểm tra cơ sở gia công, năng lực gia công đóng vai trò quan trọng trong áp dụng chính sách thuế: Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công sản phẩm xuất khẩu được miễn thuế, hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu được miễn thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu tính trên phần trị giá của nguyên vật liệu xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công được quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13; Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 01/9/2016 doanh nghiệp được miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất sản phẩm xuất khẩu và miễn thuế đối hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Việc kiểm tra cơ sở gia công, năng lực gia công được diễn ra khi tổ chức cá nhân thực hiện hợp đồng gia công lần đầu.

Khi doanh nghiệp thông báo cơ sở gia công, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị lên Hệ thống, cơ quan hải quan kiểm tra theo quy định tại Điều 56 Thông tư 38/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính và Điều 18 Quyết định 1966/QĐ-TCHQ của Tổng cục Hải quan. Trình tự, thủ tục kiểm tra, nội dung kiểm tra, xử lý kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 57 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Theo đó, công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, năng lực gia công thực hiện thông qua Hệ thống cơ quan hải quan.

DNCX trong KCN Nomura có trách nhiệm thông báo hợp đồng gia công với Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng, tiến hành đăng ký danh mục vật tư, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho việc sản xuất; đăng ký danh mục sản phẩm xuất khẩu; đăng ký định mức sử dụng, định mức tiêu hao đối với các sản phẩm xuất khẩu sử dụng nguyên phụ liệu nhập khẩu; đăng ký tờ khai nhập khẩu và xuất khẩu cho các lô hàng thuộc hợp đồng gia công đã đăng ký. Lúc này, cán bộ công chức được Chi cục phân công quản lý hợp đồng gia công của các DNCX trong KCN Nomura sẽ kiểm tra, đối chiếu các thông tin mà doanh nghiệp khai báo như tên hàng, mã hàng khi doanh nghiệp đăng ký tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu và tên hàng trên chương trình theo dõi hợp đồng gia công để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế hàng hoá đã đăng ký, tránh trường hợp doanh nghiệp đăng ký danh mục nguyên phụ liệu nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu của hợp đồng GC không thống nhất với thực tế

hàng hóa.

Thông quan việc quản lý trên phần mềm cùng ứng dụng CNTT vào theo dõi quản lý hợp đồng gia công xuất khẩu giúp cho Chi cục theo dõi được tiến độ thực hiện của doanh nghiệp; Kịp thời phát hiện các hợp đồng GC đến hạn nhưng chưa thực hiện quyết toán để đôn đốc doanh nghiệp tiến hành quyết toán kịp thời, đúng quy định. Khi chưa ứng dụng công nghệ vào quản lý, công tác quyết toán hợp đồng gia công doanh nghiệp thường mất một tuần thì nay việc quyết toán trên hệ thống CNTT mất khoảng 2 đến 3 ngày cho một hợp đồng. Điều này giúp công chức hải quan giảm được nhiều thời gian rà soát số liệu, kiểm tra hồ sơ doanh nghiệp; Công chức quản lý chỉ cần kết xuất số liệu báo cáo trên hệ thống, in và đối chiếu, yêu cầu DN giải trình nếu có chênh lệch về số liệu, đơn giản và chính xác hơn rất nhiều so với việc phải tính toán lại trên các báo cáo của doanh nghiệp. Hiện nay việc theo dõi danh mục nguyên liệu, thiết bị nhập khẩu phục vụ sản xuất hợp đồng gia công, danh mục và định mức sản xuất, tiêu hao của sản phẩm xuất khẩu đối với cơ quan hải quan dễ dàng hơn nhiều. Điều này đồng nghĩa với việc kiểm soát sản xuất, tiêu hủy và tái xuất hàng hóa thuộc hợp đồng gia công đã đăng ký được đơn giản hóa. Tuy vậy, bên cạnh những thuận lợi trong ứng dụng công nghệ, phần mềm trong xử lý công việc còn tồn tại cán bộ công chức được phân công phụ trách quản lý hoạt động thông quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để gia công của DNCX còn hạn chế về nghiệp vụ chuyên sâu.

Tại Chi cục có 04 công chức phụ trách mảng công việc này thì có 02 công chức lớn tuổi, trình độ ngoại ngữ, tin học kém nên việc tiếp cận các chứng từ nhập khẩu cũng như ứng dụng công nghệ trong quản lý còn hạn chế nên khi cập nhật vào chương trình phần mềm theo dõi hợp đồng gia công toàn bộ dữ liệu về hợp đồng như: tên, địa chỉ các bên kí hợp đồng và bên gia công trực tiếp; tên, số lượng sản phẩm gia công; giá gia công; định mức sử dụng nguyên liệu, phụ liệu, vật tư; định mức vật tư tiêu hao và tỷ lệ hao hụt nguyên liệu trong gia công; thời hạn thanh toán; danh mục, số lượng, trị giá nguyên liệu, phụ liệu, vật tư nhập khẩu và nguyên liệu, phụ liệu để gia công; thời hạn và hiệu lực của hợp đồng, danh mục và trị giá máy móc thiết bị cho thuê, cho mượn hoặc biếu tặng phục vụ hoạt động gia công... thao tác không nhanh, đôi khi nhập nhầm, vì thế hiệu quả công việc chung chưa cao.

Số lượng DNCX trên địa bàn cũng như trong KCN Nomura có hoạt động gia công qua các năm 2015, 2016 và 2017 không biến động nhiều. Chi tiết được thể hiện thông qua bảng dưới đây:

Bảng 2.12. Các DNCX trên địa bàn có hoạt động gia công giai đoạn 2015 - 2017

Năm	Số DNCX trên địa bàn hoạt động GC	DNCX trong Nomura	
		Hoạt động GC	Tỉ lệ%
2015	25	11	44
2016	30	12	40
2017	32	12	38

(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX & KCN Hải Phòng)

Qua bảng 2.12 ta thấy, số lượng các DNCX trong KCN Nomura tham gia hoạt động gia công gần như không biến động qua các năm: Năm 2015 có 11 DNCX tham gia gia công trong số 41 DNCX tại Nomura, chiếm 27% và chiếm 44% so với tổng DNCX trên địa bàn có hoạt động gia công; Năm 2016, có 12 DNCX tham gia gia công trong số 43 DNCX, chiếm 28% và chiếm 40% so với tổng DNCX trên địa bàn có hoạt động gia công; Năm 2017 có 12 DNCX tham gia gia công trong số 42 DNCX, chiếm 29% và chiếm 38% so với tổng DNCX trên địa bàn có hoạt động gia công. Nomura chỉ là 1 trong số 6 KCN trên địa bàn Hải Phòng mà có lượng DNCX có hoạt động GC qua các năm 2015, 2016, 2017 gần như không thay đổi, lần lượt chiếm 44%, 40% và 38% so với tổng số các DNCX có hoạt động này chứng tỏ các DNCX trong KCN Nomura hoạt động tốt, ổn định.

Bảng 2.13 (A,B). Ý kiến đánh giá của doanh nghiệp và cán bộ công chức hải quan về công tác quản lý hoạt động thông quan đối với NK nguyên liệu để GC

A. Bảng ý kiến đánh giá của doanh nghiệp

Nội dung	Tổng số ý kiến	Nhận xét, đánh giá									
		Rất kém		Kém		Không có ý kiến		Tốt		Rất tốt	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	SL	%
1. Phương pháp quản lý hoạt động GC đối với DN	40	0	0	1	2,5	3	7,5	28	70	8	20
2. Các văn bản quy định và hướng dẫn hoạt động GC	40	0	0	0	0	1	2,5	18	45	21	52,5
3. Việc thực hiện quy trình, thủ tục hải quan	40	0	0	0	0	4	10	33	83	3	7,5
4. Quy định về hồ sơ hải quan đối với hàng hoá GC	40	0	0	0	0	0	0	32	80	8	20

(Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả)

B. Bảng ý kiến đánh giá của CBCC Hải quan

Nội dung	Tổng số ý kiến	Nhận xét, đánh giá									
		Rất kém		Kém		Không có ý kiến		Tốt		Rất tốt	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	SL	%
1. Phương pháp quản lý hoạt động GC đối với DN	10	0	0	0	0	0	0	8	80	2	20
2. Các văn bản quy định và hướng dẫn hoạt động GC	10	0	0	0	0	0	0	7	70	3	30
3. Việc thực hiện quy trình, thủ tục hải quan	10	0	0	0	0	0	0	7	70	3	33
4. Quy định về hồ sơ hải quan đối với hàng hoá GC	10	0	0	0	0	0	0	8	80	2	20

(Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả)

Thông qua bảng 2.13(A,B), ta thấy đa số doanh nghiệp cũng như CBCC hải quan hài lòng với công tác quản lý hoạt động thông quan đối với việc nhập khẩu nguyên liệu để GC tại Chi cục. Chỉ có 1 trong tổng số 40 DN (chiếm 2,5%) cho rằng phương pháp quản lý hoạt động GC đối với DN còn kém. Điều này thể hiện công tác quản lý hoạt động gia công tại Chi cục đã đạt được những kết quả nhất định.

2.2.3. Công tác quản lý hoạt động nhập nguyên liệu vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu

Sau khi doanh nghiệp sử dụng phần mềm khai báo với Chi cục để đăng ký danh mục nguyên liệu, vật tư nhập khẩu sản xuất, 03 công chức được Chi cục phân công chuyên quản sẽ kiểm tra và duyệt đăng ký, hệ thống sẽ tự động cập nhật các dữ liệu về tên, mã nguyên liệu vật tư nhập khẩu, đơn vị tính, định mức sử dụng, định mức tiêu hao... Khi danh mục đã được chấp nhận, doanh nghiệp sử dụng danh mục đó đăng ký tờ khai hải quan điện tử thông qua phần mềm khai báo kết nối với cơ quan hải quan, ở đây là Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng. Cán bộ công chức làm công tác tiếp nhận tờ khai sẽ có nhiệm vụ kiểm tra tên hàng, mã hàng, số lượng, đơn vị tính, các dữ liệu liên quan để thông báo với doanh nghiệp nếu có sai sót, tránh trường hợp doanh nghiệp đăng ký danh mục nguyên phụ liệu nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu của sản xuất xuất khẩu không thống nhất giữa tên đăng ký và thực tế hàng hoá.

Thông qua việc khai báo trên Hệ thống thông quan điện tử của Chi cục và ứng dụng CNTT trong quản lý cũng như theo dõi hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu của DNCX giúp Chi cục nắm bắt được tiến độ thực hiện việc sản xuất, kinh doanh của DN tại một thời điểm bất kỳ, kiểm soát được thông tin hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp, xuất xứ hàng từ đâu, mục đích nhập làm gì, nguyên liệu vật tư tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm như thế nào; kịp thời phát hiện những doanh nghiệp đến thời hạn thanh khoản nhưng chưa thanh khoản để đôn đốc doanh nghiệp thực hiện đúng quy định pháp luật hải quan.

Về nhân lực, 03 công chức được Chi cục phân công chuyên quản quản lý hoạt động nhập nguyên liệu vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ, có trình độ ngoại ngữ cũng như được đào tạo đúng

chuyên ngành. Về phía đội ngũ DN phụ trách hoạt động nhập nguyên liệu vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu tại các DNCX được cán bộ hải quan hướng dẫn đang từng bước hoàn thiện về chuyên môn, nghiệp vụ.

Số lượng DNCX trên địa bàn cũng như trong KCN Nomura có hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu qua các năm 2015, 2016 và 2017 được chi tiết thông qua bảng dưới đây:

Bảng 2.14. Các DNCX trên địa bàn có hoạt động SX XK giai đoạn 2015 - 2017

Năm	DNCX trên địa bàn hoạt động SX hàng XK	DNCX trong Nomura	
		Hoạt động SX hàng XK	Tỉ lệ %
2015	85	41	48
2016	104	43	41
2017	107	42	39

(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX & KCN Hải Phòng)

Bảng 2.14 cho ta thấy tất cả các DNCX trong KCN Nomura đều tham gia hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu. Năm 2015 có 41 DNCX Nomura hoạt động SX XK chiếm 48% so với tổng DNCX trên địa bàn tham gia hoạt động này; Năm 2016 có 43 DNCX chiếm 41% và năm 2017 có 42 DNCX chiếm 39% so với tổng DNCX trên địa bàn tham gia hoạt động SX hàng XK. Trong giai đoạn 3 năm từ 2015, 2016, 2017, lượng DNCX có hoạt động SX XK gần như không thay đổi, điều này thể hiện các DN hoạt động tương đối ổn định.

Bảng 2.15 (A,B). Ý kiến đánh giá của doanh nghiệp và CBCC hải quan về công tác quản lý hoạt động thông quan đối với NK nguyên liệu để SXK

A. Bảng ý kiến đánh giá của doanh nghiệp

Nội dung	Tổng số ý kiến	Nhận xét, đánh giá									
		Rất kém		Kém		Không có ý kiến		Tốt		Rất tốt	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1. Phương pháp quản lý hoạt động SXK đối với DN	40	0	0	0	0	4	10	33	83	3	7,5
2. Các văn bản quy định và hướng dẫn hoạt động SXK	40	0	0	1	2,5	4	10	34	85	1	2,5
3. Quy định về hồ sơ hải quan đối với hàng hoá SXK	40	0	0	0	0	0	0	23	57,5	17	42,5

(Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả)

B. Bảng ý kiến đánh giá của CBCC Hải quan

Nội dung	Tổng số ý kiến	Nhận xét, đánh giá									
		Rất kém		Kém		Không có ý kiến		Tốt		Rất tốt	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1. Phương pháp quản lý hoạt động SXK đối với DN	10	0	0	0	0	0	0	7	70	3	30
2. Các văn bản quy định và hướng dẫn hoạt động SXK	10	0	0	0	0	1	10	8	80	1	10
3. Quy định về hồ sơ hải quan đối với hàng hoá SXK	10	0	0	0	0	0	0	7	70	3	30

(Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả)

Bảng 2.15 (A,B) cho chúng ta thấy đa số doanh nghiệp cũng như CBCC hải

quan hài lòng với công tác quản lý hoạt động thông quan đối với việc nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu. Có 1 trong tổng số 40 DN (chiếm 2,5%) chưa hài lòng và 10% DN cũng như CBCC hải quan không có ý kiến trong việc các văn bản quy định và hướng dẫn hoạt động SX XK, 10% DN không có ý kiến trong phương pháp quản lý hoạt động SX XK đối với DN của cơ quan hải quan. Việc còn 1 trong tổng số 40 DN (chiếm 2,5%) cho rằng các văn bản quy định và hướng dẫn hoạt động SX XK còn kém có thể do cách hiểu văn bản của DN chưa thông suốt hoặc có thể do văn bản chồng chéo dẫn đến việc DN gặp khó khăn trong tiếp cận và thực thi.

2.2.4. Công tác quản lý báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu vật tư

Vì DNCX thuộc diện không chịu thuế khi làm thủ tục nhập khẩu nên luôn tiềm ẩn tình trạng gian lận trong khai báo, đặc biệt gian lận về lượng. Chi cục quản lý về mặt lượng đầu vào, đầu ra của nguyên liệu vật tư nhập khẩu, xuất khẩu để sản xuất hàng hoá xuất khẩu thông qua việc báo cáo quyết toán với loại hình nhập nguyên liệu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu. Vì thế, công tác giám sát của Chi cục tập trung nhiều về mặt lượng nhằm phát hiện những trường hợp nguyên liệu nhập khẩu bị thâm lậu vào thị trường nội địa mà không khai báo nộp thuế khiến nhà nước thất thoát các khoản thu ngân sách nhà nước.

Trong thực tế, hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu của hầu hết các DNCX đều phát sinh chênh lệch số liệu giữa hàng hóa tồn theo sổ sách và tồn thực tế theo sổ sách kế toán của DNCX với số liệu quản lý, theo dõi của cơ quan hải quan với các mức độ chênh lệch nhiều, ít khác nhau. Điều này phát sinh bởi các nguyên nhân:

- Chi cục phân công 03 công chức phụ trách công tác quản lý báo cáo quyết toán, trong đó có 1 công chức được đào tạo chuyên sâu, có trình độ chuyên môn. Các công chức khác kiêm nhiệm nhiều việc, không được đào tạo chuyên sâu về quản lý hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu của DNCX, chỉ đối chiếu về mặt lý thuyết theo tiêu chí khớp mà không xem xét đến tiêu chí đồng bộ, phù hợp để định hướng, nên còn gặp hạn chế trong kiểm tra quản lý nguyên liệu, vật tư có nguồn gốc nhập khẩu của các DNCX; tình trạng sai định mức DNCX đã thông báo và đăng ký với cơ quan hải quan qua nhiều năm hoạt động bao gồm cả định mức sử dụng và tỷ lệ hao hụt là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến chênh lệch số liệu nhưng cơ quan hải quan chưa

có biện pháp kiểm tra cụ thể, thêm nữa do lực lượng công chức mỏng, nghiệp vụ chưa sâu dẫn đến việc kiểm tra không đạt kết quả cao.

- Một số vật tư phụ, đóng gói sản phẩm hàng hóa được các DNCX mua nội địa bằng hóa đơn trực tiếp, có hoặc không có thuế GTGT 10%; không được làm thủ tục Hải quan theo đúng quy định dẫn đến việc không có đầu vào để có thể đăng ký và khai báo định mức đúng với thực tế sử dụng và sản xuất.

- Bản thân doanh nghiệp chỉ chú trọng công tác thông quan hàng hóa, xem nhẹ công tác định mức và theo dõi quản lý nhập - xuất - tồn kho nguyên liệu, vật tư, khi có sự thay đổi định mức về thực tế sử dụng và sản xuất không thông báo kịp thời với cơ quan hải quan để được điều chỉnh;

- Đa số các doanh nghiệp biết là có sự chênh lệch số liệu giữa DN với cơ quan hải quan nhưng không chủ động thông báo, phối hợp để có biện pháp xử lý kịp thời;

- Nguyên liệu, vật tư; thành phẩm và bán thành phẩm lỗi hỏng không nằm trong định mức và tỷ lệ hao hụt không được các doanh nghiệp thực hiện thủ tục tiêu hủy theo quy định để có chứng từ làm căn cứ cho việc thực hiện thanh khoản nhập - xuất - tồn sau này.

Công tác quản lý DNCX hoạt động trong lĩnh vực gia công, sản xuất xuất khẩu chưa thật chặt chẽ, vẫn còn tình trạng tồn đọng của các hợp đồng gia công, sản xuất xuất khẩu quá hạn chưa quyết toán tình hình sử dụng NPL, số lượng DN kiểm tra sau thông quan còn ít, được thể hiện thông qua bảng 2.12 dưới đây:

Bảng 2.16. Bảng thống kê DNCX KCN Nomura chậm quyết toán, đã thực hiện kiểm tra sau thông quan

Năm	DN chậm quyết toán hồ sơ	DN đã thực hiện KTSTQ	
		Số lượng	Tỷ lệ %
2015	0	0	0
2016	2	2	100
2017	2	2	100

(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX & KCN Hải Phòng)

Bảng 2.17 (A,B). Ý kiến của DN và CBCC hải quan về công tác quản lý báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu vật tư

A. Bảng ý kiến đánh giá của doanh nghiệp

Nội dung	Tổng số ý kiến	Nhận xét, đánh giá									
		Rất kém		Kém		Không có ý kiến		Tốt		Rất tốt	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	SL	%
1. Các biểu mẫu kê khai, báo cáo quyết toán	40	0	0	0	0	1	2,5	25	62,5	14	35
2. Thời hạn báo cáo và kiểm tra báo cáo quyết toán đã phù hợp với thực tiễn	40	0	0	1	2,5	1	2,5	33	82,5	5	12,5
3. Việc thực hiện báo cáo quyết toán hiện nay	40	0	0	1	2,5	1	2,5	27	67,5	11	27,5

(Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả)

B. Bảng ý kiến đánh giá của CBCC Hải quan

Nội dung	Tổng số ý kiến	Nhận xét, đánh giá									
		Rất kém		Kém		Không có ý kiến		Tốt		Rất tốt	
		Số lượng	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Các biểu mẫu kê khai, báo cáo quyết toán	10	0	0	0	0	0	0	7	70	3	30
2. Thời hạn báo cáo và kiểm tra báo cáo quyết toán đã phù hợp với thực tiễn	10	0	0	1	10	1	10	7	70	1	10
3. Việc thực hiện báo cáo quyết toán hiện nay	10	0	0	1	10	0	0	8	80	1	10

(Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả)

Bảng 2.17 (A,B) cho chúng ta thấy có điểm chung khi một số doanh nghiệp và cán bộ hải quan cho rằng thời hạn báo cáo và kiểm tra báo cáo quyết toán chưa phù hợp với thực tiễn và việc thực hiện báo cáo quyết toán hiện nay còn kém. Sở dĩ có điều này do thực tế, công tác báo cáo quyết toán luôn gặp nhiều vướng mắc, hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu của hầu hết các DNCX đều phát sinh chênh lệch số liệu giữa hàng hóa tồn theo sổ sách và tồn thực tế theo sổ sách kế toán của DNCX với số liệu quản lý, theo dõi của cơ quan hải quan, việc quản lý, rà soát và đối chiếu mất thời gian, tốn nhân lực và tương đối phức tạp.

2.2.5. Công tác xử lý vi phạm, kiểm tra và vấn đề rủi ro đối với hàng gia công, sản xuất để xuất khẩu

*** Về xử lý vi phạm:**

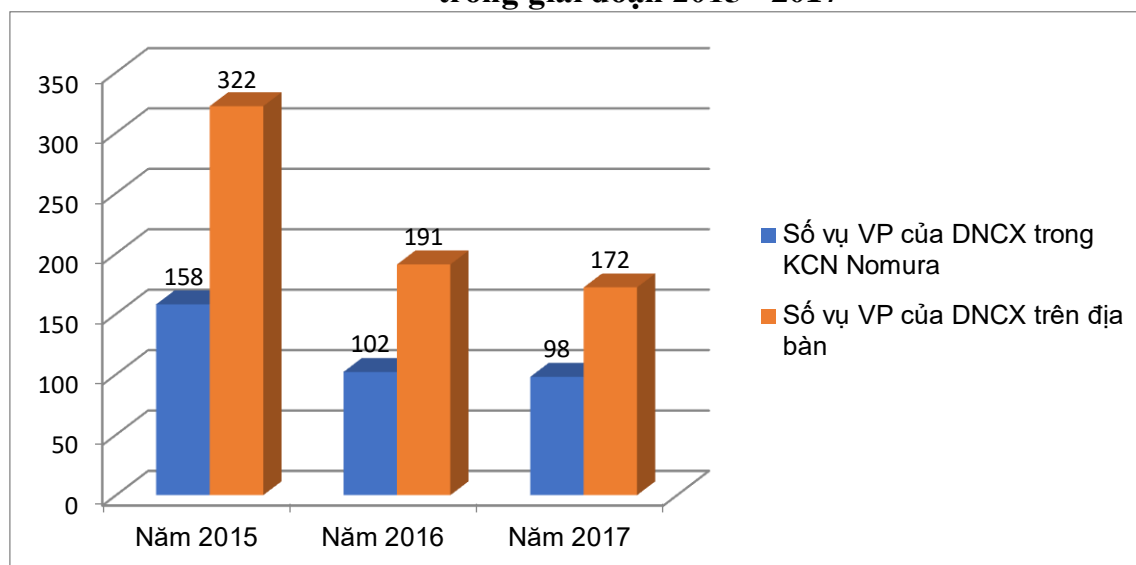
Qua thống kê, các vụ vi phạm của DNCX trong KCN Nomura tại Chi cục giai đoạn 2015 - 2017 là các vi phạm hành chính, chi tiết được thể hiện tại bảng kê số 2.14 dưới đây:

Bảng 2.18. Số vụ vi phạm hành chính tại Chi cục trong giai đoạn 2015-2017

Năm	DNCX trong KCN Nomura do Chi cục quản lý		DNCX trên địa bàn do Chi cục quản lý	
	Số vụ VP	Số tiền XP (VNĐ)	Số vụ VP	Số tiền XP (VNĐ)
2015	158	524.152.845	322	1.582.796.764
2016	102	487.692.080	191	1.349.474.044
2017	98	445.327.693	172	1.149.340.294

(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX & KCN Hải Phòng)

Biểu đồ 2.6. Số vụ vi phạm hành chính tại Chi cục trong giai đoạn 2015 - 2017



(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX & KCN Hải Phòng)

Thông qua bảng 2.18 và biểu đồ 2.6, chúng ta thấy số vụ vi phạm của các DNCX trên địa bàn do Chi cục quản lý nói chung, của DNCX trong KCN Nomura nói riêng đã giảm đáng kể trong những năm gần đây. Để có kết quả đó, là do các nguyên nhân sau:

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hải quan của Chi cục đối với doanh nghiệp đã đạt được những kết quả nhất định.

Chi cục bố trí 01 công chức chuyên trách mảng xử lý vi phạm, có trình độ và được đào tạo chuyên sâu về xử phạt vi phạm hành chính, có ý thức nâng cao trình độ, nắm vững văn bản pháp luật để phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp trong thực thi pháp luật hải quan, về cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

Các doanh nghiệp quan tâm, chú trọng hơn trong khai báo, có sự rà soát, kiểm tra thông tin trước khi truyền thông tin đến cơ quan hải quan để tránh việc truyền sai bị lập biên bản vi phạm hành chính nếu hành vi thuộc chế tài xử phạt. Việc tuân thủ pháp luật hải quan của các DNCX nhờ đó được nâng cao, dẫn đến hạn chế sai sót trong các khâu thông quan, quyết toán hồ sơ. Các DNCX chú trọng hơn việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kiến thức pháp luật hải quan đối với đội ngũ nhân viên trực tiếp khai báo, làm thủ tục hải quan; Bên cạnh đó, việc các nhân viên làm việc lâu theo thời gian cũng tích lũy được kinh nghiệm, am hiểu về Luật Hải quan và

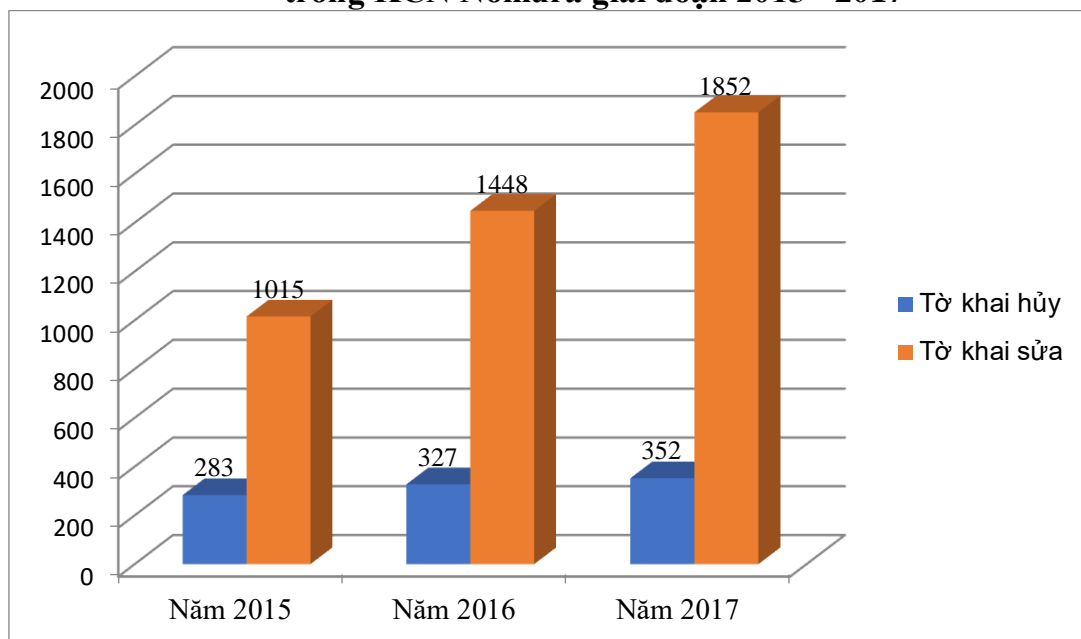
các văn bản, quy định, dẫn đến giảm thiểu những sai sót trong quá trình làm thủ tục cũng như các hành vi vi phạm hành chính.

Các hành vi vi phạm chủ yếu của các DNCX trong KCN Nomura là không khai hoặc khai sai so với thực tế về tên hàng, chủng loại, số lượng, xuất xứ, nộp hồ sơ hải quan không đúng thời hạn quy định; chậm nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành, vi phạm quy định về quản lý nguyên liệu vật tư chế xuất dẫn đến hàng hóa thực tồn thiếu so với chứng từ kế toán, thiếu số thuế phải nộp; không nộp báo cáo quyết toán đúng thời hạn quy định; tự ý tiêu thụ hàng ra thị trường nội địa không khai báo... Các vi phạm về chính sách mặt hàng như nhập khẩu hàng có điều kiện như phải có giấy phép nhập khẩu, giấy phép tiền chất... số lượng vi phạm không nhiều. Các vi phạm của DNCX bị Chi cục phát hiện, xử lý tương đối kịp thời, xử lý đúng trình tự, thủ tục quy định.

*** Các rủi ro trong quản lý hoạt động thông quan hàng hóa XNK của DNCX**

Trong tình hình tờ khai của các DNCX tăng đáng kể trong những năm gần đây, việc DN khai báo khi làm thủ tục tuy đã được cải thiện về mặt chất lượng song vẫn tồn tại một lượng tờ khai hủy, sửa cao. Cụ thể:

Biểu đồ 2.7. Tình hình tờ khai hủy, tờ khai sửa của DNCX trong KCN Nomura giai đoạn 2015 - 2017



(Nguồn: Số liệu thống kê của Chi cục HQ KCX & KCN Hải Phòng)

Số liệu tại biểu đồ 2.7 cho thấy, lượng tờ khai hủy sửa có tốc độ tăng qua các năm, năm sau cao hơn năm trước. Nguyên nhân chủ yếu vẫn là do lượng tờ khai làm thủ tục lớn, nhân viên của các DNCX phải kiêm nhiệm nhiều việc, thêm nữa một bộ phận nhân viên mới được tuyển dụng thiếu kiến thức, hạn chế về trình độ, trách nhiệm cũng là nguyên nhân dẫn đến việc hủy, sửa tờ khai tăng đáng kể. Ngoài nguyên nhân nêu trên còn có nguyên nhân khác như: Ý thức về việc tuân thủ pháp luật của một số DNCX chưa cao, chỉ tập trung vào lợi ích trước mắt là nhập khẩu và xuất khẩu được hàng hoá, nên không quan tâm và tìm hiểu đến các quy định khác đối với loại hình mà mình kinh doanh, dẫn đến khai báo không chính xác; Doanh nghiệp lợi dụng sự thông thoáng của pháp luật hải quan trong việc hủy, sửa tờ khai, thấy tờ khai luồng đỏ phải kiểm tra thực tế hàng hóa thì không xuất trình hàng, cố ý để quá hạn khiến tờ khai buộc phải làm thủ tục hủy rồi khai báo lại với mục đích tờ khai được Hệ thống phân luồng xanh hoặc vàng mà không bị kiểm tra thực tế hàng hóa, nhằm gian lận thương mại, trốn thuế... Một số cố ý gian lận nhằm mục đích trốn tránh kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra giấy phép nhập khẩu đối với những mặt hàng nhập khẩu có điều kiện như tiền chất, hóa chất... Bên cạnh đó, lực lượng công chức hải quan mỏng, phải kiêm rất nhiều mảng việc khác nhau, trình độ không đồng đều, một bộ phận công chức còn hạn chế về nghiệp vụ, còn sót lọt trong công tác rà soát, kiểm tra, duyệt hồ sơ DN, cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng tờ khai sửa, hủy còn cao.

Bảng 2.19 (A,B). Ý kiến của DN và CBCC hải quan về công tác xử lý vi phạm, kiểm tra và vấn đề rủi ro đối với hàng gia công, sản xuất để xuất khẩu

A. Bảng ý kiến đánh giá của doanh nghiệp

Nội dung	Tổng số ý kiến	Nhận xét, đánh giá									
		Rất kém		Kém		Không có ý kiến		Tốt		Rất tốt	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	SL	%
1. Công tác xử lý vi phạm của cơ quan hải quan hiện nay	40	0	0	1	2,5	0	0	34	85	5	12,5
2. Thực hiện các biện pháp kiểm tra đối với DNCX hoạt động GC, SSXK	40	0	0	0	0	0	0	27	67,5	13	32,5
3. Công tác thu thập thông tin DN phục vụ phân tích, đánh giá rủi ro DN	40	0	0	0	0	8	20	31	77,5	1	2,5

(Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả)

B. Bảng ý kiến đánh giá của CBCC Hải quan

Nội dung	Tổng số ý kiến	Nhận xét, đánh giá									
		Rất kém		Kém		Không có ý kiến		Tốt		Rất tốt	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	SL	%
1. Công tác xử lý vi phạm của cơ quan hải quan hiện nay đã hợp lý, hiệu quả?	10	0	0	0	0	1	10	8	80	1	10
2. Thực hiện các biện pháp kiểm tra đối với DNCX hoạt động GC, SSXK	10	0	0	0	0	0	0	8	80	2	20
3. Công tác thu thập thông tin DN phục vụ phân tích, đánh giá rủi ro DN	10	0	0	0	0	2	20	7	70	1	10

(Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả)

Thông qua bảng 2.19 (A,B) chúng ta thấy, chỉ 2,5% DN cho rằng công tác xử lý vi phạm của cơ quan hải quan hiện nay chưa hợp lý, hiệu quả và 10% CBCC hải quan không có ý kiến; 20% DN và 20% CBCC Hải quan không có ý kiến trong quy định về thu thập thông tin DN phục vụ phân tích, đánh giá rủi ro DN.

2.3. Đánh giá công tác quản lý nhà nước về hải quan đối với DNCX tại KCN Nomura của Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng

2.3.1. Những kết quả đạt được

Việc áp dụng các phần mềm hỗ trợ doanh nghiệp khai báo cũng như quản lý DNCX của cơ quan hải quan và ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý nhà nước về hải quan đã đem lại những kết quả đáng ghi nhận:

- Rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa của DNCX cũng như công tác quyết toán hợp đồng gia công doanh nghiệp, trước thường mất 1 tuần thì nay việc quyết toán trên hệ thống CNTT chỉ mất khoảng từ 2 đến 3 ngày cho một hợp đồng.

- Thực hiện đúng chủ trương của Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan về hạn chế tiêu cực, sách nhiễu từ phía cán bộ hải quan khi DNCX chỉ phải khai báo, làm thủ tục điện tử, không phải trực tiếp ra gặp công chức hải quan nếu tờ khai được Hệ thống phân luồng xanh và phân luồng vàng (nếu hàng hóa không thuộc diện hàng nhập khẩu, xuất khẩu có điều kiện phải nộp các chứng từ gốc như Kết quả kiểm tra chuyên ngành, Trừ lùi Giấy phép nhập khẩu...).

- Việc cơ quan Hải quan chủ động tích cực phối hợp cùng các cơ quan hữu quan như Cục Thuế địa phương, Công an, Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để nắm bắt tình hình DN, xử lý kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, những DN trong diện nghi vấn gian lận thuế, gian lận thương mại... Phối hợp với Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng trong việc điều chỉnh thuế cho DN khi có sai sót, thu ngân sách đúng đủ, tạo điều kiện thuận lợi để DN thông quan hàng hóa trong thời gian sớm nhất; Việc cơ quan hải quan phối hợp với các cơ quan thuế, ngân hàng, kho bạc trong triển khai và thực hiện đề án nộp thuế điện tử 24/7 sẽ tạo thuận lợi tối đa cho DN về hạn chế thời gian đi lại của DN, rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa của DN khi nghĩa vụ thuế được thực hiện nhanh chóng, khai báo từ xa bất kể thời gian nào.

Về đội ngũ cán bộ, công chức và cơ sở hạ tầng của Chi cục cũng góp phần không nhỏ như:

-Đội ngũ cán bộ công chức của Chi cục phần lớn sử dụng thành thạo vi tính và biết một ngoại ngữ..., do vậy dễ dàng tiếp thu những kiến thức mới, kỹ năng nghiệp vụ mới, ứng dụng có hiệu quả những chương trình quản lý của ngành; Có tinh thần cầu tiến, trách nhiệm trong giải quyết công việc đạt hiệu quả cao.

- Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng là một trong những Chi cục hải quan được thành lập sau cùng, do vậy cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý, thông quan hàng hóa đã được Cục Hải quan TP Hải Phòng cũng như Tổng cục Hải quan trang bị tương đối đầy đủ, góp phần trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công chức hoàn thành nhiệm vụ, đảm bảo phục vụ chuyên môn nghiệp vụ tại đơn vị.

- Việc Chi cục tăng cường, nâng cao vai trò trong công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật về hải quan, hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu, hướng dẫn doanh nghiệp lưu ý khi khai báo nhằm hạn chế việc DN khai sai dẫn đến bị lập biên bản vi phạm hành chính hoặc bị rơi vào nhóm DN có rủi ro cao, DN trọng điểm, nâng cao trình độ chuyên môn cũng như ý thức chấp hành pháp luật hải quan của doanh nghiệp.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

Mặc dù Chi cục đã có những kết quả nhất định trong công tác quản lý DNCX trong KCN Nomura song vẫn không tránh khỏi nhiều hạn chế.

2.3.2.1. Hạn chế

Việc chấp hành các quy định về quản lý nhà nước về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc danh mục quản lý chuyên ngành chưa có sự đồng bộ, thống nhất trong cộng đồng các doanh nghiệp, sai sót diễn ra trong thời gian nhiều năm, có những doanh nghiệp phát sinh sai sót ngay từ khi hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

Các doanh nghiệp thường mắc các lỗi điển hình như khai báo sai tên hàng, số lượng, trọng lượng, xuất xứ..., dẫn đến việc DN bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc phải truyền sửa tờ khai nhiều lần; Ngoài ra, vẫn còn nhiều trường hợp DN quên không khai báo hoặc do nhân viên DN còn hạn chế về năng lực, nghiệp vụ nên không biết để khai báo, xin giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu đối với các mặt hàng trong danh mục phải có giấy phép, chứng nhận hợp quy hợp chuẩn, giấy phép nhập xuất khẩu tiền chất... nên ảnh hưởng không ít đến thời gian thông quan cũng như việc theo dõi,

quản lý hồ sơ DN của cán bộ công chức hải quan.

Hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu của hầu hết các DNCX đều phát sinh chênh lệch số liệu giữa hàng hóa tồn theo sổ sách và tồn thực tế theo sổ sách kế toán của DNCX với số liệu quản lý, theo dõi của cơ quan hải quan với các mức độ chênh lệch nhiều, ít khác nhau.

Việc các DNCX bị kiểm tra sau thông quan còn ít. Công tác kiểm tra sau thông quan mới chỉ thực hiện trong phạm vi các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực gia công hàng may mặc và thời gian gần đây bắt đầu kiểm tra các lĩnh vực ngành nghề khác như điện, điện tử... Ngoài ra, việc kiểm tra sau thông quan đối với hoạt động gia công cho thương nhân nước ngoài chỉ chiếm một phần nhỏ so với yêu cầu của công việc. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về kiểm tra sau thông quan chưa được chú trọng nên nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp về kiểm tra sau thông quan chưa đầy đủ. Cán bộ, công chức kiểm tra sau thông quan được điều chuyển từ nhiều đơn vị nghiệp vụ khác nhau, phần lớn chưa được đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu về công tác kiểm tra sau thông quan.

Trong thực tế, Chi cục còn một bộ phận cán bộ công chức lớn tuổi ngại tiếp nhận, làm quen với các ứng dụng công nghệ, phần mềm quản lý mới, hạn chế về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, làm việc theo kiểu “đường mòn lối mòn”, chưa cập nhật kiến thức, văn bản mới kịp thời, dẫn đến xử lý hồ sơ cũng như thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng GC, SXXK còn chậm và cứng nhắc.

2.3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, việc còn tồn tại nhiều tờ khai sửa, hủy, treo khiến nhiều DNCX bị xử phạt VPHC hoặc việc theo dõi, quyết toán nguyên liệu, vật tư nhập - xuất - tồn sai lệch một phần do các nhân viên làm việc trong DNCX phải kiêm nhiệm nhiều mảng việc, chế độ đãi ngộ của công ty chưa hợp lý dẫn đến tình trạng bỏ việc hoặc làm việc thiếu trách nhiệm, vì thế doanh nghiệp phải tuyển dụng người mới và phải đào tạo lại từ đầu, do đó việc theo dõi, quản lý chứng từ hải quan không liền mạch, dẫn đến sai sót, lúng túng trong quản lý hồ sơ và thực hiện khai báo với cơ quan hải quan, chưa kể việc nhân viên mới thiếu kinh nghiệm, cập nhật các văn bản còn hạn

chế, hiểu không đúng văn bản nên thực hiện sai quy định.

Thứ hai, việc tuân thủ pháp luật hải quan của một số DNCX chưa cao, đôi khi vô ý, đôi khi cố tình nhằm gian lận thuế, thương mại. Một số doanh nghiệp dù phát hiện ra sai lệch giữa đơn vị sản phẩm xuất khẩu khai trên định mức và đơn vị sản phẩm xuất khẩu trên tờ khai xuất khẩu nhưng vì không muốn ảnh hưởng đến tiến độ xuất khẩu hàng nên chấp nhận và bỏ qua không sửa chữa. Cán bộ hải quan tiếp nhận định mức nếu không phát hiện ra sự nhầm lẫn này sẽ chấp nhận khai báo của doanh nghiệp và dẫn đến mất thời gian trong việc xử lý lỗi điều chỉnh định mức trong quá trình thanh khoản về sau.

Thứ ba, các văn bản, chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu của DNCX ngày càng được xây dựng theo hướng thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp. Do vậy, bên cạnh những DN chấp hành tốt pháp luật, vẫn còn tình trạng một số DNCX “lách luật” do văn bản quy định chung chung, dẫn đến tình trạng gian lận, gây thất thu thuế của nhà nước.

Thứ tư, mặc dù Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng được trang bị cơ sở vật chất và máy móc thiết bị tốt song trước thực tế lượng tờ khai phát sinh ngày một nhiều, nhân lực tại Chi cục mỏng, một bộ phận cán bộ công chức lớn tuổi, có trình độ chuyên môn hạn chế, cũng là nguyên nhân tạo nên khó khăn cho Chi cục trong công tác xử lý công việc, quản lý, theo dõi doanh nghiệp. Ngoài ra, hệ thống CNTT của Chi cục chưa thể đáp ứng kịp yêu cầu nghiệp vụ ngày càng cao, phải thực hiện đúng quy trình, lại thêm dữ liệu phải xử lý trên hệ thống quá nhiều khiến máy móc chạy chậm, gây hạn chế trong công tác quản lý DN trên đại bàn nói chung, DNCX trong KCN Nomura nói riêng.

Một bộ phận các công chức lớn tuổi hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ và ứng dụng, tiếp cận công nghệ mới còn mang tâm lý ngại thay đổi, ngại học hỏi, có tư tưởng làm qua loa, chây ỳ, đôi khi ỷ lại vào đội ngũ công chức trẻ có kiến thức, trình độ.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT TRONG KCN NOMURA TẠI CHI CỤC HẢI QUAN KHU CHẾ XUẤT VÀ KHU CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG

3.1. Mục tiêu, kế hoạch hoạt động của Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng trong thời gian tới

3.1.1. Mục tiêu

Với phương châm của Ngành “Chuyên nghiệp - Minh bạch - Hiệu quả” và tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Quyết định 448/QĐ-TTg ngày 22/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020”, đặt ra cho Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải nhiều thách thức và mục tiêu.

Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng đơn vị theo hướng hiện đại; minh bạch và đơn giản hóa thủ tục hải quan, kết hợp hài hòa các chuẩn mực quốc tế, thông lệ quốc tế trong xử lý công việc. Trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu tập trung và áp dụng rộng rãi phương thức quản lý rủi ro.

Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu, có thể kiêm nhiệm nhiều mảng việc cùng lúc; làm việc có trách nhiệm, có hiệu quả cao, góp phần tạo thuận lợi cho các hoạt động XNK hàng hóa của DNCX tại KCN Nomura nói riêng, với các DN FDI trên địa bàn TP Hải Phòng nói chung.

Trang bị các trang thiết bị, máy móc công nghệ kỹ thuật hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Ngành trong xu thế điện tử hóa thủ tục hải quan, đáp ứng các chương trình phần mềm “nặng”.

Cùng với mục tiêu thu hút các nhà đầu tư nước ngoài của thành phố, Chi cục cần nâng cao tinh thần trách nhiệm trong quản lý nhà nước về hải quan đối với mỗi cán bộ công chức, tạo điều kiện thuận lợi cho DN song vẫn đảm bảo thượng tôn pháp luật.

Mục tiêu cụ thể:

Về công tác nghiệp vụ hải quan, phấn đấu đến năm 2020, về cơ bản các thủ tục và chế độ quản lý hải quan phải được đơn giản, hiệu quả, hài hòa và tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế; thủ tục hải quan chủ yếu được thực hiện bằng phương thức điện tử, thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; áp dụng phương pháp quản lý rủi ro một cách hệ thống, đồng bộ trong các khâu nghiệp vụ hải quan.

Nâng cao trình độ, năng lực quản lý thuế. Đảm bảo quản lý thu ngân sách minh bạch, khả thi, phù hợp; Nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, đảm bảo lợi ích quốc gia, hạn chế những thách thức, bất lợi phát sinh trong quá trình làm thủ tục hải quan; Đảm bảo nguồn thu ngân sách của nhà nước.

Tổ chức thực hiện và nâng cao chất lượng công tác nghiệp vụ cơ bản và phòng, chống có trọng điểm, hiệu quả các hoạt động chống gian lận thuế, gian lận thương mại...

Đến năm 2020, hoạt động kiểm tra sau thông quan DNCX tại Chi cục đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu, hiệu quả dựa trên phương pháp quản lý rủi ro với quy trình nghiệp vụ được chuẩn hóa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp với các biện pháp chế tài, xử lý nghiêm minh.

Áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro đối với các hoạt động nghiệp vụ hải quan, thu thập đầy đủ thông tin nghiệp vụ phục vụ quản lý, kiểm soát được các doanh nghiệp. Tổ chức thực hiện tốt các tác nghiệp vụ cơ bản, các biện pháp cần thiết (kiểm tra cơ sở sản xuất, kiểm tra nguyên vật liệu, kiểm tra báo cáo quyết toán, kiểm tra sau thông quan...) để giám sát và quản lý được hàng hóa nhập khẩu từ khi nhập khẩu, quá trình sản xuất cho đến khi xuất khẩu sản phẩm (nhập-xuất-tồn) của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực gia công, SXKK theo quy định.

3.1.2. Kế hoạch hoạt động

Xây dựng đội ngũ CBCC trong Chi cục có tính chuyên nghiệp trong công việc; tinh thông nghiệp vụ, đề cao kỷ luật, kỷ cương trong thi hành công vụ thông quan việc sắp xếp bố trí cán bộ hợp lý trên cơ sở quân số hiện có, đảm bảo đội ngũ cán bộ công chức giải quyết nhanh chóng việc thông quan hàng hóa đúng quy trình nghiệp vụ và quy định của Pháp luật.

Để có thể kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu từ khi nhập khẩu, trong quá trình sản xuất ra sản phẩm cho đến khi sản phẩm được xuất khẩu hoặc thay đổi mục đích sử dụng của DNCX trong KCN Nomura, Chi cục đa dạng hoá hình thức tuyên truyền, hỗ trợ và cung cấp thông tin, hướng dẫn cho doanh nghiệp trực tiếp tại trụ sở Chi cục, qua điện thoại, qua trả lời văn bản, qua kiểm tra, hướng dẫn tại trụ sở của doanh nghiệp; Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, đối thoại doanh nghiệp, xây dựng diễn

đàn trao đổi, cung cấp thông tin, giải đáp vướng mắc, hướng dẫn từng trường hợp cụ thể của DN trong thực hiện thủ tục hải quan nói chung và thực hiện hoạt động gia công, SXKK nói riêng.

Hiện nay một số DNCX sử dụng hệ thống quản trị nội bộ tốt để có thể kết xuất dữ liệu xuất trình cho Cơ quan Hải quan khi có yêu cầu. Tuy nhiên, vẫn còn một số doanh nghiệp thực hiện quản trị nội bộ chưa tốt, chủ yếu theo dõi thủ công, nhất là đối với loại hình gia công dẫn đến sự chênh lệch số liệu giữa các bộ phận trong nội bộ doanh nghiệp (bộ phận quản lý kho, bộ phận kế toán và bộ phận xuất nhập khẩu), việc kết xuất số liệu báo cáo theo năm tài chính rất khó khăn. Mặt khác, cán bộ, nhân viên XNK, kế toán của doanh nghiệp cũng thường xuyên thay đổi nên việc theo dõi không được liên tục, có hệ thống; việc bàn giao số liệu không được đầy đủ... Chi cục tăng cường phổ biến, làm công tác vận động DN trong việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý, theo dõi chuyên sâu; Hỗ trợ, hướng dẫn DN trong kết nối hệ thống hoặc các vướng mắc khai báo, giác ngộ các DN ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật hải quan, tránh hiện tượng khai sai, gian lận trong hoạt động XNK hàng hóa, hoạt động GC, SXKK sẽ bị xử lý nghiêm cũng như làm công tác tư tưởng trong việc đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, máy móc công nghệ, những hệ quả xấu mà DN sẽ phải chịu nếu chủ doanh nghiệp không thường xuyên quan tâm, chú trọng đến những công tác trên.

Cùng với đó, Chi cục đẩy mạnh công tác triển khai hệ thống nộp thuế điện tử và thông quan 24/7. Đây là đề án tạo thuận lợi tối đa cho người nộp thuế có thể nộp tiền thuế vào mọi lúc, mọi nơi, mọi phương tiện, hạn chế tối đa việc thanh toán bằng tiền mặt; đảm bảo thông tin nộp tiền được thanh khoản thuế kịp thời, chính xác; giảm thời gian nộp thuế, đồng thời thông quan hàng hóa ngay sau khi nộp thuế, qua đó rút ngắn thời gian hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp xuống bằng mức trung bình của nhóm nước ASEAN-4 theo chỉ đạo của Chính phủ.

Hoàn thiện công tác quản lý rủi ro tại chi cục: Đề xuất với Cục Hải quan TP Hải Phòng kiến nghị Tổng cục Hải quan đề nghị Chính phủ, các Bộ ngành giảm tỷ lệ danh mục hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra chuyên ngành; trong điều kiện cần thiết thì quy định phải việc kiểm tra tại cửa khẩu trước khi thông quan hàng hóa. Với quy định này

sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, giúp cho hàng hóa được thông quan nhanh chóng, tạo thuận lợi cho công tác quản lý của cơ quan hải quan.

Kiến nghị cấp trên hoàn thiện cơ chế trao đổi thông tin trong và ngoài ngành Hải quan, xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của cơ quan hải quan với các Bộ ngành có liên quan để tự động hóa trong quá trình trao đổi thông tin giữa các đơn vị, giúp cho việc trao đổi thông tin được nhanh chóng, chính xác.

Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan ngày càng cao, Chi cục nhanh chóng lên kế hoạch trong công tác theo dõi, cập nhật bổ sung danh sách doanh nghiệp trọng điểm; phát hiện và kiểm soát kịp thời các đối tượng lợi dụng các hình thức thành lập doanh nghiệp mới, thuê pháp nhân làm dịch vụ hoặc lợi dụng doanh nghiệp tuân thủ tốt làm vỏ bọc... để hoạt động buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại.

3.2. Định hướng công tác quản lý DNCX trong KCN Nomura của Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng

Để nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của Ngành đề ra tại Tuyên ngôn phục vụ khách hàng, Lãnh đạo Chi cục cần quán triệt, phổ biến cán bộ công chức trong thực thi nhiệm vụ. Cụ thể:

- Thực hiện đúng các cam kết trong Tuyên ngôn phục vụ khách hàng của Ngành Hải quan:

Chuyên nghiệp: Nhiệt tình, tận tụy với công việc; thông thạo nghiệp vụ, xử lý công việc tuân thủ đúng quy trình, thủ tục quy định; văn minh lịch sự trong hoạt động và ứng xử.

Minh bạch: Xây dựng hệ thống thủ tục hải quan tuân thủ chuẩn mực, thông lệ quốc tế; Tiếp nhận đầy đủ, phản hồi nhanh chóng, giải quyết khẩn trương các ý kiến đóng góp, khiếu nại của khách hàng; Thực hiện cơ chế đảm bảo sự giám sát của khách hàng đối với hoạt động nghiệp vụ hải quan.

Hiệu quả: Giảm tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa, giảm thiểu chi phí hành chính và thời gian thông quan; Đảm bảo yêu cầu quản lý Nhà nước về lĩnh vực Hải quan, và quản lý sự tuân thủ pháp luật hải quan một cách hiệu quả.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Tuyên ngôn, đặc biệt tại những đơn vị tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho cộng đồng doanh nghiệp biết và ủng hộ cơ quan Hải quan triển khai thực hiện Tuyên ngôn; Công khai, minh bạch quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan để các doanh nghiệp giám sát, phối hợp chặt chẽ với cơ quan Hải quan trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan.

- Xây dựng lực lượng CBCC hải quan tại đơn vị chuyên nghiệp, hiện đại, có năng lực trình độ để làm chủ các trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại, khai thác có hiệu quả các Hệ thống quản lý của cơ quan hải quan đáp ứng các yêu cầu quản lý; Thực hiện thông quan hàng hóa nhanh chóng, đúng quy định.

- Chủ động ngăn chặn, hạn chế thấp nhất vi phạm pháp luật hải quan; chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác gian lận thuế, gian lận thương mại, góp phần thiết lập trật tự, kỷ cương pháp luật trong hoạt động XNK, tạo sự công bằng, bình đẳng cho các chủ thể tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động xuất nhập khẩu.

- Để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế với sự gia tăng mạnh mẽ của lưu lượng hàng hoá XNK của các DNCX có xu hướng đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất tại KCN Nomura, Chi cục theo đó cần mềm dẻo, linh hoạt trong quản lý; chuyển dần theo hướng kết hợp hài hoà chức năng quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp dựa trên nguyên tắc quản lý rủi ro đồng thời đảm bảo quản lý chặt chẽ với việc áp dụng một cách hiệu quả và đầy đủ những yêu cầu của kiểm tra sau thông quan.

3.3. Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý doanh nghiệp chế xuất trong KCN Nomura tại Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng

3.3.1. Hoàn thiện nguồn nhân lực

Trong bất cứ lĩnh vực, hoạt động nào thì nhân lực luôn được coi là một trong các yếu tố nắm vai trò quan trọng nhất. Thái độ, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ công chức hải quan tác động trực tiếp đến việc làm thủ tục XNK của DN. Vì thế, Ngành Hải quan nói chung, Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng nói riêng cần quan tâm hơn nữa tới công tác bồi dưỡng, đào tạo nhằm nâng cao

trình độ cán bộ công chức công tác tại Chi cục. Cần đào tạo các kiến thức chuyên ngành về thuế, kiểm tra sau thông quan, cách nhận biết các dấu hiệu gian lận thương mại. Đồng thời, đẩy mạnh công tác giáo dục về chính trị, tư tưởng, đạo đức cho đội ngũ cán bộ nhằm ý thức được tác hại của việc không tuân thủ quy định, phương châm của Ngành trong thực thi công việc; Có chế tài xử lý nghiêm đối với các cán bộ công chức có hành vi tha hóa biến chất, những nhiều doanh nghiệp hoặc thông đồng với doanh nghiệp để trục lợi, tạo nên đội ngũ trong sạch vững mạnh trong nội bộ Chi cục hải quan cũng như trong Ngành; Với đội ngũ lớn tuổi còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ, cần tăng cường bồi dưỡng kiến thức ngoài giờ, có chế độ khen thưởng, động viên khích lệ, bố trí phân công công việc phù hợp với năng lực từng người và có chế tài xử lý nếu không hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn được giao.

Tuy công tác đào tạo cán bộ công chức Hải quan đã được coi trọng trong nhiều năm qua song trong thời gian tới, Chi cục cần phải sắp xếp lại đội ngũ cán bộ quản lý đối với hoạt động DNCX theo hướng tập trung vào các khâu công việc chính trong toàn bộ quy trình quản lý hoạt động này. Cụ thể:

- Bố trí bộ phận riêng cán bộ công chức có trình độ, nghiệp vụ chuyên sâu để theo dõi, phân loại các tờ khai, các hợp đồng chưa thanh khoản hoặc đang vướng mắc trong xử lý theo từng loại hình và nguyên nhân tồn đọng để xử lý dứt điểm. Đối với việc luân chuyển cán bộ, cần phải thực hiện luân chuyển theo hướng đảm bảo tính kế thừa về trình độ chuyên môn để làm sao các công chức khi được luân chuyển phải bắt nhịp vào công việc mới được ngay.

+ Cán bộ tiếp nhận: Bố trí cán bộ có năng lực, trình độ làm nhiệm vụ tiếp nhận để làm tốt vai trò quản lý bằng cách biết hướng dẫn người khai hải quan khai báo đầy đủ các tiêu chí trên tờ khai, khai báo chính xác mã HS, thuế suất nếu có, mã số biểu thuế của hàng nhập khẩu để làm cơ sở tính thuế sau này nếu phải truy thu; Đội ngũ tiếp nhận phải biết tiếng Anh để đạt được kết quả cao trong giải quyết công việc khi đối chiếu tính hợp lệ của các chứng từ nước ngoài với khai báo trên tờ khai DN và giữa các chứng từ với nhau; Cán bộ tiếp nhận định mức phải được đào tạo về các kiến thức kỹ thuật của các ngành hàng có liên quan để xác định tính

trung thực của việc khai báo định mức, tỉ lệ hao hụt cho phép, hướng dẫn doanh nghiệp kê khai đầy đủ các tiêu chí, biểu bảng quy định đối với hàng gia công.

+ Cán bộ thanh khoản: Phải thực hiện thanh khoản hợp đồng gia công, sản xuất xuất khẩu đúng thời hạn quy định. Cán bộ công chức phải được đào tạo chuyên sâu và có kinh nghiệm trong lĩnh vực này để trong trường hợp Chi cục muốn đẩy nhanh tiến độ rà soát, thanh khoản hợp đồng gia công, sản xuất xuất khẩu còn tồn đọng mới đảm bảo chất lượng công việc.

+ Cán bộ kiểm tra sau thông quan: Kiểm tra sau thông quan là nghiệp vụ phức tạp, do đó đòi hỏi cán bộ công chức phụ trách bộ phận này phải được trang bị rất nhiều kiến thức chuyên môn, những kỹ năng cụ thể. Để thực hiện tốt công tác kiểm tra sau thông quan đối với hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu cần phải nâng cao năng lực của cán bộ làm công tác kiểm tra sau thông quan về các lĩnh vực có liên quan như sau: Nắm vững các kiến thức về kế toán, hiểu được mối quan hệ về lượng giữa các yếu tố sản xuất và sản xuất với một tỷ lệ dôi dư hợp lý; Có kiến thức về phương pháp sản xuất, kho hàng, chu trình vòng sản xuất của một sản phẩm; Có kinh nghiệm trong việc nắm bắt được những dấu hiệu, thủ đoạn gian lận của DNCX; Có kiến thức trong việc đọc các tài liệu kỹ thuật, các tài liệu tham khảo phục vụ quá trình kiểm tra DN, kể cả các số liệu thống kê, khả năng tra cứu văn bản, số liệu; Nắm được tình hình sản xuất của DN, những diễn biến của thị trường trong nước, quốc tế để khoanh vùng các dấu hiệu nghi vấn, gian lận, xác định sự khác nhau giữa nguyên liệu và thành phẩm; Nắm được những quy định hiện hành của quốc gia và các thoả thuận mà quốc gia công nhận trong lĩnh vực đấu tranh chống gian lận thương mại và khả năng thu thập các nguồn thông tin về lĩnh vực này. Bên cạnh công tác đào tạo về mặt chất lượng, Chi cục cần tiếp tục triển khai thực hiện bổ sung nguồn nhân lực cho lực lượng kiểm tra sau thông quan để đảm bảo hiệu quả trong quản lý nhà nước về hải quan đối với DNCX.

Chi cục nên tăng cường tập huấn nghiệp vụ ngoài giờ hành chính; bố trí các cán bộ trẻ có trình độ ngoại ngữ tốt thay cho các cán bộ lớn tuổi hoặc tổ chức các buổi bồi dưỡng nghiệp vụ để các công chức trẻ có chuyên môn phổ biến, hướng dẫn thêm cho các đối tượng công chức còn hạn chế về mặt nghiệp vụ. Ngoài ra, hiện nay cơ chế quản lý, giám sát hải quan được thực hiện và xử lý điện tử, do vậy

các cán bộ công chức cần có nghiệp vụ CNTT tốt để đáp ứng thời gian giải quyết công việc đúng quy trình quy định, khai thác tốt chứng từ, số liệu để phục vụ công tác báo cáo, thống kê khi cần. Việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử đòi hỏi Chi cục phải tăng cường hậu kiểm nên việc bố trí cán bộ công chức hợp lý, nhịp nhàng là rất cần thiết.

Chi cục cần tăng cường quán triệt hơn nữa cán bộ công chức trong công tác phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn văn bản, chính sách mới cho DN. Thiết lập có hiệu quả bộ phận giải quyết vướng mắc, khiếu nại khiếu kiện cho DN. Tuy Chi cục đã thiết lập số điện thoại đường dây nóng chống tham nhũng, tiêu cực để doanh nghiệp có thể phản ánh các hành vi tiêu cực, những khiếu nại của cán bộ hải quan song đôi khi do tâm lý lo ngại bị gây khó khăn nếu công chức hải quan phát hiện, DN còn e ngại trong phản ánh, tố cáo tiêu cực, vì thế Chi cục cần quyết liệt và có biện pháp cụ thể trong xử lý cán bộ công chức có hành vi sai trái, tạo được lòng tin nơi DN.

3.3.2. Hoàn thiện công tác tổ chức cán bộ

Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng có truyền thống thống nhất cao về quản lý, điều hành, chỉ đạo các mặt công tác dựa trên việc tổ chức thực hiện các quy chế làm việc, thể hiện sự công khai, minh bạch, tạo sự đồng thuận trong tập thể giữa lãnh đạo với CBCC, nội bộ đoàn kết, ổn định. Ngoài ra, Chi cục là đơn vị có hoạt động nghiệp vụ đặc thù, có tính chất của hải quan hiện đại. Một số thủ tục hiện nay thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến và Cổng thông tin điện tử một cửa quốc gia. Các DNCX trong KCN Nomura làm thủ tục hải quan tại Chi cục là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có hiểu biết về pháp luật và quy trình, thủ tục hải quan. Do vậy, đối với công tác tổ chức của Chi cục cần làm tốt các công việc sau:

- Cụ thể hoá trách nhiệm của từng bộ phận công tác, từng CBCC nhằm nâng cao hơn nữa vai trò và gắn trách nhiệm của CBCC trong thực thi nhiệm vụ. Lãnh đạo đơn vị phải sâu sát, nắm bắt công việc, kịp thời giải quyết nhanh chóng vướng mắc phát sinh, tránh tồn đọng, bỏ sót việc.

- Tích cực phối hợp với các đơn vị tham mưu trong Cục như: Phòng Giám sát quản lý, Phòng Quản lý rủi ro, Phòng Thuế xuất nhập khẩu, Đội Kiểm soát hải quan... trong công tác nghiệp vụ. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nếu có vướng

mắc phải kịp thời báo cáo, trao đổi, yêu cầu đề nghị các đơn vị này hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện.

- Tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn như Ban quản lý các Khu chế xuất & công nghiệp TP.Hải Phòng, các hiệp hội doanh nghiệp, công an, Kho bạc..., nhằm nắm bắt thông tin, hoạt động của DN, phục vụ tốt công tác quản lý các DNCX trong KCN Nomura.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao trình độ cho đội ngũ CBCC của Chi cục. Chú trọng đào tạo bồi dưỡng kiến thức kế toán, tài chính, ngoại ngữ, văn bản kiểm tra chuyên ngành cho công chức thừa hành theo hướng chuyên môn hoá theo từng lĩnh vực. Đối với nhóm công chức có khả năng và tuổi đời còn trẻ thì cần có kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng lớp cán bộ công chức này về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học để làm nền tảng cho việc cải cách và hiện đại hóa công tác Hải quan của đơn vị. Đảm bảo đội ngũ cán bộ công chức luôn có thái độ hoà nhã, nhiệt tình, giải quyết công việc linh hoạt, đúng quy trình nghiệp vụ và quy định của Pháp luật.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hoá của Ngành nhằm thực hiện thắng lợi toàn diện các mặt công tác được giao; thực hiện hiệu quả phương châm phục vụ khách hàng “Chuyên nghiệp - minh bạch - hiệu quả”.

- Tuyên truyền đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật và các văn bản mới cho các DN. Tạo điều kiện thuận lợi trong việc giải quyết thủ tục thông quan hàng hóa nhanh chóng; Hỗ trợ và giải quyết, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc phát sinh của DN, để DN yên tâm, tin tưởng khi làm thủ tục hải quan tại Chi cục.

- Hai Đội công tác thường xuyên rà soát các việc tồn đọng để tìm nguyên nhân và biện pháp giải quyết; Lãnh đạo Chi cục, lãnh đạo các Đội công tác nhắc nhở, đôn đốc công chức trong xử lý hồ sơ cũng như việc thực hiện đúng quy định, đảm bảo thời gian thông quan hàng hóa, thời gian hoàn thành thanh khoản quyết toán; Rà soát các kiến nghị, kết luận của các đoàn thanh kiểm tra để kịp thời khắc phục những thiếu sót, tồn tại; hoàn thiện hồ sơ báo cáo Lãnh đạo cấp trên xin ý kiến chỉ đạo. Đồng thời nghiêm túc rút kinh nghiệm không để xảy ra các vấn đề tồn tại đã được nhắc đến trong các biên bản làm việc giữa đoàn công tác và Chi cục.

** Đội Tổng hợp:*

- Xây dựng kế hoạch rà soát CBCC đến thời hạn luân chuyển nội bộ trình Chi cục trưởng xem xét, báo cáo lãnh đạo Cục và Phòng Tổ chức cán bộ để có chỉ đạo và định hướng.

- Tổ chức phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua; đăng ký tiêu chuẩn thi đua của tập thể và các cá nhân theo quy định của Ngành nhằm động viên, khích lệ đồng thời tạo hướng phấn đấu và động lực để toàn thể CBCC Chi cục đạt được mục tiêu đã đề ra.

- Triển khai quán triệt công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan và quy trình xử phạt vi phạm hành chính đối với các doanh nghiệp làm thủ tục hải quan tại Chi cục.

- Tham mưu Chi cục trưởng triển khai công tác phối hợp với Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng và Kho bạc quận Hồng Bàng HP.

- Duy trì Tổ đôn đốc, xử lý nợ của Chi cục để thường xuyên rà soát các nguồn thu, các khoản nợ có khả năng thu, quyết liệt đôn đốc thu hồi nợ thuế, không để các khoản nợ mới phát sinh.

- Chủ động tham mưu, đề xuất kiện toàn các Tổ chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật; Tổ quản lý, đôn đốc và xử lý nợ thuế; Tổ triển khai hải quan điện tử; Tổ triển khai thực hiện Thông tư 128/2013/TT-BTC; Tổ triển khai VNACCS/VCIS của Chi cục khi có thay đổi về nhân sự hoặc có sự luân chuyển CBCC.

Lắp đặt hệ thống camera và màn hình tại các phòng làm thủ tục hải quan để tăng cường giám sát việc thực hiện thủ tục hải quan, hạn chế các biểu hiện gây phiền hà, đòi hỏi tiền hối lộ của cán bộ hải quan.

** Đội Nghiệp vụ:*

- Chi cục thành lập Tổ công tác kiểm tra cơ sở sản xuất của các công ty theo loại hình SXKK làm cơ sở xác định thời hạn nộp thuế đối với nguyên liệu sản xuất xuất khẩu;

- Tổ chức thực hiện đúng lộ trình và yêu cầu triển khai VNACCS/VCIS của Cục Hải quan TP Hải Phòng:

+ Phân công CBCC thực hiện chạy thử Chương trình, chỉ đạo báo cáo Lãnh đạo Chi cục kịp thời các vướng mắc phát sinh; Tham mưu với Lãnh đạo Chi cục tổ chức Hội nghị Doanh nghiệp thực hiện;

+ Thực hiện đúng Quy trình dự thảo, báo cáo kịp thời các vướng mắc phát sinh;

- Xây dựng và trình Lãnh đạo Chi cục duyệt lề lối làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể của CBCC Đội Nghiệp vụ trên cơ sở Quy trình nghiệp vụ theo Chương trình VNACCS/VCIS; Tham mưu với Lãnh đạo Chi cục tổ chức tập huấn, đào tạo cho CBCC thực hiện Quy trình nghiệp vụ; Báo cáo Lãnh đạo Chi cục kịp thời các vướng mắc phát sinh;

- Tăng cường công tác nắm vững tình hình triển khai dự án đầu tư và hướng dẫn các Doanh nghiệp FDI trọng điểm tại các Khu công nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử:

- Chi cục thường xuyên tổ chức Hội nghị đối thoại với Doanh nghiệp;

- Tổ chức tập huấn cho CBCC về công tác nghiệp vụ mới phát sinh;

- Tập trung đẩy mạnh thực hiện các Giải pháp thu nộp NSNN nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu nộp NSNN;

- Phát huy tốt vai trò của các cá nhân, tạo mọi điều kiện để các cá nhân có sáng kiến cải tiến, xây dựng đề tài nghiên cứu khoa học cụ thể phục vụ cho lợi ích của ngành, cơ quan, đơn vị.

- Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thi đua - khen thưởng của cấp trên nhằm nâng cao nhận thức toàn thể CBCC theo đúng phương châm của ngành “chuyên nghiệp - minh bạch - hiệu quả”; tích cực đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa ngành Hải quan.

- Tiến hành lựa chọn, bồi dưỡng xây dựng tập thể và cá nhân đủ tiêu chuẩn, điều kiện để đề nghị các cấp tặng thưởng các danh hiệu thi đua nhằm tạo động lực mạnh mẽ cho phong trào thi đua yêu nước trong toàn đơn vị.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn như Ban quản lý các Khu chế xuất & công nghiệp TP Hải Phòng, Công ty phát triển Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng, Công ty Liên doanh Khu công nghiệp Đồ Sơn, Công an Khu công nghiệp Nomura, nhằm nâng cao hơn nữa vị thế của Cục Hải quan TP Hải Phòng nói chung và Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng nói riêng.

- Quá trình thông quan hàng hoá, trường hợp có nghi vấn về định mức, danh mục hàng hoá, Đội Nghiệp vụ trao đổi cụ thể với Đội Tổng hợp đề xuất kế hoạch trình lãnh đạo duyệt tổ chức kiểm tra định mức tại DN đối với danh mục NPL theo quy định.

- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm hành chính vượt thẩm quyền, Đội Nghiệp vụ lập biên bản chuyển hồ sơ vi phạm để Đội Tổng hợp nghiên cứu, tham mưu trình Chi cục trưởng xử lý theo đúng quy định.

- Thường xuyên trao đổi thông tin nghiệp vụ, những vướng mắc phát sinh để giải quyết kịp thời, tạo điều kiện thông quan hàng hóa nhanh chóng.

- Trong quá trình tác nghiệp, các bộ phận công tác khi phát hiện có thiếu sót ở các khâu nghiệp vụ khác phải kịp thời báo cáo Lãnh đạo phụ trách để được giải quyết kịp thời..

- Hai Đội công tác, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tham mưu cho Lãnh đạo Chi cục phối hợp với các Phòng, ban chức năng của Cục để kịp thời giải quyết các vướng mắc, đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Chi cục.

3.3.3. Hoàn thiện công tác đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất - kỹ thuật cũng như ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý

Việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử và khai báo hải quan thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cũng như việc đáp ứng xu thế toàn cầu hóa, hiện đại hóa đặt ra cho Chi cục những thách thức nhất định trong công tác quản lý, ứng dụng CNTT vào thực hiện nghiệp vụ chuyên môn của Ngành. Việc áp dụng một hệ thống quản lý giám sát các DNCX được tin học hóa giúp Chi cục cũng như ngành Hải quan phần nào giảm bớt gánh nặng công việc, hợp lý hóa các quy trình thủ tục, tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực quan trọng, góp phần tăng hiệu quả quản lý giám sát. Để có thể thực hiện tốt quản lý giám sát đối với hoạt động gia công, SXKK của DNCX trong KCN Nomura, Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng cần một số giải pháp mang tính đồng bộ liên quan đến lĩnh vực đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ thông tin như sau:

- Hoàn thiện hệ thống mạng, đường truyền và hệ thống máy tính nối mạng cũng như phần mềm phía doanh nghiệp đảm bảo cung cấp, trao đổi thông tin, quản lý và điều hành qua mạng trong toàn hệ thống một cách nhanh chóng và ổn định.

- Thay thế hoặc nâng cấp máy tính cũ, trang bị mới máy tính mới cho các cán bộ hải quan, đặc biệt các cán bộ hải quan làm nhiệm vụ chuyên sâu như theo dõi, quản lý hoạt động gia công, SXKK, báo cáo quyết toán để đảm bảo hệ thống máy tính mới có cấu hình đủ mạnh, xử lý dữ liệu nhanh chóng, kịp thời.

- Với các máy móc thiết bị hoặc phần mềm mới được trang bị, nâng cấp, Chi cục cần tổ chức các buổi tập huấn nghiệp vụ sử dụng phần mềm công nghệ, phần mềm máy tính hoặc các thao tác xử lý nhanh các công đoạn giải quyết thủ tục hải quan cho cán bộ công chức trong đơn vị để nâng cao hiệu quả công việc cũng như chủ động khai thác số liệu báo cáo định kỳ, đột xuất mà không phải phụ thuộc vào sự hỗ trợ của quản trị mạng.

- Chuẩn hóa việc đào tạo sử dụng phần mềm khai hải quan điện tử cho doanh nghiệp, bố trí cán bộ có trình độ công nghệ thông tin, trình độ ngoại ngữ vào khâu đăng ký, xây dựng hệ thống tiếp nhận khai điện tử tập trung.

3.3.4. Hoàn thiện trong công tác quản lý DNCX

Qua gần 3 năm thực hiện Luật Hải quan, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Thông tư số 38/2015/TT-BTC cũng như Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định 1966/QĐ-TCHQ của Tổng cục Hải quan, những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc của cả Cơ quan hải quan và doanh nghiệp đã được nhận diện và từng bước giải quyết. Hiện nay, Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài Chính đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BTC để phù hợp hơn với thực tiễn. Tuy vậy, vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, hạn chế trong quản lý DNCX, hoạt động GC, SXKK của DNCX, vì thế cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung những nội dung trọng tâm để đáp ứng yêu cầu quản lý của cơ quan hải quan đối với hoạt động gia công, SXKK của DNCX trên nguyên tắc tự khai, tự chịu trách nhiệm của các đối tượng này và quản lý tuân thủ của cơ quan hải quan.

- Tích cực triển khai các biện pháp nghiệp vụ có hiệu quả, đặc biệt công tác kiểm tra sau thông quan để ấn định thuế nếu DN vi phạm trong khai báo, trong nhập khẩu

nguyên liệu để gia công, SXKK hay báo cáo quyết toán; kịp thời ngăn chặn hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại và các hành vi khác vi phạm pháp luật hải quan để thu đúng, thu đủ, góp phần hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thu nộp ngân sách được giao;

- Đảm bảo thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hoá XNK của các Doanh nghiệp theo đúng quy trình nghiệp vụ và quy định của pháp luật;

- Công chức theo dõi doanh nghiệp phải thường xuyên thu thập thông tin thông qua các kênh quản lý vệ tinh để phát hiện các dấu hiệu rủi ro, dấu hiệu vi phạm để lựa chọn, đề xuất kiểm tra báo cáo quyết toán. Trường hợp qua kiểm tra báo cáo quyết toán phát hiện có dấu hiệu vi phạm nhưng chưa đủ cơ sở kết luận thì thực hiện kiểm tra nguyên vật liệu, máy móc thiết bị trên dây chuyền sản xuất, kiểm tra hàng tồn kho, số liệu thành phẩm chưa xuất khẩu để kết luận, phát hiện vi phạm.

- Tăng cường công tác kiểm tra, nắm tình hình các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư từ Trung Quốc, Đài Loan, Hong Kong do tính tuân thủ pháp luật hải quan của các doanh nghiệp này chưa cao; Dựa vào các tiêu chí đánh giá của hệ thống quản lý rủi ro để có biện pháp quản lý phù hợp đối với những DNCX trong nhóm có dấu hiệu gian lận, có dấu hiệu tái phạm nhiều lần, những DN trọng điểm cần lưu ý.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra sau thông quan đối việc nhập khẩu nguyên liệu phục vụ gia công, sản xuất hàng xuất khẩu của DNCX; Hệ thống hóa các vi phạm của doanh nghiệp trong hoạt động gia công, SXKK thông qua công tác kiểm tra, xử lý trong thời gian qua để thu thập thông tin tiến hành xây dựng kế hoạch kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp hoạt động gia công, SXKK đảm bảo phù hợp với quy định.

Hoạt động KTSTQ thường chỉ thực hiện khi doanh nghiệp đã có dấu hiệu vi phạm, cơ quan hải quan chưa có kế hoạch KTSTQ trước nhằm phòng ngừa hành vi vi phạm, Do vậy, cần tập trung KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan, trong đó chú trọng thu thập thông tin, phân tích rủi ro kiểm tra các doanh nghiệp, mặt hàng, nhóm mặt hàng có rủi ro cao và những doanh nghiệp chưa được thực hiện KTSTQ. Qua đó tìm ra những biện pháp khắc phục hữu hiệu như: Chú trọng hoạt động KTSTQ đối với các lô hàng nguyên vật liệu có giá trị lớn, định mức cao, có dấu hiệu rủi ro cao, các lô hàng có dấu hiệu nghi ngờ về số lượng, chất lượng để kịp thời phát hiện và ngăn

chặn những hành vi tiêu thụ nội địa trái phép đối với hàng nhập khẩu để xuất khẩu, những nguyên liệu nhập khẩu để gia công, SXKK.

- Thường xuyên, định kỳ xác minh tình hình tài chính và tình trạng hoạt động của doanh nghiệp có nợ thuế quá hạn cưỡng chế với các cơ quan hữu quan: Ngân hàng, Sở kế hoạch đầu tư, Cục thuế, Ủy ban nhân dân, công an... Khi có dấu hiệu doanh nghiệp giải thể, bỏ trốn, mất tích, các cán bộ công chức phải báo cáo Chi cục thực hiện ngay các biện pháp giải quyết theo quy định của pháp luật, không để tình trạng nợ thuế của các doanh nghiệp không thấy địa chỉ như hiện nay.

- Tăng cường quản lý thông tin đối với các DNCX thông quan việc thiết lập hệ thống thông tin đảm bảo toàn diện, có đầy đủ tiêu chí cần thiết phản ánh hoạt động hiện hành của đối tượng theo những nội dung như nguồn gốc hình thành, nơi đăng ký trụ sở, cơ cấu tổ chức bộ máy, người đứng đầu của tổ chức, chức năng nhiệm vụ từng bộ phận, quá trình hoạt động kinh doanh và những vi phạm đã bị xử lý, đặc điểm của những hành vi vi phạm pháp luật. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan hải quan trong quản lý địa bàn của các doanh nghiệp bao gồm việc thu thập và nắm thông tin về tình hình phát triển kinh tế, phân loại đối tượng theo ngành hàng, nhóm hàng và sự phân bố trên địa bàn. Những yếu tố này có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn đó.

3.3.5. Một số giải pháp khác

- Hoàn thiện cơ chế pháp lý để quản lý hải quan đối với các hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu của DNCX trên cơ sở những vướng mắc phát sinh thực tế.

- Chi cục cần thiết lập cẩm nang nghiệp vụ để mỗi khi có nhu cầu luân chuyển điều động cán bộ công chức trong nội bộ đơn vị hay giữa các đơn vị với nhau, cán bộ công chức mới sẽ nhanh chóng nắm bắt, giải quyết được công việc trong vai trò, nhiệm vụ mới được phân công.

- Bộ phận kế toán của Chi cục có báo cáo số thu hàng ngày gửi Lãnh đạo Chi cục và lãnh đạo Đội với mục đích nắm bắt thông tin về nguồn thu của DN, phân tích, đánh giá số thu biến động bất thường từng ngày để tìm ra nguyên nhân; Kiểm soát việc tăng, giảm thu, tránh bỏ sót nguồn thu, tích cực đề ra các biện pháp cụ thể để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN.

- Định kỳ hàng quý, Đội báo cáo Lãnh đạo Chi cục thực hiện kiểm tra tình trạng hàng hóa gửi kho hoặc thực hiện kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu nghi vấn hàng hóa gửi kho không đúng hoặc tiêu thụ nội địa hàng hóa gửi kho nhằm quản lý, kiểm soát hành vi có dấu hiệu gian lận.

- Nhiệm vụ chủ yếu của cơ quan Hải quan là tập trung vào việc kiểm tra và phát hiện kịp thời những gian lận để xử lý vi phạm. Trong thực tế, hiện nay tình trạng gian lận thương mại và buôn lậu diễn ra khá phổ biến, nên việc tăng cường công tác kiểm tra và xử lý vi phạm ngày càng cấp thiết. Cơ quan hải quan cần tiến hành phân loại các doanh nghiệp chấp hành tốt và chưa tốt để phân luồng cho phù hợp. Những đối tượng chấp hành tốt những quy định của chính sách thuế thì cần hạn chế việc thanh tra, kiểm tra sau thông quan, ngược lại với những đối tượng thường có biểu hiện vi phạm pháp luật thì cần tăng cường thanh tra, kiểm tra sau thông quan và có chế tài xử phạt nghiêm khắc với những hành vi sai phạm nhằm răn đe, giáo dục phòng ngừa chung đối với các DN.

- Cần phải tổ chức thường xuyên, kịp thời công tác tuyên truyền, giáo dục; hướng dẫn đầy đủ các thủ tục kê khai, đăng ký định mức và lập báo cáo quyết toán. Ngoài ra, việc khai báo của các doanh nghiệp cần đảm bảo đầy đủ nội dung về số lượng, trị giá hàng, thuế suất để tạo thuận lợi cho hoạt động kiểm tra sau thông quan.

- Xây dựng bảng điện tử tại Chi cục Hải quan KCXKCN Hải Phòng nhằm cung cấp và cập nhật các thông tin về pháp luật hải quan. Trong đó đưa ra các thông tin như ngày ban hành văn bản pháp quy hoặc số liệu về khai báo hải quan tại cơ quan hải quan như: tỷ lệ tờ khai và doanh nghiệp tại các quy trình thủ tục hải quan, các lỗi thường phát sinh trong khai báo thủ tục hải quan.... Các thông tin này sẽ giúp các doanh nghiệp hiểu và có các biện pháp điều chỉnh thích hợp để việc chấp hành pháp luật hải quan tốt hơn.

- Nhằm đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) giai đoạn 2016-2020, Tổng cục Hải quan đã đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT, trong đó đảm bảo 100% công chức làm công tác CNTT được đào tạo bổ sung kiến thức để quản lý, quản trị, triển khai và hỗ trợ vận hành các hệ thống ứng dụng, cơ sở dữ liệu, trang thiết bị CNTT; 100% công chức, viên chức nghiệp vụ được đào tạo sử dụng các ứng dụng CNTT phục vụ

cho yêu cầu nghiệp vụ. Hệ thống quản lý của cơ quan hải quan liên tục được cập nhật, nâng cấp theo yêu cầu thực tế phát sinh. Tuy nhiên, việc thu thập, phân tích, đánh giá thông tin rủi ro đối với doanh nghiệp gia công, SXKK từ Hệ thống cơ sở dữ liệu hải quan có quá nhiều hệ thống vệ tinh (12 hệ thống) nên công chức hải quan mất nhiều thời gian cho việc thu thập, tổng hợp, phân tích đánh giá rủi ro để đề xuất với Lãnh đạo Chi cục đưa ra biện pháp quản lý, kiểm tra phù hợp. Vì vậy, trong khi chờ Tổng cục Hải quan xây dựng phần mềm thu thập thông tin, quản lý doanh nghiệp, phải tiếp tục đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ quy trình thủ tục hải quan; tổ chức tập huấn hướng dẫn sử dụng VNACCS/VCIS và các phần mềm vệ tinh nhất là các công chức mới được bổ sung, phân công thực hiện nhiệm vụ này.

KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Xuất phát từ thực tiễn nghiên cứu công tác quản lý hàng hóa xuất, nhập khẩu đối với hoạt động của các DNCX hoạt động trong KCN Nomura tại Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng, luận văn cho thấy những vấn đề cơ bản của công tác quản lý hàng hóa xuất, nhập khẩu cũng như hoạt động XNK của các doanh nghiệp này. Một số kết quả đạt được là công tác hiện đại hóa nghiệp vụ hải quan được tăng cường và ứng dụng CNTT trong công tác quản lý thuế nhập khẩu đối với những loại hình DNCX nên Chi cục đã có những phát hiện kịp thời để xử lý và chấn chỉnh. Bên cạnh đó, dễ nhận thấy là vẫn còn những hạn chế cần phải khắc phục như tình trạng tờ khai sửa, hủy của DN còn cao, nhiều DN thực hiện không đúng quy định trong báo cáo quyết toán NVL, vật tư GC, SXXK, chưa quản lý tốt định mức, nguyên vật liệu nhập khẩu...

Từ thực tế trên, đặt ra nhiều thách thức trong quản lý các DNCX, trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS đối với hàng hóa XNK, GC, SXXK của DNCX tại KCN. Với nguồn nhân lực có giới hạn và không thể tăng mãi theo khối lượng công việc, vấn đề đặt ra cho cơ quan Hải quan là phải làm gì để vừa tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa XNK vừa đảm bảo yêu cầu quản lý đúng pháp luật hải quan.

Đề tài được học viên trình bày dựa trên những kinh nghiệm khi được làm việc thực tế trong bộ phận giải quyết thủ tục hải quan, cụ thể ở đây là bộ phận tiếp nhận và xử lý hồ sơ, thông quan hàng hóa cho DNCX trong KCN Nomura tại Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng cũng như những tham khảo trong công tác quản lý hồ sơ thanh khoản, quyết toán nhập-xuất-tồn nguyên liệu, vật tư của các DNCX tại Chi cục. Luận văn phần nào đã phản ánh một cách cụ thể những vấn đề cơ bản còn tồn tại của loại hình DNCX, thẳng thắn nhìn nhận trách nhiệm của cơ quan hải quan trong việc quản lý và hướng dẫn DNCX trong quá trình tuân thủ pháp luật; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những sai sót, hạn chế không đáng có.

Luận văn cũng thông qua việc phân tích, đánh giá cho thấy những năm qua Chi cục quản lý các doanh nghiệp đúng quy định, đạt được những kết quả nhất định trong tuyên truyền, phổ biến pháp luật hải quan, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật hải

quan trọng trong cộng đồng doanh nghiệp; thông qua các ứng dụng phần mềm, công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thông quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để gia công, sản xuất xuất khẩu giúp Chi cục theo dõi tiến độ thực hiện của doanh nghiệp, kịp thời phát hiện các doanh nghiệp đến hạn nhưng chưa thực hiện quyết toán để đơn đốc kịp thời, đúng quy định; thông qua công tác hướng dẫn, phổ biến chính sách mới để doanh nghiệp nâng cao trách nhiệm cũng như nghiệp vụ khai báo hải quan, hạn chế sai sót dẫn đến việc bị lập biên bản vi phạm hành chính hoặc rơi vào nhóm doanh nghiệp rủi ro cao, doanh nghiệp trọng điểm... qua đó tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hải quan đối với các doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghiệp Nomura tại Chi cục Hải quan Khu chế xuất và khu công nghiệp Hải Phòng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý nhà nước về hải quan đối với các DNCX tại Chi cục vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định trong việc tuyên truyền, hướng dẫn văn bản, hỗ trợ DN chưa đạt hiệu quả cao, các doanh nghiệp thường mắc các lỗi điển hình trong khai báo sai tên hàng, số lượng, trọng lượng, xuất xứ...; chênh lệch số liệu giữa hàng hóa tồn theo sổ sách và tồn thực tế theo sổ sách kế toán của DNCX với số liệu quản lý, theo dõi của cơ quan hải quan khi quyết toán nguyên liệu vật tư; công tác kiểm tra sau thông quan chưa thực sự hiệu quả; Chi cục còn một bộ phận cán bộ công chức lớn tuổi, hạn chế về trình độ ngoại ngữ, chuyên môn nghiệp vụ dẫn đến giải quyết công việc chậm, cứng nhắc.

Luận văn đã nêu ra được các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý như hoàn thiện nguồn nhân lực, hoàn thiện công tác tổ chức cán bộ, hoàn thiện công tác đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất - kỹ thuật cũng như ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoàn thiện trong công tác quản lý DNCX và một số giải pháp khác. Bên cạnh đó, luận văn cũng định hướng công tác quản lý DNCX trong KCN Nomura của Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan đối với các doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghiệp Nomura tại Chi cục Hải quan Khu chế xuất và khu công nghiệp Hải Phòng nói riêng, các doanh nghiệp chế xuất do Chi cục quản lý nói chung trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Kiến nghị

2.1. Kiến nghị Bộ Tài chính hoàn thiện các văn bản, quy trình nghiệp vụ liên quan.

Nhằm hoàn thiện các văn bản, quy trình nghiệp vụ đối với hoạt động XNK của DNCX, Bộ Tài chính cần xem xét một số kiến nghị như:

Thứ nhất, định mức nguyên vật liệu của DNCX xuất khẩu hiện nay do doanh nghiệp kê khai và chịu trách nhiệm về tính chính xác. Để công bằng cho các doanh nghiệp cần phải có chuẩn định mức cho từng lĩnh vực sản xuất cho phù hợp với tay nghề công nhân Việt Nam, với cơ sở vật chất kỹ thuật của nước, đồng thời tránh doanh nghiệp lợi dụng đăng ký định mức nguyên vật liệu cho một đơn vị sản phẩm cao hơn so với thực tế nhằm gian lận, gây thất thu thuế cho ngân sách nhà nước. Vì vậy, Bộ Tài chính cần chủ trì phối hợp với các bộ ngành Bộ Công thương, Bộ Khoa học và Công nghệ ... xây dựng bộ tiêu chuẩn định mức nguyên vật liệu của DNCX để áp dụng đồng bộ thống nhất cho tất cả các doanh nghiệp.

Thứ hai, có những doanh nghiệp lợi dụng chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước ta đối với hoạt động XNK của loại hình DNCX để nhập nguyên liệu dưới dạng đối tượng không chịu thuế sau đó bán nguyên liệu này vào thị trường, sau đó mua sản phẩm được sản xuất trong nước có giá trị thấp hơn để xuất khẩu hàng để thanh khoản cho số nguyên liệu đã nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế. Do đó cần quy định chi tiết về việc phải kiểm tra sổ sách kế toán, chứng từ thanh toán, việc hạch toán kế toán tại đơn vị, định mức tiêu hao nguyên liệu vật tư, phiếu xuất kho, kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất doanh nghiệp trước khi làm thủ tục quyết toán đối với những DN trọng điểm, có nhiều dấu hiệu rủi ro hoặc chấp hành pháp luật hải quan không tốt. Bộ Tài chính cần xây dựng hệ thống tiêu chí doanh nghiệp phải kiểm tra, doanh nghiệp không phải kiểm tra, trong đó ưu tiên không kiểm tra các doanh nghiệp có rủi ro thấp, khả năng gian lận thương mại không cao, nguyên vật liệu nhập khẩu của loại hình DNCX có thuế suất thấp.

2.2. Kiến nghị Tổng cục Hải quan

Thứ nhất, đề nghị Tổng cục Hải quan nghiên cứu xây dựng tiêu chí quản lý chung, có phần mềm hỗ trợ việc kết xuất và so sánh số liệu phục vụ thu thập thông

tin, kiểm tra của cơ quan hải quan, cảnh báo các trường hợp có sự chênh lệch bất thường (Nhập-Xuất-Tồn) và hỗ trợ doanh nghiệp báo cáo quyết toán

Thứ hai, ban hành văn bản quy định chi tiết KTSTQ, hoàn chỉnh lại quy trình KTSTQ cho phù hợp với quy định của Luật Quản lý thuế. Ngoài hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hoàn chỉnh, cần phải xây dựng những tài liệu hướng dẫn kỹ thuật kiểm tra về các hình thức gian lận trong đó có gian lận các chính sách ưu đãi về thuế, gian lận định mức, về kế toán kiểm toán doanh nghiệp...

Thứ ba, đề nghị Trường Hải quan Việt Nam phối hợp với Học viện Tài chính Kế toán để tổ chức các lớp đào tạo tập trung, chuyên sâu về kiến thức kiểm toán, kế toán, kiểm tra BCQT, KTSTQ cho CBCS Hải quan phục vụ công tác kiểm tra sổ sách kế toán và kiểm tra BCQT, kiểm tra xuất-nhập-tồn.

2.3. Kiến nghị với các doanh nghiệp nhằm phát huy tính tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

Đào tạo và bố trí cán bộ chuyên trách làm thủ tục hải quan nhập nguyên liệu nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu của DNCX. Sau khi đào tạo cho cán bộ các nghiệp vụ liên quan về khai báo hải quan đối với nguyên liệu nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp cần bố trí và sử dụng các cán bộ này theo hướng:

+ Bố trí các cán bộ đã được đào tạo thực hiện chuyên trách công việc hải quan nhập nguyên liệu vật nhập khẩu để gia công sản xuất hàng xuất khẩu đảm bảo theo dõi công việc và hồ sơ, thực hiện đúng và đúng hạn các quy định của pháp luật .

+ Cán bộ chuyên trách nên đảm nhiệm công việc ít nhất một năm để đảm bảo nắm vững các kiến thức, quy định cần thiết, đồng thời tích lũy kinh nghiệm thực hiện pháp luật hải quan để hạn chế sai sót cũng như xử lý các vướng mắc nhanh hơn.

+ Có cơ chế đãi ngộ thích đáng đối với cán bộ chuyên trách làm công tác về lĩnh vực hải quan. Ngoài chế độ lương, thưởng cao nên có phụ cấp công việc do tính đặc thù của công tác kê khai thủ tục hải quan.

*** Giải pháp đề xuất Cục Hải quan TP. Hải Phòng và các phòng ban nghiệp vụ:**

Một là, để phục vụ công tác thu thập thông tin, cùng với việc thu thập thông tin của các Chi cục, đề nghị Phòng Quản lý rủi ro kết hợp với Phòng CNTT, Phòng Chống buôn lậu và xử lý vi phạm chủ động kết xuất thông tin trên hệ thống, đưa ra

các tiêu chí, nội dung cần thiết phục vụ công tác thu thập thông tin về kim ngạch XNK, thông tin vi phạm... để cung cấp cho các Chi cục phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp hoạt động gia công, SXKK.

Hai là, đề nghị các phòng ban chức năng tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho CBCC các chuyên đề về kế toán, kiểm toán, kiểm tra báo cáo BCQT..., để phục vụ công tác nghiệp vụ quản lý.

Ba là, đề nghị Cục Hải quan TP. Hải Phòng bổ sung cho Chi cục nguồn nhân lực chuyên nghiệp có chuyên môn sâu, am hiểu nghiệp vụ kế toán, kiểm toán, KTSTQ để có thể kiểm tra báo cáo quyết toán, báo cáo nhập-xuất-tồn có hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2006), *Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006.*
2. Quốc hội (2012), *Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế.*
3. Quốc hội (2014), *Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014.*
4. Quốc hội (2016), *Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016.*
5. Quốc hội (2014), *Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014*
6. Quốc hội (2014), *Luật Doanh nghiệp số 68/2014/HQ13 ngày 26/11/2014*
7. Quốc hội (2012), *Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012.*
8. Chính phủ (2015), *Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.*
9. Chính phủ (2013), *Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế*
10. Chính phủ (2015), *Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.*
11. Chính phủ (2016), *Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.*
12. Chính phủ (2013), *Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.*
13. Chính phủ (2016), *Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.*
14. Chính phủ (2018), *Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm*

2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

15. Chính phủ (2018), Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính Phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

16. Bộ Tài chính (2013), Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế giá trị gia tăng

17. Bộ Tài chính (2015), Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

18. Bộ Tài chính (2018), Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

19. Bộ Tài chính (2005), Quyết định số 464/QĐ-BTC ngày 29/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

20. Tổng cục Hải quan (2005), Quyết định số 282/QĐ-TCHQ ngày 10/11/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện, áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

21. Tổng cục Hải quan (2015), Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ ngày 10/7/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

22. Tổng cục Hải quan (2018), Quyết định số 1925/QĐ-TCHQ ngày 29/6/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành Sổ tay nghiệp vụ quản lý thuế.

23. Tổng cục Hải quan (2018), Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành Quy trình miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

24. Đội Tổng hợp, Đội Nghiệp vụ - Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng, Các báo cáo thống kê định kỳ, đột xuất, báo cáo tổng kết công tác các năm (2015-2017).

25. Ban quản lý khu công nghiệp Hải Phòng, *Các báo cáo thống kê (năm 2015 - 2017)*

26. Các trang Website trên INTERNET:

Website Bộ Tài chính: <http://www.mof.gov.vn>

Website Tổng Cục Hải quan: <http://www.customs.gov.vn>

Website Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng: <http://heza.gov.vn>

Website Cổng thông tin thành phố Hải Phòng: <http://haiphong.gov.vn>

PHỤ LỤC 01
PHIẾU KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ CỦA DOANH NGHIỆP VỀ CÔNG TÁC
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI DNCX TRONG KCN
NOMURA TẠI CHI CỤC HẢI QUAN KCX&KCN HẢI PHÒNG

Lời đầu tiên cho phép tôi được gửi tới Quý ông/bà đại diện cho các DNCX trong KCN Nomura lời chào trân trọng.

Hiện nay, tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu “*Giải pháp quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất trong KCN Nomura tại Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng*”;

Để đánh giá khách quan những thuận lợi, khó khăn và vướng mắc về thủ tục hải quan cũng như những tồn tại trong công tác quản lý nhà nước về hải quan đối với DNCX trong KCN Nomura, mong ông/bà vui lòng bớt chút thời gian để cung cấp một số thông tin trả lời các câu hỏi trong phiếu khảo sát này.

Tất cả những thông tin ông/bà cung cấp, tôi xin cam kết giữ bí mật tuyệt đối, không công bố, in ấn và phát hành dưới bất kỳ hình thức nào mà chỉ phục vụ cho việc nghiên cứu của bản thân tôi.

Tôi hy vọng nghiên cứu này sẽ đóng góp vào việc hiệu đúng thực trạng DNCX hoạt động tại Chi cục Hải quan KCX và KCN Hải Phòng và gợi mở những giải pháp tham khảo hữu ích cho các bên liên quan.

Nếu ông/ bà có thắc mắc, xin liên hệ với tôi theo thông tin:

Hoàng Thị Hải An, Công chức Đội Tổng hợp, Chi cục Hải quan KCX và KCN Hải Phòng. Địa chỉ: Km 13+500 QL5, xã Tân Tiến, huyện An Dương, TP. Hải Phòng. Email: hoangthihaian01061979@gmail.com. Điện thoại: 0912 002 989.

Trân trọng và cảm ơn ý kiến trả lời của ông/bà.

I. Thông tin chung về đại diện doanh nghiệp/người được phỏng vấn.

1. Tên doanh nghiệp:

2. Địa chỉ:

Trình độ chuyên môn:

Trung cấp Cao đẳng Đại học Trên đại học

Chức vụ: Lãnh đạo Nhân viên nghiệp vụ

Giới tính: Nam Nữ

Thời gian công tác (năm): < 5 5-15 >15

Xin ông/bà cho biết mức độ đồng ý đối với mỗi mệnh đề về công tác quản lý nhà nước về hải quan đối với DNCX trong KCN Nomura tại Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng (1.Rất kém 2.Kém 3.Không có ý kiến 4.Tốt 5.Rất tốt).

Quý ông/bà hãy lựa chọn một phương án trả lời duy nhất trong mỗi câu hỏi.

II. Công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật, hỗ trợ DN

1. Ông/bà cho biết công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hải quan cho doanh nghiệp hiện nay như thế nào?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

2. Công tác tổ chức hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa hải quan với doanh nghiệp để tuyên truyền, hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

3. Ông/bà cho biết việc cơ quan hải quan cung cấp tài liệu, văn bản pháp luật cho doanh nghiệp đã đầy đủ, đáp ứng yêu cầu?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

4. Thông tin hỗ trợ từ Website của hải quan, diễn đàn như thế nào?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

III. Công tác quản lý hoạt động thông quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để gia công

1. Theo ông/bà phương pháp quản lý hoạt động gia công đối với các doanh nghiệp chế xuất hiện nay?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

2. Ông/bà cho biết các văn bản pháp luật quy định và hướng dẫn hoạt động gia công hiện nay như thế nào?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

3. Ông/bà cho biết việc thực hiện quy trình, thủ tục hải quan hiện nay như thế nào?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

4. Ông/bà cho biết việc quy định về hồ sơ hải quan đối với hàng hoá gia công hiện

nay thế nào?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

IV. Công tác quản lý hoạt động thông quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để SXKK

1. Theo ông/bà phương pháp quản lý hoạt động SXKK đối với các doanh nghiệp chế xuất hiện nay đã tốt?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

2. Ông/bà cho biết các văn bản pháp luật quy định và hướng dẫn hoạt động SXKK hiện nay thế nào?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

3. Ông/bà cho biết việc quy định về hồ sơ hải quan đối với hàng hoá SXKK hiện nay đã phù hợp?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

V. Công tác quản lý báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu vật tư

1. Ông/ bà cho biết các biểu mẫu kê khai, báo cáo quyết toán như thế nào, có dễ thực hiện?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

2. Thời hạn báo cáo và kiểm tra báo cáo quyết toán đã phù hợp với thực tiễn?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

3. Ông/bà cho biết việc thực hiện báo cáo quyết toán hiện nay như thế nào?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

VI. Công tác xử lý vi phạm, kiểm tra và vấn đề rủi ro đối với hàng gia công, sản xuất để xuất khẩu

1. Ông/bà cho biết công tác xử lý vi phạm của cơ quan hải quan hiện nay đã hợp lý, hiệu quả?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

2. Ông/bà cho biết công tác thu thập thông tin doanh nghiệp của cơ quan hải quan để phục vụ phân tích, đánh giá rủi ro DN?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

3. Ông/bà cho biết cơ quan hải quan thực hiện các biện pháp kiểm tra, xử lý đối với DNCX hoạt động gia công, SSXK?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

VII. Quý ông/bà có kiến nghị, đề xuất gì với cơ quan hải quan để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện quy trình thủ tục hải quan, hoạt động gia công, SXXK

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHỤ LỤC II

PHIẾU KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ CỦA CBCC HẢI QUAN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI DNCX TRONG KCN NOMURA TẠI CHI CỤC HẢI QUAN KCX&KCN HẢI PHÒNG

Xin kính chào anh/chị!

Lời đầu tiên cho phép tôi được gửi tới anh/chị lời chào trân trọng.

Hiện nay, tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu “*Giải pháp quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất trong KCN Nomura tại Chi cục Hải quan KCX&KCN Hải Phòng*”;

Xin anh/chị vui lòng bớt chút thời gian để cung cấp cho tôi một số thông tin bằng cách trả lời các câu hỏi trong phiếu khảo sát này.

Tất cả những thông tin anh/chị cung cấp, tôi cam kết sẽ giữ bí mật tuyệt đối, không công bố, in ấn và phát hành dưới bất kỳ hình thức nào mà chỉ phục vụ cho việc nghiên cứu của bản thân tôi.

Anh/chị hãy lựa chọn một phương án trong mỗi câu hỏi mà anh/chị cho là đúng và hợp lý nhất.

Xin trân trọng cảm ơn ý kiến của anh/chị!

I. Thông tin chung về người được phỏng vấn.

1. Họ và tên:

Đơn vị công tác:.....

Giới tính: Nam Nữ

Trình độ chuyên môn:

Trung cấp Cao đẳng Đại học Trên Đại học

Chức vụ: Lãnh đạo Chuyên viên

Thời gian công tác (năm): < 5 5-15 >15

II. Đánh giá của CBCC về công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật, hỗ trợ DN

1. Ông/bà cho biết công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hải quan cho doanh nghiệp hiện nay như thế nào?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

2. Công tác tổ chức hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa hải quan với doanh nghiệp để

tuyên truyền, hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

3. Ông/bà cho biết việc cơ quan hải quan cung cấp tài liệu, văn bản pháp luật cho doanh nghiệp đã đầy đủ, đáp ứng yêu cầu?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

4. Thông tin hỗ trợ từ Website của hải quan, diễn đàn như thế nào?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

III. Đánh giá của CBCC về công tác quản lý hoạt động thông quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để gia công

1. Theo ông/bà phương pháp quản lý hoạt động gia công đối với các doanh nghiệp chế xuất hiện nay?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

2. Ông/bà cho biết các văn bản pháp luật quy định và hướng dẫn hoạt động gia công hiện nay như thế nào?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

3. Ông/bà cho biết việc thực hiện quy trình, thủ tục hải quan hiện nay như thế nào?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

4. Ông/bà cho biết việc quy định về hồ sơ hải quan đối với hàng hoá gia công hiện nay thế nào?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

IV. Đánh giá của CBCC về công tác quản lý hoạt động thông quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để SXKK

1. Theo ông/bà phương pháp quản lý hoạt động SXKK đối với các doanh nghiệp chế xuất hiện nay đã tốt?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

2. Ông/bà cho biết các văn bản pháp luật quy định và hướng dẫn hoạt động SXKK hiện nay thế nào?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

3. Ông/bà cho biết việc quy định về hồ sơ hải quan đối với hàng hoá SXKK hiện nay đã phù hợp?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

V. Đánh giá của CBCC về công tác quản lý báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu vật tư

1. Ông/ bà cho biết các biểu mẫu kê khai, báo cáo quyết toán như thế nào, có dễ thực hiện?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

2. Thời hạn báo cáo và kiểm tra báo cáo quyết toán đã phù hợp với thực tiễn?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

3. Ông/bà cho biết việc thực hiện báo cáo quyết toán hiện nay như thế nào?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

VI. Đánh giá của CBCC về công tác xử lý vi phạm, kiểm tra và vấn đề rủi ro đối với hàng gia công, sản xuất để xuất khẩu

1. Ông/bà cho biết công tác xử lý vi phạm của cơ quan hải quan hiện nay đã hợp lý, hiệu quả?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

2. Ông/bà cho biết công tác thu thập thông tin doanh nghiệp của cơ quan hải quan để phục vụ phân tích, đánh giá rủi ro DN?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

3. Ông/bà cho biết cơ quan hải quan thực hiện các biện pháp kiểm tra, xử lý đối với DNCX hoạt động gia công, SSXK?

Rất kém Kém Không có ý kiến Tốt Rất tốt

